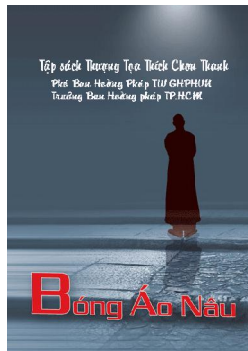
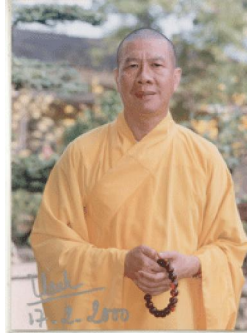


BÓNG ÁO NÂU
TẬP SÁCH VỀ CUỘC ĐỜI
THƯỢNG TỌA THÍCH CHƠN THANH



Biên tập: Minh Thuận - Huệ Nghiêm - Nhuận Liên

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 8-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời đầu sách

Lời Giới Thiệu

Tiểu sử Thượng Tọa Thích Chơn Thanh

Phần I: Những bài giảng của thầy

Tâm sự với tăng ni sinh.

Làm chủ lục căn

An cư kiết hạ - nguồn sinh lực của tăng già

Bờ này của Tâm

Thập thiện

Lợi ích khi lìa bỏ tham dục

Phần II: Truyện ký Bóng áo nâu.

Phần 1 - Một khúc sông Tiền

Trường làng

Chùa quê

Xuất gia

Phần 2 - Chú điệu chùa Phước Lâm

Bổn sư Thiện Thọ

Góc nhỏ Phổ Quang

Phần 3 - Lễ Phật Đản

Dấu ấn Huệ Nghiêm

Cây cao bóng cả

Thọ giới

Đèn sách

Phần cuối - Cảnh lá bồ đề

Người thầy khả kính

Một ngày để nhớ

Hương sen cuối gió.

Tiếng tụng kinh...

Phần III: Những bài viết về thầy

Ngày nay vẫn như là ngày xưa

Tình pháp lữ

Một nhánh mai còn mãi

Khắp trời sen nở

Pháp lữ không xa

Hoa xưa vẫn nở

Những đợt sóng

Pháp thân bất diệt

Ân sư

Tình huynh đệ

Còn mãi bóng hình

Lời thầy không quên

Tấm gương tinh tấn

Thầy vẫn quanh đây

Khóc và cười

Người thầy thân thiết, bao dung

Thầy chánh chủ khảo

Hạnh nguyện lợi tha

Hành trang để lại

Một phong thái ung dung

Đời người & tâm nguyện

Áo nâu còn mãi

Pháp lữ đạo tình

Còn mãi

Vẫn rất gần

Còn đâu!

Lời thầy vang mãi

Nét buồn

Nhớ nắng ngày xưa
Tang phần
Hương chân thầy

---o0o---

Lời đầu sách

Kính thưa quý độc giả!

Thượng Tọa Thích Chơn Thanh "...Với đức tính vị tha vô ngã, từ hoà hỷ xả, nhiếp hoá mọi người, thượng tọa đã làm cho tăng ni, Phật tử hữu duyên phát khởi tín tâm, tu hành tinh tấn, vững bền đạo nghiệp, tiến bước trên đường giải thoát... Sự ra đi của Thượng tọa là một mất mát lớn lao đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thành hội Phật giáo TP.HCM, tăng ni, Phật tử khắp nơi và môn đồ pháp quyến..." (trích điều văn của Trung ương Giáo hội PGVN).

Để ghi lại cuộc đời tu hành, hoằng hoá độ sanh của thầy, chúng tôi làm tập sách này. Trước nhất để tỏ lòng kính tiếc ân sư, sau nữa là mong rằng cuốn sách sẽ đem lại chút ít lợi lạc cho người đọc khi được hiểu thêm về một bậc chân tu để tăng lòng kính tin Tam Bảo.

Sách gồm bốn phần:

Phần I: Tuyển chọn một số bài giảng của thầy trong những năm đứng trên bục giảng, giảng dạy cho tăng ni sinh trong các trường Phật học và các đạo tràng Phật tử khắp nơi.

Những bài giảng này chúng tôi vụng về ghi lại qua các băng giảng do một số tăng ni, Phật tử tự phát thu, do vậy không phải là một tài liệu đầy đủ hay tiêu biểu trong sự nghiệp giảng dạy của thầy. Do những qui định về thời lượng, tùy theo trình độ của người nghe mà thầy thuyết pháp, vì thế, những bài giảng này chỉ thể hiện một góc nhỏ, một phần khiêm tốn trong kiến giải của thầy. Chúng tôi mạo muội "kết tập" in ra đây, chỉ hầu mong: Nếu trong số những người đọc, ai còn có chút duyên lưu hậu với thầy, qua những bài giảng này, có thể gợi mở, hiểu thêm một chút về giáo lý mênh mông, cao sâu của đức Phật thì công đức đó thuộc về tất cả chúng sinh.

Phần II: Truyện ký về cuộc đời của thầy từ lúc bé thơ cho đến lúc xuất gia tu học, hành đạo và viên tịch.

Với truyện ký này, trước là chúng tôi muốn ghi lại một cách sơ lược về cuộc đời thật của thầy, để qua đó, bạn đọc hiểu hơn về thầy Chơn Thanh - một bậc chân tu đáng kính; sau là muốn khắc họa một góc chân dung của vị tu sĩ Phật giáo trong thế hệ những người sống, tu học, hành đạo vào những thập niên cuối thế kỷ 20 và những năm đầu thế kỷ 21.

Vì khả năng có hạn và tài liệu chưa đầy đủ, chúng tôi không thể vẽ trọn bức tranh mà mình mong muốn. Những nhân vật, sự kiện trong truyện hầu hết đều là có thật, nhưng đôi lúc để cho hình tượng nhân vật rõ nét, trở nên điển hình, chúng tôi mạn phép hư cấu, nhưng chung qui vẫn không ngoài cái nền của sự thật. Vì thế, để không làm phiền những người có mặt trong truyện, chúng tôi xin được tránh gọi tên thật - ngoại trừ nhân vật chính và những người không nhắc đến nhiều. Về các địa danh là có thật. Về hoàn cảnh lịch sử thì chúng tôi không dám ước mong, cũng không đủ khả năng tái hiện - dù một góc nhỏ của lịch sử - nên chỉ lướt qua, mục tiêu chủ yếu chỉ là kể lại hoạt động của nhân vật trong thời điểm đó mà thôi.

Vấn đề chính ở đây là chúng tôi muốn khắc họa một góc chân dung của vị tu sĩ Phật giáo qua nhân vật thầy Chơn Thanh. Những chi tiết mà chúng tôi hư cấu chỉ nhằm mục đích nêu được những đức tính thanh cao, tốt đẹp của một người tu, không chỉ là cá nhân thầy Chơn Thanh mà là một chút hình ảnh chung của những bậc chân tu trong giai đoạn lịch sử này. Chúng tôi mong rằng bạn đọc sẽ đón nhận điều này với tinh thần “đạt ý quên lời”.

Phần III: Những bài viết kỷ niệm về thầy của những tăng ni Phật tử khắp nơi.

Có quá nhiều bài viết thể hiện tình cảm của mọi người đối với thầy, để tránh sự lặp lại, gây cảm giác nhàm chán, bi lụy; vì sự cân đối của sách, chúng tôi không thể đăng tải hết. Những bài viết dàn trải, chung chung, trùng lặp, không xoáy sâu vào vấn đề, chúng tôi mạn phép biên tập lại để các chủ đề trong phần này được nổi bật, phong phú và đầy đủ hơn. Một số bài viết kể những kỷ niệm về thầy, chúng tôi xin phép chuyển sang làm tư liệu cho phần truyện, thành thật mong các tác giả - vì lòng quý mến thầy, vì sự thành công chung của cuốn sách mà hoan hỷ - chấp thuận, chúng tôi vô cùng cảm kích.

Phần IV: Một số hình ảnh tư liệu về cuộc đời hoạt động của thầy.

Hình ảnh của thầy chúng tôi đã cố hết sức sưu tầm nhưng vẫn không thể có được đầy đủ như mong muốn, chỉ có thể đem đến cho quý đọc giả những nét phác thảo sơ lược bằng hình ảnh về thầy mà thôi.

Cuốn sách trên tay quý vị là công lao của rất nhiều người: những người có tên trong sách cũng như rất nhiều người đã lặng thầm giúp đỡ. Từ những người cung cấp tư liệu, ủng hộ về tài chính.v.v... cũng như những tác giả bài viết dù không được in ở đây, nhưng cũng đã giúp chúng tôi có những cảm xúc vô cùng quý báu khi đọc bài của quý vị, nhờ đó mà chúng tôi hoàn thành được phần nào nhiệm vụ của mình, góp phần nâng tầm của cuốn sách lên hơn cả mong đợi (theo chỉ tiêu khiêm tốn) của những người thực hiện.

Dù đã cố gắng hết sức, nhưng vì khả năng có hạn, không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong quý đọc giả với tinh thần đạo Phật, mở lòng thông cảm, hoan hỷ cho chúng tôi.

Nếu có chút công đức, xin hồi hướng cho vị thầy vô vàn kính quý của chúng con và tất cả chúng sinh trong mười phương pháp giới.

Nhóm thực hiện.

Minh Thuận - Huệ Nghiêm - Nhuận Liên

---o0o---

Lời Giới Thiệu

Thượng tọa Chơn Thanh là người học trò xuất sắc của Hoà thượng chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Phải khẳng định rằng Thượng tọa rất nhiệt tình đối với sinh hoạt của Giáo hội chúng ta.

Mặc dù tuổi đời chưa nhiều, nhưng Thượng tọa đã trang nghiêm thân tâm bằng hạnh nguyện gắn bó mật thiết với đạo, nên Thượng tọa đã được quý tôn túc tín nhiệm, cơ cấu vào Hội đồng Trị sự Trung ương và phân công làm Phó Văn phòng 2 Trung ương của Giáo hội.

Ngoài công việc trợ giúp Hoà thượng Chủ tịch điều hành Ban Tăng sự Trung ương, Thượng tọa còn tích cực tham gia hoạt động của Ban Hoằng pháp Trung ương, với cương vị là Trưởng ban Hoằng pháp của Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh và cũng là Phó ban Hoằng pháp Trung

ương đặc trách Giảng sư đoàn Trung ương. Đồng thời, Thượng tọa cũng đảm trách công việc giảng dạy tại các trường Phật học.

Có thể nói sự đóng góp của Thượng tọa Chơn Thanh rất lớn cho Giáo hội chúng ta. Và đặc biệt là tấm lòng trong sáng và đạo đức của Thượng tọa đã ảnh hưởng rất tốt đến Tăng Ni, Phật tử.

Mặc dù ngày nay Thượng tọa không còn hiện hữu trên cõi đời, nhưng Tăng Ni và tín đồ, những ai đã từng học hoặc nghe pháp với Thượng tọa, đều ghi dấu trong tâm họ những ý tưởng tốt đẹp về hình bóng của Thượng tọa Chơn Thanh, một mẫu người tu sĩ thiết tha vì đạo.

Tập sách này lưu lại tấm lòng của quý Tăng Ni và học trò luôn nghĩ đến Thượng tọa Chơn Thanh. Tôi xin giới thiệu với Tăng Ni, Phật tử. Mong rằng quý vị đọc và tìm thấy được những nét, đặc sắc qua tình cảm trong sáng của các tác giả ghi lại trong tập sách này, để xây dựng cho mình đời sống tốt đẹp.

HT. THÍCH TRÍ QUẢNG
Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương

---o0o---

Tiểu sử Thượng Tọa Thích Chơn Thanh

Ủy viên Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật Giáo Việt Nam
Phó văn phòng 2 Trung ương GHPGVN
Phó ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN
Chánh thư ký ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP.HCM
Trưởng ban Hoằng pháp Thành hội Phật giáo TP.HCM

I. THÂN THỂ

Thượng tọa Thích Chơn Thanh thế danh: Phan Văn Bé, sinh ngày 13 tháng 03 năm 1948. Quê quán: xã Mỹ Xương, quận Cao Lãnh, tỉnh Kiến Phong, nay là xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Thân phụ là cụ ông Phan Văn Vinh (pháp danh: Thiện Quang), thân mẫu là bà Nguyễn Thị Mến (pháp danh: Diệu Hỷ). Thượng tọa có sáu anh em, hai trai bốn gái, ngài là anh cả trong gia đình.

II. THỜI KỲ XUẤT GIA HỌC ĐẠO

Vốn sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân phúc hậu, giàu lòng tin Tam Bảo, nhất là đã có gieo trồng hạt giống Bồ Đề, nên khi cơ duyên đã đủ, nhân xuất gia đến thời kỳ bộc phát, Thượng tọa phát tâm xuất gia, đầu sư với cố hoà thượng Thích Thiện Thọ, trụ trì chùa Phước Lâm, Tân Uyên, Biên Hoà, này là tỉnh Bình Dương, được bốn sư ban pháp húy là Nhật Bế, hiệu Chơn Thanh, nối dòng Lâm Tế gia phả đời thứ 41.

Sau khi xuất gia học đạo năm 1964, Thượng tọa đã được bốn sư cho phép theo học lớp Sơ đẳng Phật học tại Phật học đường Phổ Quang, Phú Nhuận, Gia Định do hoà thượng Thích Thiện Thông làm Giám viện.

Năm 1965, khi Phật học viện Huệ Nghiêm được thành lập, Thượng tọa đã trúng tuyển thi nhập học lớp Trung đẳng Phật học và theo học suốt chương trình từ 1965 đến 1971 dưới sự lãnh đạo điều hành của quý hoà thượng: Bửu Huệ, Thanh Từ, Thiên Tâm v.v...

Năm 1965, để đầy đủ giới pháp tu hành, thượng tọa đã được ban Giám đốc cho đăng đàn thọ giới Sa di tại Phật học viện Huệ Nghiêm, do hoà thượng Thích Thiện Hoà làm Đường đầu hoà thượng.

Năm 1969, đã viên mãn tam đàn giới pháp, dự vào hàng Tam Bảo, thượng tọa đã được hoà thượng bốn sư cho đăng đàn thọ giới tỷ kheo tại Đại giới đàn Miền Quảng Đức được tổ chức tại Phật học viện Huệ Nghiêm, Gia Định do hoà thượng Thích Hải Tràng làm Đường đầu hoà thượng.

Năm 1971, viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm chính thức khai giảng, do hoà thượng Thích Trí Tịnh làm Viện trưởng, hoà thượng Thích Bửu Huệ là Phó viện trưởng. Thượng tọa theo học suốt chương trình tám năm tại viện mãn khoá vào năm 1977. Tuy nhiên chương trình học kinh bộ vẫn tiếp tục đến năm 1991 do hoà thượng Thích Trí Tịnh hướng dẫn.

III. THỜI KỲ HÀNH ĐẠO

Trong thời gian theo học tại viện, nhất là năm 1969 - 1975, thượng tọa là một trong những cán bộ Phật giáo đi xây dựng cơ sở hạ tầng cho GHPG VNTN tại các tỉnh miền Tây và miền Đông theo chủ trương của Viện Hoá Đạo. Đồng thời là thành viên trong giảng sư đoàn Trung ương thuộc Tổng vụ Hoằng pháp do hoà thượng Thích Huyền Vi là Tổng vụ trưởng đi truyền bá chánh pháp khắp nơi.

Sau ngày 30 tháng 04 năm 1975, chương trình Theo dấu chân xưa về cảnh cũ của hoà thượng viện chủ chùa Huệ Nghiêm đã đề ra, nhằm tạo thắng duyên trong sự giải thoát qua pháp môn niệm Phật vãng sinh. Thượng tọa đã cùng các pháp lữ luân phiên nhập thất tịnh tu, tránh duyên bớt cảnh, một lòng phát nguyện vãng sinh.

Năm 1977, trong kỳ họp củng cố và ổn định lại nhân sự ban Quản trị của viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm và chùa Huệ Nghiêm, Thượng tọa được ban Quản trị và đại chúng cử làm thư ký của ban Quản trị cho đến ngày về cõi Phật.

Năm 1982, Thành Hội Phật Giáo TP.HCM được thành lập, thượng tọa được Thành Hội Phật Giáo bổ nhiệm làm Phó ban đại diện Phật giáo huyện Bình Chánh trong suốt hai nhiệm kỳ (1982-1990).

Năm 1990, tại đại hội Phật giáo TP.HCM lần thứ III, thượng tọa được Đại hội suy cử là Phó thư ký, Phó Văn phòng Thành Hội Phật Giáo, Ủy viên Hoằng Pháp rồi Trưởng ban Hoằng pháp Thành Hội Phật Giáo TP.HCM.

Cũng năm 1997, tại Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ IV, thượng tọa được Đại hội suy cử làm Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN kiêm nhiệm Phó ban Hoằng pháp Trung ương, đồng thời được Ban thư ký Hội đồng Trị sự cử làm Phó Văn phòng II Trung ương Giáo hội nhiệm kỳ IV (1997-2002) đến ngày viên tịch.

Tại Đại hội Đại biểu Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IV, thượng tọa được suy cử làm Chánh thư ký ban Trị sự kiêm Trưởng ban Hoằng pháp Thành Hội Phật Giáo TP.HCM cho đến ngày xả báo an tường.

Trên cương vị là sứ giả Như Lai và trách nhiệm hiện hữu, nhằm tục Phật tuệ đăng, báo Phật ân đức, thượng tọa đã không ngại gian lao, không từ khó nhọc, nỗ lực hoằng dương chánh pháp, giáo hoá học đồ, tăng ni Phật tử qua các trường Phật học, các giảng đường thánh pháp, những đạo tràng lớp giáo

lý phổ thông v.v... đã giúp cho tăng ni sinh, phật tử đượm nhuần ân pháp nhũ, tăng trưởng căn lành, trở thành người hữu ích cho đạo pháp và xã hội.

IV. VIÊN TỊCH

Những tưởng trên đường phụng sự đạo pháp, phục vụ chúng sinh, thượng tọa còn đóng góp tiếp tục và dài lâu hơn nữa theo nhựa sống dâng trào của người con Phật và trưởng tử của Như Lai, nào ngờ đâu, một phút vô thường, sau cơn bệnh, thượng tọa đã từ bỏ huyễn thân, thu thân viên tịch vào lúc 0 giờ 20 phút ngày 22 tháng 07 năm 2002 (nhằm ngày 13/06/Nhâm Ngọ), trụ thế 55 năm, trải qua 34 mùa an cư kiết hạ.

Thế là thượng tọa đã tạm từ bỏ sự hiện hữu của mình trong kiếp nhân sinh hiện tại trở về với thế giới Chân Như nơi xuất phát đầu tiên của người con Phật, của vạn loại hàm linh. Tuy nhiên, dù hôm nay thượng tọa không còn hiện hữu giữa cuộc đời, nhưng công đức và đạo nghiệp của thượng tọa vẫn còn khắc ghi trong tâm khảm của tất cả những người con Phật cũng như trong trang sử của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Chân thành cảm ơn TT Thích Thiện Bảo đã gửi tặng tập sách này.

---o0o---

Phần I: Những bài giảng của thầy

Phương pháp diễn giảng

Những kinh nghiệm giảng dạy Phật pháp dành cho tăng ni sinh ở các lớp giảng sư

Hôm nay tôi xin chia sẻ với các thầy cô một số phương pháp giảng dạy giáo lý mà tôi đã học hỏi đúc kết từ kinh nghiệm của các vị giảng sư đi trước tự bản thân rút ra qua bao nhiêu năm đứng trên bục giảng.

Điều đầu tiên tôi muốn nói với các thầy cô: Đối với người đời thì dạy học là một nghề nghiệp, một sự nghiệp, nhưng đối với tu sĩ chúng ta thì giảng dạy giáo lý là một bổn phận, một nhiệm vụ thiêng liêng. Đứng trên bục giảng, chúng ta phải luôn tâm niệm vị tha vì đạo, không cầu danh lợi cá nhân. Giáo lý tối thượng là của Đấng Thế Tôn chứng ngộ, chư vị Tổ sư kết tập, truyền thừa, chúng ta chỉ là người giữ gìn, thấp nôi ngọn đèn Chánh pháp. Ý thức được nhiệm vụ quan trọng và thiêng liêng của mình một cách thấu đáo thì

chúng ta mới có thể hoàn thành tốt được phần nào bổn phận của một sứ giả Như Lai.

A. NHỮNG BƯỚC CHUẨN BỊ:

I. Am tường giáo lý:

1. Hiểu đúng:

Hiểu đúng giáo lý là điều tối thiết. Xưa có câu chuyện một vị tăng vì hiểu và trả lời sai về nhân quả mà phải đọa năm trăm kiếp làm chồn. Làm một giảng sư, nếu hiểu và giảng sai giáo lý thì đưa đến hậu quả vô cùng nghiêm trọng cho bản thân và cho biết bao người. Do vậy, phải trang bị cho mình một sự vững vàng về giáo lý. Phải tìm hiểu thật cặn kẽ, rốt ráo, nếu có điểm gì còn nghi ngờ, chưa rõ. Tuyệt đối không được mập mờ, dễ dãi. Đối với kinh tạng phải hết sức cẩn thận, nghiên cứu, đối chiếu kỹ lưỡng về mặt từ ngữ khi trích dẫn, sai một li đi một dặm. Ngày xưa Tổ Đạt Ma chủ trương bất lập văn tự một phần cũng là ngụ ý nhắc người sau phải hết sức cẩn trọng đối với sự truyền đạt giáo lý. Đối với chân nghĩa giáo lý phải coi trọng còn hơn sinh mạng của mình. Không qua loa dễ dãi, khế lý khế cơ tùy tiện.

2. Hiểu sâu, hiểu rộng:

Người giảng sư cần có kiến thức về giáo lý sâu sắc. Không chỉ trong phạm vi chương trình, đề tài của mình giảng dạy mà phải mở rộng và nâng cao, để trong quá trình giảng ta có sự so sánh, đối chiếu, có như vậy thì bài giảng mới sâu sắc, sáng tỏ. Kiến thức sâu rộng mới có thể trả lời được ngay cả những câu hỏi ngoài bài học nhưng có hỗ trợ, liên quan đến bài học khi người nghe tham hỏi, nếu không trả lời được, áp úng lơ mờ hoặc trả lời sai thì sẽ mang lại sự hoài nghi, thất vọng, mất niềm tin ở người nghe. Muốn hiểu sâu hiểu rộng giáo lý phải đọc và tham khảo nhiều tài liệu sách vở đông tây kim cổ. Đọc nhiều các luận giải, quan điểm của các tông phái, trường phái để có sự so sánh đối chiếu, sáng tỏ vấn đề.

Một vấn đề rất quan trọng nhất để hiểu sâu giáo lý là phải “hành thâm” giáo lý. Nếu không tu tập để có sự chứng nghiệm từ bản thân thì không thể hiểu sâu sắc giáo lý được.

3. Tuyệt đối tuân thủ, nhất quán:

Đối với Chánh pháp không được tự ý thêm thắt lý giải theo cách hiểu, quan niệm của riêng mình. Giảng giáo lý không thể chấp nhận năm nay các thầy giảng như thế này, năm sau lại giảng như thế khác cho một vấn đề, đương nhiên là tùy theo trình độ cao thấp mà gia giảm mức độ nông sâu, nhưng cái căn bản là phải nhất quán. Đối với ngành giáo dục nước ta hiện nay, năm nay dạy thế này, năm tới có thể sẽ phải dạy thế khác, bởi giáo dục bây giờ luôn được cải cách để cập nhật với sự tiến bộ của khoa học, xã hội và tâm thế của con người hiện đại. Còn đối với giáo lý của Đức Thế Tôn mấy ngàn năm qua vẫn không thể đổi khác. Đó là chân lý tuyệt đối vĩnh hằng. Người tu có thể khế lý khế cơ áp dụng giáo lý phù hợp với căn cơ của mình, với hoàn cảnh hiện tại để tu, nhưng nền tảng căn bản của giáo lý không thể thay đổi hay hiểu khác đi được.

---o0o---

II. Trang bị kiến thức xã hội:

Người giảng sư cần trao dồi kiến thức xã hội, nếu quá lạc hậu so với thời cuộc thì không nắm bắt được tâm lý, mối quan tâm của người nghe, bài giảng sẽ kém sức hấp dẫn vì thiếu thực tế. Thậm chí phải biết sơ lược, cơ bản về các tôn giáo khác để có tầm nhìn bao quát. Cần có sự cảm thụ, hiểu biết về văn học nghệ thuật để dẫn chứng cho bài giảng tươi mát hơn. Những bài kệ, bài thơ có chủ đề Phật giáo nếu được trích dẫn phù hợp sẽ mang lại hiệu quả lý thú, dễ nhớ cho người nghe. Đức Phật ngày xưa đã áp dụng phương pháp này rất tuyệt vời, hiệu quả. Hầu hết các bài kinh ngài thuyết đều có những câu kệ dễ nhớ mà sâu sắc, độc đáo, tầng tầng ý nghĩa.

---o0o---

III. Chuẩn bị bản thân:

1. Tu tập: Một giảng sư Phật học phải có thực tu. Giảng giáo lý mà không có kinh nghiệm tu tập sẽ chỉ là những lời nói suông, thiếu tính thực tiễn, thuyết phục.
2. Trau dồi giới đức: Phải luôn giữ gìn giới đức oai nghi nghiêm nhặt, vì khi đứng trên bục giảng mà bản thân không làm cho người nghe tin tưởng, thân giáo không có thì khẩu giáo cũng không hiệu quả.
3. Sức khoẻ: Rất cần thiết cho việc giảng dạy, không thể giảng tốt nếu bệnh cảm, uể oải, giọng khan...

IV. Chuẩn bị đề tài:

1. Nếu giảng ở các trường Phật học thì chương trình dạy đã có sẵn, ta cứ tập trung nghiên cứu, đầu tư cho bài giảng của mình thật kỹ.
2. Nếu giảng ở các đạo tràng Phật tử, các buổi bát quan trai, các khoá tu v.v... thì cần sắp xếp các đề tài, chủ đề một cách có trình tự từ cơ bản đến nâng cao, để người nghe nơi ấy tuy nghe ta giảng nhiều lần vẫn không bị lặp lại, nhàm chán. Không tùy tiện hứng đâu giảng đó; thiếu sự xuyên suốt, khoa học thì giảng một thời gian lâu là bí đề tài, không biết giảng cái gì nữa.
3. Nếu là buổi thuyết pháp đột xuất ở một địa phương nào đó thì phải nghiên cứu tìm hiểu phong tục tập quán thói quen sinh hoạt, trình độ, mối quan tâm của thính giả nơi đó mà chọn đề tài phù hợp.

V. Chuẩn bị giáo án:

- Soạn giáo án chi tiết cẩn thận, khoa học với ý thức rằng không chỉ dạy một lần, mà giáo án ấy có thể còn theo ta dạy dài lâu. Lưu giữ giáo án đầy đủ để sau này rút kinh nghiệm, sửa chữa, bổ sung. Giáo án cần bố cục hợp lý, trình bày rõ ràng khoa học, để khi giảng ta dễ theo dõi, và người nghe cũng có thể ghi chép dễ dàng.

---o0o---

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý TRONG KHI GIẢNG:

I. Nội dung bài giảng:

1. Bám sát và nêu bật được chủ đề. Phân bố thời gian hợp lý cho các vấn đề chính, phụ, đừng để vấn đề chính thì chỉ nói qua loa, vấn đề phụ thì lại đào sâu, khai thác quá mức.
2. Khi dẫn chứng cần nêu những trường hợp khái quát, phổ biến, cập nhật. Dẫn chứng cần sâu sát, có tính thiết thực. Ưu tiên dẫn chứng những trường hợp lịch sử có thật. Dẫn chứng văn học nghệ thuật nên chọn những tác phẩm có ý nghĩa liên quan, bổ ích cho bài giảng, đừng lan man.

II. Hình thức thể hiện:

1. Giọng nói: Rõ ràng, không pha giọng, người vùng nào nói giọng vùng đó, không bắt chước, pha giọng sẽ trở thành giọng nghịu, giọng ép. Tuy nhiên nếu giảng viên là người có giọng địa phương đặc biệt thì nên cố gắng phát âm rõ ràng, hạn chế dùng từ địa phương ít thông dụng. Âm điệu nhẹ nhàng, điềm đạm, không lên gân, không nói nhanh, nói hấp tấp.

2. Cử chỉ: Đúng mực, giữ oai nghi ung dung của một người tu. Ánh mắt thân thiện, hoà ái, nụ cười nhẹ nhàng, không cười to hết cỡ. Không hươ tay múa chân, đứng lên ngồi xuống, đi tới đi lui rối rít.

3. Thái độ: Khiêm cung, hoà nhã, nhân hậu. Luôn khởi tâm từ bi, quý mến mọi người để có sự thông cảm, đồng cảm, giao lưu giữa người nói và người nghe. Không nổi giận, áp đặt, chỉ trích người khác khi dẫn chứng, tránh các vấn đề nhạy cảm như chính trị, tôn giáo...

---o0o---

III. Phương pháp truyền đạt:

1. Theo trình tự:

a. Nhập đề giới thiệu: Phần mở đầu giới thiệu một buổi giảng rất quan trọng, ông bà ta nói: “đầu xuôi đuôi lọt” ngay từ lúc đầu ta phải gây được sự chú ý, hấp dẫn người nghe bằng cách giới thiệu rõ ràng, thông minh, làm cho thính giả cảm thấy bài giảng mà họ sắp nghe rất lý thú và bổ ích.

b. Triển khai nội dung: Sắp xếp khoa học từng đề mục, theo thứ tự từ thấp đến cao. Tóm ý, giải quyết gọn từng đề mục, không giảng đảo lộn, chông chéo các vấn đề gây khó hiểu. Mỗi ý đều có dẫn chứng, lý giải rõ ràng cụ thể, không bày ra vấn đề rồi bỏ lửng, nói không đến nơi đến chốn, mập mờ, mơ hồ.

c. Kết luận vấn đề: Tóm tắt các ý chính, nói lên ý nghĩa, tầm quan trọng, vị trí của vấn đề trong đời sống tu tập cho mọi người. Rút ra bài học cụ thể, phương cách áp dụng.

2. Đặt câu hỏi: Tạo điều kiện để người nghe tham gia bày tỏ quan điểm, sự hiểu biết về vấn đề ta giảng; dựa vào đó ta biết mối quan tâm, mức độ tiếp thu của người nghe mà điều chỉnh kịp thời. Không nên đặt câu hỏi quá khó, phải có gợi ý, giải thích.

---o0o---

IV. Những điều cần lưu ý:

1. Tạo không khí vui vẻ: Phải làm cho buổi giảng sinh động bằng cách tạo không khí vui vẻ. Đừng quá căng thẳng, ngọt nhạt. Tùy theo đối tượng nghe giảng mà tạo sự giao lưu, thân mật. Khi pha trò phải biết chừng mực, bỏ ích; không nói đùa quá trớn làm ngượng ngùng thánh giả, mất oai nghi giảng sư.
2. Bình tĩnh: Nếu có sự cố xảy ra trong buổi giảng hoặc lớp quá ồn ào, thiếu tập trung v.v..., người giảng sư luôn phải có thái độ cẩn trọng, phán quyết thông minh, không được nổi giận, xúc động thái quá.
3. Trang phục: Ăn mặc lịch sự, giản dị. Dụng cụ cá nhân đơn giản gọn gàng (lên lớp chỉ nên đem theo viết và giáo án, đừng nên túi xách rườm rà). Là người tu phải luôn giản dị, không nên chăm chút quá đáng ngoại hình, nhưng đứng trước đông người cũng không nên cầu thả tuềnh toàng để thể nhập nếp sống văn minh, tôn trọng mọi người.
4. Thời gian: Luôn đúng giờ, không đến lớp trễ, canh thời gian để phân bố bài giảng hợp lý, cố gắng đừng dạy lố giờ, vì tâm lý người nghe lúc ấy không tập trung được.

Trên đây là một số kinh nghiệm giảng dạy Phật pháp mà tôi muốn chia sẻ với các thầy cô. Đương nhiên là còn rất sơ lược và chủ quan. Tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, tùy theo tâm lý trình độ của người nghe mà quyền biến cho phù hợp. Mong rằng các thầy cô sẽ nghiên cứu và rút ra được những phương pháp tốt nhất để áp dụng hiệu quả cho công việc hoằng hoá lợi sanh của mình.

Thu Nguyệt (lược ghi)

---o0o---

Tâm sự với tăng ni sinh.

Trước khi các thầy cô bắt đầu vào khoá học, tôi có vài điều muốn tâm sự, căn dặn các thầy cô. Không chỉ với tư cách một người thầy khuyên nhủ học trò mà còn với tư cách một người bạn đồng hành, một huynh đệ đồng môn, cùng chia sẻ những kinh nghiệm tu học để cùng nhau vững bước trên đường Đạo.

Điều đầu tiên tôi muốn nhấn nhủ với quý thầy cô đóa là sự Tri hành hợp nhất. Điều hay lẽ phải thì ai cũng biết nhưng không phải ai cũng làm được. Chúng ta được học biết bao điều hay, nhưng học chỉ để biết chứ không áp dụng, thực hành thì vẫn chỉ là “cái đũa sách”. Ngày xưa khi Bạch Cư Dị nói với Ô Sào thiên sư rằng: “Những điều ông nói đừa trẻ lên ba cũng nói được” thì thiên sư đã trả lời: “Những điều tôi nói đừa trẻ lên ba cũng nói được nhưng ông già tám mươi chưa chắc đã làm được!” Từ cái sự nói đến cái sự biết đã là một khoảng cách, rồi từ cái sự biết đến cái sự làm lại là một khoảng cách lớn hơn nữa.

Đức Phật ngày xưa cũng đã nói: “Pháp của ta là pháp để tu chứ không phải là pháp để học”. Bây giờ cũng vậy, tôi mong rằng những điều tôi nói hôm nay sẽ được các thầy cô để tâm vận dụng, chứ không phải chỉ ngồi nghe trong vài tiếng đồng hồ này thôi, rồi sau tiết học, đứng lên chấp tay hồi hướng là những điều tôi nói cũng “hồi” trả lại tôi luôn!

* Vấn đề thứ nhất, tôi muốn trao đổi với các thầy cô là vấn đề học tập:

Đã gọi là tăng ni sinh thì vấn đề cấp thiết đầu tiên là học. Việc học của các thầy cô hôm nay gồm có cả nội điển và ngoại điển.

Học xong phổ thông cũng như học xong chương trình cơ bản Phật học đó là trình độ bắt buộc mà một tăng ni trong thời đại ngày nay phải có. Nhưng xong các chương trình này rồi thì phải học tiếp như thế nào thì rất nhiều thầy cô băn khoăn, không biết chọn lựa ra sao? Có người cho rằng tuổi còn nhỏ, có điều kiện nên lo học đại học bên ngoài trước, còn việc học nội điển có thể học sau hoặc tự nghiên cứu lấy, không học ở trường cũng được. Theo tôi, điều này phải tùy theo khả năng và chí hướng hoằng pháp của từng người. Nếu là người có khả năng chứng ngộ thì cũng có thể tự học bằng trí huệ của mình, cộng với ý chí quyết tâm tìm cầu thì có thể tự nghiên cứu và học nội điển. Còn việc học ngoại điển nếu đã có chí hướng hoằng pháp lợi sanh, thì tùy theo khả năng của mình mà chọn một chuyên ngành thực sự hữu ích, làm phương tiện thiết thực cho việc hoằng pháp. Muốn theo học như vậy thì phải là người thực giỏi, thực tài mới thực hiện được, nếu khả năng khiêm tốn mà nghĩ mình có thể tự học và theo học cao như vậy là không xong! Mất cả chì lẫn chài, mất thời gian, không thu được kết quả, uổng phí một đời, đó là chưa nói vì vọng tưởng, xu hướng, chạy theo phong trào, học để lấy bằng, lấy tiếng thì thật là đáng trách. Chúng ta là người xuất gia, ăn bát cơm ngàn nhà, nếu chúng ta tiêu phí thời gian và công sức vào những việc không ích

lợi cho Phật pháp thì tội nặng không lường. Quý thầy cô còn nhớ sự tích một hạt cơm làm chìm cái áo cà sa không?

Do vậy, việc chọn cái để học là vô cùng quan trọng. Đối với người tu, tôi nghĩ rằng không học gì tốt hơn là học Phật. Đứng trên bục thuyết pháp cho mọi người, điều kiện đầu tiên là sự thông hiểu Phật pháp. Ông bà ta thường nói “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh” mình đi tu, nếu có làm kỹ sư bác sĩ chắc cũng không làm lại người đời. Và lại kỹ sư bác sĩ ngoài đời đâu có thiếu, cái mà đời thiếu là thiếu những bậc chân tu. Một ông thầy rành về vi tính hơn giáo lý thì có tốt không? Một ông thầy nói tiếng Tây tiếng Tàu ro ro mà giảng một câu kinh của đấng Từ Phụ mình không đạt thì có tốt không? Có người bảo: “Còn trẻ lo học ngoại điển, về già sẽ lo học nội điển”. Nói như vậy có khác gì các Phật tử bảo rằng: “Còn trẻ cứ sống cho đã, về già vô chùa tu!” Già rồi học gì nữa? Già rồi tu gì nữa? Già, đầu óc còn đâu nhạy bén để học để tu? Lo chống chọi với bệnh tật còn không xuể! Đó là chưa nói kiếp sống vô thường, ta hẹn lần hẹn lữa, bất ngờ chết bất đắc kỳ tử thì không có cái gì để đem theo. Đối với chuyện học giáo lý, chuyện tu, chúng ta phải học, phải tu với tinh thần tưởng như mình không còn sống bao lâu nữa thì mới được. Không nên lãng phí thời gian.

Học Phật không chỉ là lên lớp ngồi nghe giảng. Kho tàng giáo lý mênh mông, kiến giải của vị giảng sư chỉ là một góc hiểu biết, chúng ta phải tự tìm tòi, nghiên cứu, ngẫm nghĩ thêm để phát huy trí tuệ. Học giáo lý không phải để cho xong chương trình các cấp lớp như học trò bậc tiểu học, trung học ngoài đời. Học giáo lý không chỉ để biết, để có kiến thức về giáo lý, học giáo lý phải hiểu sâu giáo lý, từ đó mới có thể “hành thâm” để “chiếu kiến” mới “độ nhất thiết khổ ách” được chứ!

Học giáo lý là học cho mình, cho chính mình cuộc đời mình, đừng học như đối phó, học cho có, cho xong. Lớp cơ bản Phật học Vĩnh Nghiêm có khi tăng vắng đến gần nửa lớp, tôi thấy thật xót xa, thương mấy thầy cô còn trẻ, cạn nghĩ, cứ buông lung giải đãi, không biết mình đã bỏ phí thời gian, tự làm hại mình, công thầy tổ cho đi học, công đàn na tín thí cúng dường mà mình lơ là như thế thiệt tội lắm!

Thời đại bây giờ vấn đề học được đặt lên hàng đầu. Điều đó không chỉ đúng ở ngoài đời mà nó cũng đúng ở trong đạo. Các thầy, các sư cô bây giờ không có cơ hội được sống trong Phật Học Viện nội trú nên không cảm nhận được cái giá trị của việc vừa học vừa hành như thế nào. Cái nhu cầu được học, được mở rộng tri kiến bao giờ cũng có, cũng lớn và nhất là những người trẻ

thì không bao giờ thiếu được. Không chỉ học Phật pháp cho tinh tường, mà phải học thế học cho rộng rãi, cho thông suốt nữa. Mình phải diễn bài giáo lý của đức Phật sao cho người ta dễ nghe, dễ hiểu, dễ chấp nhận và dễ thực hành. Mình phải nắm vững nhu cầu cấp tiến của xã hội, phải cập nhật thông tin khoa học. Giáo lý được trình bày dưới ánh sáng khoa học thì càng thu hút và gây niềm tin cho người đời, nhất là tầng lớp trí thức. Nhưng nếu chỉ có học thôi, chỉ có biết thôi thì cũng chẳng là gì hết đối với lý tưởng và sự nghiệp của mình. Lý tưởng và sự nghiệp của mình là phải đi tới chỗ tự tại, chỗ an lạc, chỗ giải thoát. Mình không bị danh lợi, tài sắc, quyền lực khống chế đã đành rồi mà chữ nghĩa, kinh điển, giáo lý cũng không thể ràng buộc được mình nữa. Mình phải thoát ly danh tự. Mình phải vượt thoát ngôn luận. Mình phải thực chứng những gì mình biết, mình nói. Phật giáo sẽ chẳng còn chỗ đứng, sẽ bị người ta ngoảnh mặt làm ngơ nếu chỉ có ba tạng kinh điển khô cứng và im lìm bất động. Chúng ta là những học trò tiếp nối sự nghiệp của đức Thế Tôn, của chư vị Tổ sư thì cái hoài bão được độ sanh phải luôn canh cánh trong lòng. Muốn bước ra độ sanh thì chúng ta phải xem lại mình có cái gì để hiến tặng đây? Chúng ta phải thành công, phải tìm được viên kim cương trong mỗi người thì gia tài của đức Thế Tôn để lại mới mong tiếp tục được bảo quản lâu dài.

* Vấn đề thứ hai tôi muốn nói với các thầy cô đó là vấn đề tu tập. Không gì lý do học mà lơ là chuyện tu. Các thầy cô đã từng trị nhật, nấu nướng, làm bếp chưa? Bếp lửa phải đều, nếu chỉ xoáy đốt vào một chỗ thì cơm khét! Chỉ lo học, không lo tu thì...tầu hoả nhập ma, nói ra chỉ toàn lý thuyết! Đã gọi là xuất gia đi tu mà không tu thì là gì? Có tu mới có phước, có đức mới sinh huệ thì học giáo lý mới tốt được. Người không tu, đến với giáo lý chỉ bằng kiến thức thì mãi mãi chỉ biết đạo chứ không ngộ đạo được! Chỉ biết thôi thì chúng ta trở thành một nhà nghiên cứu Phật học chứ không trở thành một nhà tu được! Vấn đề tu này tôi không nói nhiều, vì với người tu mà nhắc chuyện tu hoài thì kỳ quá, bởi đó là chuyện đương nhiên, sở dĩ tôi nhắc đây là nhắc các thầy cô trong lúc học không được lơ là chuyện tu thôi. Hoà thượng Thiện Hoa tuy có chia cuộc đời của người tu qua ba giai đoạn: 1- học; 2- hoằng truyền; 3- chuyên tu; nhưng cả ba giai đoạn đó đều có trong nhau. Nghĩa là trong khi học vẫn phải tu tập hết lòng, và vẫn có thể hoằng truyền bằng thân giáo qua phẩm hạnh. Trong khi hoằng truyền mình vẫn tiếp tục học vì sự nghiệp học sẽ không bao giờ dừng, vẫn phải hết lòng thực tập pháp môn. Trong khi chuyên tu mình vẫn là kẻ đang học và hoằng truyền bằng sự toả sáng thân tâm của mình. Tuy là ba nhưng vẫn là một, nói có ba tại vì trong mỗi giai đoạn như vậy thì ta cần làm nổi bật cái nào hơn cái nào thôi.

* Vấn đề thứ ba tôi muốn tâm sự với các thầy cô là các mối quan hệ. Các thầy cô còn trẻ, tính tình còn bông bột, do vậy dễ vấp phải vấn đề về các mối quan hệ. Sống trên đời chúng ta có rất nhiều mối quan hệ: Mối quan hệ với gia đình, với xã hội, với thầy tổ, với huynh đệ đồng môn, với phật tử.v.v... Ở đây vì các thầy cô là tăng ni sinh nên tôi đề cập trước đến hai mối quan hệ: đó là mối quan hệ thầy trò và mối quan hệ huynh đệ đồng học. Mối quan hệ thầy trò thì chắc tôi không cần nhắc, đã là người tu thì mối quan hệ thầy trò các thầy cô đã hiểu rất thông. Tôi chỉ nhắc một phần nhỏ trong mối quan hệ huynh đệ đồng học.

Ngoài xã hội, vấn đề phân chia kỳ thị vùng miền là hiện tượng khá phổ biến. Hiện tượng này vẫn không biến mất khi các thầy các cô đã khoác áo tu sĩ. Đành rằng đặc điểm văn hoá tập tục, thói quen mỗi địa phương có khác nhau. Những người cùng sinh ra và lớn lên ở cùng một vùng đất thì có đặc tính cơ bản giống nhau nên dễ gần nhau, dễ thông cảm, do vậy sinh hoạt chung nhau có thuận tiện hơn. Nhưng chúng ta chớ vì điều ấy mà để tâm phân biệt. Trong lớp chúng ta có huynh đệ nhiều vùng miền, pháp Lục hoà phải luôn được ghi nhớ, áp dụng. Đã là người tu áo vuông đầu trọc như nhau, cùng chung chí hướng, chung đấng Từ Phụ, chúng ta phải hành xử, tôn trọng quý mến nhau đúng như pháp Phật đã dạy. Chúng ta khởi lòng thương yêu tất cả chúng sinh trong mười phương pháp giới mà huynh đệ ngồi cạnh mình, mình lại bưng bỏ ra xa ngoài Bắc, trong Nam, miền Trung, xứ Huế... Thử hỏi có đúng tinh thần từ bi hỷ xả chưa? Anh em sống chung với nhau có rất nhiều tình thương. Cái tình thương đó quan trọng trong đời tu hành dữ lắm. Người ta nói: “Ăn cơm cần có canh, tu hành cần có bạn”, tôi nghĩ đúng vì khi mình rời bỏ gia đình, xóm làng, người thân, nguyện theo lý tưởng, theo sự nghiệp giải thoát và độ đời thì những người đồng chí hướng sống chung là mối quan hệ rất cần thiết. Họ tuy khác miền, khác địa phương, khác phong tục tập quán nhưng họ giống mình ở cái lý tưởng nên mình dễ được nuôi dưỡng và lớn lên từ họ lắm. Họ là bạn mình nhưng họ cũng là anh, là thầy của mình. Chỉ cần mình đi lệch một chút, làm sai một chút, nghĩ quấy một chút là họ kéo mình lại liền. Con mắt của tăng và bàn tay của tăng thật quan trọng. Cho nên tinh thần hoà hợp là điều kiện tiên quyết và bắt buộc phải có trong một đời sống cộng đồng, nhứt là cộng đồng của những người làm đạo đức cho nhân loại.

Thế hệ chúng tôi có duyên may được kề cận học hỏi với các vị trưởng lão tài đức như: Hoà thượng Thanh Từ, Hoà thượng Bửu Huệ, Hoà thượng Thiên Tâm. Sống dưới bóng mát của ba vị tôn túc đó, chúng tôi luôn thấy an ổn và vững niềm tin. Những gì các ngài truyền trao đều là sản phẩm của sự thực tu

thực chứng chứ không phải lý thuyết suông. Hạt giống dầu tốt đến đâu nếu không có môi trường tốt, nếu không có những tầng thượng duyên tốt thì nó cũng không thể lớn lên và cho hoa trái lành được. Mình dù có căn lành bao nhiêu mà không được dưỡng nuôi trong một môi trường tu học nghiêm túc, hiểu sai, thực hành sai, không ai bảo hộ thì không chỉ gây tai hại cho chính bản thân mình và còn gây ra tai họa cho giáo hội, cho xã hội nữa. Cho nên chọn bến để đỗ, chọn cây để đậu, chọn đất để mọc là chuyện mà mình phải cẩn thận và dẫn đo kỹ lưỡng. Mình phải thông minh và biết mở lòng ra để quan sát. Mình không nên dễ dãi phó thác cuộc đời mình vào những nơi mà mình chưa biết sự thật về nó rồi sau này có hối hận thì mình cũng đã dang dở hết nửa đời hoặc cả đời tu rồi. Tu như vậy thì thà đừng đi tu còn hơn. Tu phải đi cho đúng đường, phải được học tập, phải được thực hành, phải được bảo bọc thì mới đáng với việc làm bỏ nhà, bỏ xóm, bỏ sự nghiệp thế gian. Mình đi tu phải với tư cách của tập thể, cộng đồng, của xóm làng, của quê hương đất nước thì mình mới mau tới được. Tại vì mình sẽ không cho phép mình thất bại, té xuống rồi thì phải biết đứng dậy mà đi tiếp. Mình thất bại thì tất cả sẽ thất bại theo. Sự nghiệp tu hành thì cũng giống y chang như sự nghiệp ngoài thế tục. Ngoài đời nếu mình không ăn nên làm ra, cứ long bong cho hết ngày tháng thì người ta sẽ khinh mình dù đó là người thân. Huống chi xã hội sẽ đào thải mình. Mình sẽ bị bỏ lại, sẽ bị loại trừ. Đi tu cũng vậy, nếu mình trở thành một ông thầy tu có danh phẩm mà kinh điển không thông suốt, thực hành chẳng có phẩm chất nào thì mình cũng bị loại trừ và bỏ lại.

Lời cuối cùng nhắn gởi là mong các thầy cô hãy nhìn lại tâm Bồ đề của mình mà tinh tấn lên. Trong quá khứ có thể đã có những vụng về, những đổ vỡ, những thất bại, nhưng chúng ta có thể sửa sang lại ngay từ bây giờ. Chúng ta hãy ngồi lại với nhau trong tinh thần của một bó đũa để sức mạnh của Tăng-già luôn luôn bền vững mà không bị bất kỳ thế lực nào có thể bẻ gãy. Thế hệ chúng tôi sắp đi qua rồi, các thầy là sự tiếp nối của chúng tôi thì hy vọng các thầy sẽ làm hay hơn chúng tôi nhiều. Bây giờ việc học của các thầy có nhiều thuận lợi hơn chúng tôi thuở trước, đời sống tự viện của các thầy đầy đủ phương tiện hơn chúng tôi thuở trước, nhưng đời sống tâm linh tức nội lực thì phải coi lại, nhìn kỹ lại, tại vì cái đó quyết tất cả đó các thầy ơi! Các thầy phải định hướng cuộc đời mình ngay từ bây giờ, không còn chần chờ gì nữa. Các thầy phải nhìn sâu sắc để thấy cái gì có lợi cho con đường của mình thì mình tiếp tục vun đắp, còn cái gì phương hại tới thì phải từ bỏ liền, từ bỏ một cách cương quyết bằng tất cả hùng lực mà không luyến tiếc gì hết.

Vào đầu năm học mới, tôi có đôi điều tâm sự, nhắc nhở các thầy cô như thế, mong rằng suốt khoá học, các thầy cô sẽ thu thập nhiều điều bổ ích cho sự tu học của mình.

Minh Thông & Nhuận Liên (lược ghi)

---o0o---

Làm chủ lục căn

Thưa quý phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với đạo tràng những kinh nghiệm tu tập để làm chủ bản thân, không bị chi phối bởi các trần duyên bên ngoài, nhằm đạt được sự tự chủ, tự tại và an lạc trong cuộc sống. Pháp thoại này có đề tài là: Làm chủ lục căn.

Lục căn là gì?

Nói một cách gọn ghẽ: lục là sáu, căn là giác quan.

Trên phương diện hình thức, con người có năm giác quan:

- mắt (nhãn căn)
- tai (nhĩ căn)
- mũi (tỷ căn)
- lưỡi (thiệt căn)
- thân (thân căn)

Trên phương diện tinh thần con người có ý (ý căn) ghép vào thành lục căn.

Dẫu ta định nghĩa rằng lục là sáu, căn là giác quan, nhưng gọi là sáu căn thì nghe được, nhưng nói là sáu giác quan thì lại không ổn lắm, bởi thông thường người ta hay gọi “giác quan thứ sáu” là sự linh cảm, mà sự linh cảm thì vượt xa hơn phạm trù của ý căn. Về phần này nếu có điều kiện tìm hiểu thêm về duy thức học, quý phật tử sẽ rõ hơn. Trong phạm vi bài này tôi

không thể giảng hết được, hẹn dịp khác vậy. Ở đây chúng ta chỉ tạm tìm hiểu về việc làm chủ lục căn thôi.

Mỗi căn có một đối tượng tiếp xúc riêng, gọi là trần. Vậy nên ta có sáu trần:

- sắc trần (cảnh vật)
- thanh trần (âm thanh)
- hương trần (mùi hương)
- vị trần (vị)
- xúc trần (cảm giác ở thân)
- pháp trần (cảnh ở trong tâm).

Chính sáu căn này làm ra cơ sở tiếp xúc với sáu trần để sinh ra sáu thức rồi khởi tâm phân biệt, yêu ghét và từ đó tạo ra muôn ngàn tội lỗi. Nếu nói vậy thì sẽ có người thắc mắc: Thế thì những người không đầy đủ lục căn như mù mắt, điếc tai, tâm thân... chắc ít có điều kiện tạo tội? Vậy hồng lã ta tự huỷ hoại bót... vài căn của mình để hạn chế gây tội? Chà, cái này khó dữ a, dù ai có sợ tội tới đâu, bảo đảm cũng không dám chọn cách tránh tội đại dột kiểu này! Và lại đức Phật nói: Được thân người, có đầy đủ lục căn được gặp Phật pháp là một phước báu. Quý phật tử ngồi đây đều có phước báu lớn, vừa được thân người đầy đủ lục căn, lại vừa được gặp Phật pháp. Dẫu được thân người nhưng nếu thiếu một căn là bất hạnh rồi, nếu người bị điếc thì làm sao nghe thuyết pháp mà hiểu đạo được phải không? Con người có lục căn cũng như có gia tài, tiền bạc vậy, nếu sử dụng đúng thì đem lại hạnh phúc, an vui; nếu sử dụng sai thì chuốc lấy khổ đau, bất hạnh. Thử nghĩ xem, nếu quý phật tử có tiền đem làm từ thiện, giúp đỡ cho người nghèo thì có đem lại niềm vui cho mình cho người hay không? Còn nếu có tiền đi mua thuốc phiện, hút chích ma túy, ăn chơi sa đọa thì có phải đem lại cái hại cho mình, cho người hay không? Do vậy, biết làm chủ một cách sáng suốt gia tài, tiền bạc mà mình có, là đem lại hạnh phúc. Lục căn là một “gia tài” vô giá của con người, biết làm chủ lục căn sẽ mang lại an lạc.

Thế nào là làm chủ lục căn?

Làm chủ lục căn có nghĩa là luôn chánh niệm và tỉnh giác khi căn tiếp xúc với trần, giữ vững tâm ý luôn thanh tịnh.

Cổ đức có dạy:

Mắt thấy sắc trần chớ ước ao

Tai nghe ngoài cửa chẳng đem vào

Mũi dầu có ngửi hương đừng nhiễm

Lưỡi nếm vị ngon chẳng khát khao

Thân xúc chạm mềm, êm không đắm

Ý tịnh trang nghiêm giới buộc, rào

Trí thường soi tỏ đường chơn giác

Tánh tịnh Niết Bàn tối thượng trao.

Như chúng ta thấy tượng ngài Di Lặc, vị Phật tương lai có năm đứa con nít (một đứa tiềm ẩn bên trong) đứa moi mắt, đứa móc tai... mà Ngài vẫn cười, an nhiên tự tại. Bởi Ngài đã làm chủ được lục căn, tức làm chủ hoàn toàn với mọi tác động của trần duyên bên ngoài.

Người Hoa thể hiện triết lý của mình qua hình tượng bốn con khi: con bịt mắt, con bịt tai, con bịt miệng, con ôm bụng là một cách thể hiện sự chế ngự lục căn. Không cắt đứt, không liên hệ với bên ngoài mà chính là ngăn chặn, chế ngự, kiểm soát, thu thúc lục căn; không để duyên trần chi phối.

Nếu mắt ta thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý phân biệt, cái gì thích thì chạy theo, manh tâm chiếm đoạt, cái gì không ưa thì ghét bỏ, trừ khử thì đó chính là giác. Tu tập chính là tỉnh giác để chủ động với lục căn, biến lục căn thành lục thông.

Đối với người tu, mắt cũng cần thấy sắc, tai cũng cần nghe ..., tuy vẫn thấy nghe mà không đắm nhiễm. Đạo Phật chủ trương không đắm nhiễm để được tự tại, an nhiên. Vì thực ra, tự thân của lục trần vốn không có lỗi. Cái lỗi lớn nhất là tâm phân biệt, thương ghét, vọng tưởng điên đảo của con người. Con người vì đắm nhiễm lục trần mà đau khổ triền miên, trôi lăn mãi trong luân hồi sanh tử. Mắt vẫn thấy sắc, tai vẫn nghe tiếng, mũi vẫn ngửi mùi... nhưng không đắm nhiễm, đó là làm chủ được lục căn.

Làm sao để làm chủ lục căn?

Chắc quý phật tử sẽ nói: Cái thân mấy chục ký của mình, cái tai cái mắt cái mũi cái lưỡi của mình, đương nhiên mình làm chủ được, có gì khó? Vậy mà không dễ đâu. Một ông giám đốc làm chủ cả ngàn công nhân mà mọi người cứ nghe theo răm rắp, vậy mà chưa chắc gì về nhà ông làm chủ được vài người trong gia đình ông. Làm chủ người khác coi vậy mà còn dễ hơn làm chủ mình, bởi vậy kinh Pháp Cú có nói: “Đánh thắng vạn quân không bằng tự thắng lòng mình”. Làm chủ mình coi vậy mà khó lắm đó chứ không dễ đâu! Ở đây tôi sẽ nêu ra những ví dụ do không làm chủ được lục căn nên đã gây ra những tai hại như thế nào, rồi quý phật tử lấy đó mà ngẫm nghĩ, tự quán thấu, rút ra cho mình những phương pháp để làm chủ lục căn một cách thích hợp và hiệu quả nhất cho bản thân.

* Đối với nhãn căn: Tạm thời tôi chia làm hai mức:

- Mức thứ nhất là biết mà cố đắm nhiễm: Biết là không hay mà vẫn thích nhìn ngắm, ví dụ như ai cũng biết cảnh đánh nhau bạo lực, máu đổ đầu rơi là không nên nhìn, người biết đạo, biết thế nào là tàng thức thì càng tránh xa không huân tập vào tâm mình những hình ảnh xấu. Vậy mà hễ đi đường thấy cảnh đụng xe là xúm đen xúm đỏ vào coi, coi xong rồi về nhà nhớ hoài cảnh rùng rợn đó đến ăn nuốt không vô, vậy mà vẫn coi, vừa hại mình mà đôi khi lại vừa hại người nữa, có lần tôi chứng kiến cảnh tai nạn giao thông, nhiều người đang bị thương cần cấp cứu mà xe bệnh viện không thể vào được vì những kẻ “ham coi” bu đen hết, kẹt xe cả một đoạn đường dài! Vậy có phải là vô tình giết chết người không? Hoặc phim ảnh đòi truy, bạo lực, ai cũng biết đó là xấu, nhưng già trẻ lớn bé vẫn bỏ thời gian (cái rất quý được ví với vàng bạc) ra để coi. Đó là không làm chủ được nhãn căn, để nó dẫn dắt đưa ta vào chỗ có hại.

- Mức thứ hai là vì tâm phân biệt mà đắm nhiễm: Khi nhìn thấy một vật ta cho là đẹp, ta sanh tâm ham thích rồi bằng mọi giá chiếm đoạt về làm sở hữu. Trong khi đó bản thân cái đẹp xấu vốn do tâm sinh. Tùy theo thời gian, theo không gian mà quan niệm về cái xấu cái đẹp khác nhau. Hồi xưa mấy bà mấy cô nhuộm răng đen hạt huyền là đẹp, ngày nay thì tìm đủ cách tẩy răng trắng như ngọc trai mới là đẹp. Xưa đẹp khác nay, Tây đẹp khác Ta. Tui hình tượng như vậy có người chê: ông thầy ồm nhóm ồm nhách, có người nói ông thầy có dáng thanh cao... Đối với người này là đẹp, với người kia là xấu, đẹp xấu là do sự phân biệt của mình, vậy mà ta cứ mãi chạy theo để rồi sa vào cái khổ thứ năm là “cầu bất đắc khổ!”

Quý phật tử có đi ngang vùng biển ban đêm, thấy ngoài xa đèn giăng sáng rực rỡ rất đẹp, biết gì hông? Đèn câu mực đó. Người ta lấy ánh sáng làm bẫy, con mực thấy đèn sáng đẹp là bu vô. Con thiêu thân cũng vậy, chết vì đắm nhiễm sắc trần.

*Đối với nhĩ căn: Âm thanh có tác động rất quan trọng đến tinh thần con người, thanh thiếu niên bây giờ đa số thích nghe những bài nhạc kích động, nghe những bài nhạc như vậy thì tự nhiên con người cũng muốn phá phách, nổi loạn. Quý phật tử đi chùa nghe tiếng chuông mõ, tụng kinh thì thấy lòng an lạc, còn với những người đời chỉ thích bon chen thì nghe tiếng tụng kinh chỉ thấy buồn ngủ. Ngày xưa bao triều vua sụp đổ cũng vì nghe lời ton hót của nịnh thần. Ngày nay có những tin đồn thất thiệt đem đến cái hại cho biết bao người. Trẻ con ở trong môi trường nào sẽ hấp thu lời nói của môi trường đó, nếu ở nhà cha mẹ cứ nói những lời cộc cằn, hờ ra là chửi thề thì chúng cũng sẽ nhiễm những lời ấy do chúng chưa có ý thức làm chủ được nhĩ căn của mình. Bà mẹ Mạnh Tử ngày xưa nhà ở gần nghĩa địa, Mạnh Tử cứ suốt ngày lấy kèn thổi nhạc đám ma, bài trò khóc lóc... Bà thấy vậy mới dời nhà đến ở gần trường học, chú bé Mạnh Tử nghe tiếng học bài quen tai nên đầu óc sau này mới dễ dàng tiếp thu học thức. Làm chủ nhĩ căn là biết chọn lọc, biết nghe những điều hay lẽ phải, biết “bỏ ngoài tai” những lời gian dối, gièm siểm, lời ác độc, kích bác lẫn nhau. Biết huân tập vào mình những âm thanh tốt đẹp thì tâm hồn mới an lạc thuần khiết.

*Đối với tỷ căn: Mùi hôi thì ai cũng không thích nhưng có những thứ hôi mà người vẫn thích, ví như các loại mắm tôm, mắm ruốc... Cái này chắc mọi người ở đây đều biết hết ha? Đi ngang mấy chỗ ủ mắm, eo ơ nó hôi bất nhưn vậy mà đa số mọi người vẫn ghiền cái mùi đó! Tây nó qua mình nghe cái mùi mắm nó chạy không kịp. Mấy thầy mình đi qua Ấn Độ, Thái Lan, nghe mùi món ăn truyền thống của họ mình lại rất khó chịu. Đối với người này là thơm, đối với người khác là hôi. Mùi hương là vậy mà ta cứ khởi tâm phân biệt, rồi ưa thích và không ưa thích, sanh ra đủ thứ phiền toái.

*Đối với thiệt căn: Món ăn ngon ai cũng ưa thích, ông bà ta thường nói: “Bệnh tùng khẩu nhập, hoạ tùng khẩu xuất”, có những món biết là ăn vào thì sanh bệnh, nhưng do không làm chủ được cái lưỡi thích nếm vị ngon mà hại cho cái thân. Tôi đọc báo thấy kể chuyện thợ săn vô rừng bắn thú, vì đi nhiều ngày mới về nên cứ ướp phọc môn vào rồi đào lỗ chôn con vật xuống, xong đi tiếp có khi đến nửa tháng, bận về mới đào lên, đem vô thành phố bỏ mồi cho mấy quán đặc sản thịt rừng. Các bà các ông xúm vào ăn, hoá ra ăn thịt “tử thi” xác ướp lâu ngày mà không biết!!! Nói chi xa, ngay quý

phật tử mình đây ai cũng biết ăn mặn là tạo tội, ăn chay là tốt, vậy mà mấy ai làm chủ được cái miệng thích ăn thịt cá của mình đâu! Rồi có người thích ăn cay, ăn ớt. Bữa ăn nào không có ớt là khổ sở không thể ăn. Rồi có người ghiền rượu v.v... Ăn uống vô khỏi cổ, qua khỏi cái lưỡi rồi thì còn biết ngon không? Vậy mà chỉ vì chịu theo cái lưỡi, không làm chủ được nó, để nó sai khiến. Tôi nhớ trong dân gian có câu: “Miếng ăn là miếng tội tàn, mất ăn một miếng lợn gan lên đầu!” nghe thiệt là thấm thía.

Tích Tâu có một gương rất độc đáo: đó là nhân vật Tôn Tản. Khi Tôn Tản bị Bàng Quyên bắt giam, vì muốn bảo toàn tánh mạng mình, đành giả điên để được tha. Để “trắc nghiệm” coi Tôn Tản có bị điên thiệt không. Bàng Quyên sai người mang vào chén cơm và chén phân, rồi rình xem Tôn Tản chọn ăn thứ nào? Tôn Tản đã ăn chén phân để đánh lừa Bàng Quyên và được thoát nạn. Điều khiển được tử và thiệt căn của mình như vậy quả là phi phàm!

*Đối với thân căn: Trường phái tu khổ hạnh thời trước đức Phật rất phổ biến, hành giả tự lấy roi quất vào mình đến chảy máu, phơi nắng nằm sương, bất kể xúc cảm của thân, phương pháp tu ấy cũng một phần nhỏ là nhằm làm chủ thân căn, đương nhiên mục đích chính của các vị ấy là hành xác do quan điểm sai lầm về cái khổ, nhưng thôi, ở đây ta không phân tích sự đúng sai hay dở của vấn đề này, chỉ là ví dụ để quý Phật tử thấy được một góc nhỏ trong vấn đề làm chủ thân căn. Một trường hợp nữa trong lịch sử nước Tàu: ngày xưa Việt Vương Câu Tiễn nằm gai nếm mật để rèn luyện ý chí kiên cường. Thân là vua mà khi thất thế, ông tập mình ngày ngày nằm trên giường lót gai để nuôi chí phục quốc, cũng là một trường hợp điều khiển được thân căn một cách đáng nể.

*Đối với ý căn: Khi sáu căn duyên với sáu trần làm điều kiện cho sáu thức phát khởi. Trong sáu thức thì ý thức giữ vai trò quan trọng nhất: phân biệt, suy lường để yêu ghét. Trong kinh Pháp Cú, Phật dạy: Trong các pháp tâm làm chủ, tâm dẫn đầu, tâm tạo tác tất cả. Muốn tâm ý luôn ngay thẳng, chơn chánh không điên đảo thì phải luôn chánh niệm. Để thành tựu chánh niệm, ngoài sự tỉnh giác cao độ khi đối diện với trần cảnh còn có sự trợ duyên vô cùng to lớn của giới luật. Giới luật là những điều răn cấm, là hàng rào để ngăn ngừa phát sinh tội lỗi, tạo cho chúng ta luôn thẳng hoa, hướng thượng. Trong kinh Di Giáo, Đức Phật dạy: Nay các Tỳ kheo, sau khi ta diệt độ, các ông phải lấy giới luật làm thầy. Như đi đêm tối gặp đèn sáng, như người nghèo gặp của báu, dầu ta sống bao lâu trên đời vẫn không bằng pháp này vậy. Quý vị là Phật tử thì cố giữ năm giới của Phật tử, quý vị có một tổ chức, cơ quan, đoàn thể thì cũng cần có qui luật, qui định riêng. Phải rèn luyện và

tu tập từ cách suy nghĩ, hành xử đều đúng theo Bát Chánh Đạo. Muốn trở thành người tốt hay người xấu là chính nơi mình, vì vậy mỗi người phải nỗ lực phấn đấu, phải tự rèn luyện. Ví dụ, người phật tử vâng giữ năm giới, trong đó bốn giới đầu thuộc về tánh tội, nghĩa là tội từ trong bản chất của chúng sanh. Giới không uống rượu thuộc về tướng tội, do hoàn cảnh và sự huân tập trong hiện đời. Nếu phạm bốn giới tánh là bị mất hết nhân cách của người phật tử. Về thế gian nếu phạm nghiêm trọng bốn giới căn bản này cũng là vi phạm pháp luật, dầu là phật tử hay không phải là phật tử thì khi phạm bốn giới này đều bị luật pháp hành xử. Còn giới tướng uống rượu là do hoàn cảnh phát sinh. Giữ giới là bổn phận, là ý thức muốn trở thành một con người tốt. Nên muốn trở thành Bồ tát, thành Phật thì phải thực hành tu tập giới luật. Muốn đèn không tắt thì phải có bóng đèn chắn che mưa gió, muốn ngựa hay nên phải thắt dây cương, bóng đèn hay dây cương ở đây chính là giới luật. Giới luật cầm cân, nẩy mực cho con người, giúp họ từ xấu ác trở thành hiền thiện.

Một khi ánh sáng tới thì bóng tối tan biến, làm việc lành thì bỏ việc ác, niệm Phật thì không niệm chúng sanh, không niệm phiền não. Đó là nói về làm chủ lục căn, nhờ phát huy trí tuệ nên không mê mờ, không nhầm lẫn, thiện ác phân minh nên mới thành tựu mắt thấy, tai nghe mà không chấp. Bởi đã chấp trước thì chắc chắn sẽ bị dính mắc, mà dính mắc là đầu mối, căn nguyên của sanh tử luân hồi. Nên nói:

Sắc trần nhọn bén chẳng thua dao

Thanh trần nhiễm tiếng khổ biết bao

Hương trần yêu thích thêm khổ lụy

Vị trần ngon ngọt bỏ cho mau

Xúc trần giả hợp đừng say đắm

Pháp trần không tánh chớ bám vào.

Sáu câu trên, đứng về phương diện thô của ngũ dục lạc thì có: tài, sắc, danh, thực, thụý. Đây là năm món dục mà chúng sanh hằng mong muốn, tìm cầu và ưa thích. Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ lắm khi là mục đích phấn đấu, đeo đuổi của một đời người. Đứng về phương diện rộng và vi tế là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Chính trần cảnh làm cho con

người đảo lộn, con người tham đắm chạy theo và cuối cùng chắc chắn sẽ khổ vì nó.

Trí tuệ sáng soi toàn thể giới

Chơn tâm bình đẳng sẵn dành trao.

Khi trí tuệ sáng soi, chơn tâm hiển lộ thì không có cái gì xấu đẹp, cao thấp, hay dở; tất cả đều bình đẳng và hiển bày thực tướng dưới ánh sáng của trí tuệ. Hai câu này là phương tiện hữu hiệu và thù thắng nhất để dứt luyến, đoạn luyến trần.

Đã là con người thì không ai không có tội. Điều quan trọng trong đạo Phật là không sợ người làm tội mà sợ người không biết hối, không biết ăn năn hối lỗi. Một triết gia phương Tây có câu: “Người biết lỗi mình đã là khó, biết lỗi rồi mà biết sửa sai lại càng khó hơn”. Đức Phật dạy phương pháp biết lỗi là cùng nhau sách tấn, khuyên lơn, soi sáng cho nhau. Vì con người thường chủ quan cho mình là đúng, là phải, không bao giờ chịu nhận lỗi; mà khi mình nhận lỗi thì mình có tiến bộ. Mỗi ngày, phải tự tạo cho mình thời khoá, tự tích lũy thiện nghiệp cho mình, đừng vì vô vàn lý do mà thoái thác. Chúng ta mỗi ngày mỗi cố gắng, phải tinh tấn, nỗ lực không mệt mỏi, không một cố gắng nào mà không đưa đến thành công. Tại sao tỏ phải thua rùa? Vì tỏ ý mình chạy nhanh nên nằm ngủ còn rùa thì biết thân phận nên nỗ lực, cố gắng. Chúng ta cũng vậy, vô thường lão bệnh bất dữ nhân kỳ, có ai hẹn được đến 80 tuổi mới chết đâu? Vì thế, khi có đủ điều kiện gì thì gắng mà tu, đừng chờ đợi. Làm bất cứ việc gì phải cố gắng làm thiện, nghĩ thiện thì tâm hồn mình sẽ thư thái. Khi làm ác hối hận, ăn năn thì việc đã qua. Người trí thì không để nước tới chân mới nhảy, phải biết trước hậu quả của nó, phải ngăn chặn từ nơi luyến căn.

Chúng ta phải tin chắc, trọn vẹn vào lý nhân quả. Nhìn vào tự thân của mỗi người trong hiện tại để biết rằng mình đã tạo những nhân gì trong quá khứ. Căn cứ vào những hành xử trong cuộc sống hiện tại để biết kết quả ở tương lai. Nhân tốt thì quả tốt.

Tóm lại, tu học chính là phải nhận định rõ ràng, bất cứ hành động nào cũng có thể sai phạm, tạo ra tội lỗi. Nếu người sống chỉ biết tìm cầu, chạy theo khoái lạc, không nhiếp hộ các căn thì chỉ như cảnh mềm trước cơn gió lốc. Nếu người biết khắc kỷ, biết nhìn lại mình, biết tỉnh giác và chánh niệm để tự chủ trước duyên trần giống như gió thổi núi đá. Chúng ta phải có lập trường tu học cho chính mình, phải quyết chí và kiên trì. Vì vậy, cần phải tu

trong mọi hoàn cảnh, thu thúc các căn không cho sai phạm, để được an lạc ngay trong đời này và đời sau.

Người đời đi qua các bước: “Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Người tu cũng vậy, trước nhất làm chủ được mình, làm chủ được lục căn của mình, bước dần theo con đường Bát Chánh Đạo rồi mới tìm chân lý giải thoát.

Cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho đạo tràng thân tâm thường lạc và tu tập thành công.

Quảng Tánh & Nhuận Liên (lược ghi)

---o0o---

An cư kiết hạ - nguồn sinh lực của tăng già

An cư kiết hạ là một thông lệ từ lâu của các đạo sĩ Ấn Độ khi tăng đoàn Phật giáo hầy còn chưa xuất hiện. Thời tiết Ấn Độ có vẻ khác hơn Việt Nam hay Trung Quốc cũng như các quốc gia khác: Từ tháng một đến tháng tư là mùa xuân, từ tháng chín đến tháng mười hai là mùa đông. Ấn Độ không có mùa thu. Một năm chia làm ba mùa rõ rệt như thế, nên các đạo sĩ qui định vào những tháng mưa gió nên an trú một nơi nhất định để bảo tồn sức khoẻ và tăng cường đạo lực. Giáo đoàn Phật giáo hợp thức hoá thông lệ này bắt đầu từ Lục quần Tỳ kheo (sáu thầy tỳ kheo chuyên gia khai duyên cho Phật chế giới). Suốt mấy tháng mùa mưa, nhóm sáu thầy tỳ kheo này lang thang du hoá khắp nơi không kể gì mưa gió, đạp dẫm lên hoa cỏ mùa màng mới đâm chồi hay những loài côn trùng vừa sanh nở. Cư sĩ chê trách hàng sa môn Thích tử thật quá đáng, các đạo sĩ khác vẫn có những tháng sống cố định, ngay đến loài cầm thú vẫn có mùa trú ẩn của nó, còn các vị hành đạo này thì luông tuông không biết nghỉ chân vào mùa nào cả. Lúc ấy, đức Phật ở tại nước Xá Vệ, trong thành Cấp Cô Độc, biết được sự việc xảy ra liền ban hành quyết định cấm túc an cư cho toàn thể tăng đoàn trong các tháng đầu mùa mưa, tức từ mồng một trăng tròn của tháng A-sa-đà đến hết trăng tròn của tháng A-thấp-phước-đê-xà (Theo ngài Huyền Trang là nhằm 16 tháng 5 của Trung Quốc, sau vì muốn lấy ngày rằm tháng bảy Vu Lan làm ngày Tự tứ nên chọn ngày An cư là 16 tháng 4). Phật giáo Việt Nam cũng tuân theo nguyên tắc này nhưng thời gian có khác một chút. Nghĩa là thời tiết Việt Nam tuy thể hiện rõ rệt chỉ có hai mùa nắng và mùa mưa, nhưng vẫn qui định theo bốn mùa như Trung Quốc: xuân, hạ, thu, đông. Như vậy thời điểm để tu sĩ Phật giáo Việt Nam an cư là bắt đầu từ ngày rằm tháng 4 đến rằm tháng 7 (mùa hạ), đó gọi là tiền an cư. Hậu an cư là dành cho trường hợp đặc

biệt, có duyên sự khẩn thiết thì có thể bắt đầu an cư từ 17 - 4 cho đến 17 - 5, và kết thúc dĩ nhiên cũng phải đủ 90 ngày như tiền an cư (cùng làm lễ Tự tứ, nhưng phải ở lại cho đủ số ngày). Riêng hệ phái Nguyên Thủy chọn thời điểm kiết hạ vào ngày rằm tháng 6 cho đến ngày rằm tháng 9. Tùy theo quốc độ, địa phương mà có những mùa an cư không hoàn toàn giống nhau, ở Việt Nam, một vài nơi còn có thêm kiết đông bắt đầu từ rằm tháng 9 đến rằm tháng 12 là dựa theo tinh thần của Luật Bồ Tát.

Vì sao lại phát sinh thêm kiết đông thay vì chỉ có kiết hạ? Có phải an cư là thời gian để tăng già tích lũy nguồn sinh lực hay không?

Hàng xuất gia trong giáo đoàn Phật giáo bao giờ cũng tâm niệm hai nhiệm vụ cần phải sớm thành tựu: thượng cầu Phật đạo và hạ hóa chúng sanh. Song lộ trình tiến đến quả vị Phật hay Thánh quả thật gian truân cách trở, không phải là vấn đề một sớm một chiều hay một kiếp. Vì vậy việc tự lợi là một nhu cầu cần thiết cho bất cứ một hành giả nào còn vương mang pháp hữu lậu, chưa có phần dự vào dòng Thánh. Nếu như thời gian dành cho việc đi lại bên ngoài quá nhiều, mà căn bản phiền não vẫn còn sâu kín bên trong thì kết quả hoàn toàn sai với tinh thần hóa độ của đức Phật. Người bị trói tất nhiên không bao giờ cởi trói được cho người khác. Người có thật nhiều hạnh phúc, vượt lên trên những khổ đau triền phược mới có thể đưa người ra khỏi dòng tục bến mê. Hóa độ thì xem như chia phần, bớt đi. Mặc dù một ngọn đèn có thể thấp sáng hàng trăm nghìn ngọn đèn khác. Song một khi ngọn đèn ra trước gió, thì sự an nguy cũng giống như một người hành đạo chưa liễu đạo mà phải đương đầu với ngũ dục trần lao. Thế mới biết, an cư là thời gian quý báu để người tu hành có điều kiện nhìn lại chính mình, soi thấu bệnh tật phiền não hoặc mới huân tập hoặc lâu đời mà đoạn trừ, trị liệu. Ngoài ra việc tránh ngộ sát côn trùng hay không ảnh hưởng mùa màng của người thế tục cũng là một duyên cớ để trưởng dưỡng lòng từ bi. Song lý do trước mới là tinh thần chính yếu của việc cấm túc an cư.

Bộ Luật Tu Trì Ký định nghĩa: Lập tâm một chỗ gọi là Kiết; bộ Nghiệp Sở định nghĩa: Thu thúc thân vào chỗ tịch tĩnh gọi là An. Như vậy dù kiết hạ hay kiết đông an cư thì mục đích chính vẫn là thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức. Tỳ kheo hay tỳ kheo ni nào không quan tâm đến việc tu tập thiền định để bồi dưỡng trí tuệ thì thật không xứng đáng là bậc mô phạm tinh thức. Sự khắc khe này cũng chỉ vì đức Phật muốn bảo hộ sức sống của tăng-già bằng việc triển khai năng lực tu tập của mỗi cá nhân. Nếu ai trong hàng xuất gia đệ tử Phật không tôn kính vâng giữ lời huấn thị của đức Phật, xem an cư là một điều bó buộc, một phương tiện nhỏ nhặt thì quả thật người ấy

không những tự chối bỏ phần tự lợi mà gây ảnh hưởng không tốt cho tăng đoàn. Cũng như bác nông phu mỗi năm phải làm ruộng, nếu năm nào bỏ bê không chăm lo đến mùa màng thì bác sẽ bị nghèo nàn đói thiếu. Hàng Bí Sô nếu không có những ngày tháng cùng sinh hoạt cộng trú để sách tấn lẫn nhau thì làm sao có điều kiện để tạo thành năng lực hoà hợp và kiểm chứng giá trị thanh tịnh? Kết thúc khoá an cư là Tự Tứ, một hình thức tối quan trọng để tổng kết quá trình tu tập tiến triển hay lui sụt của từng cá nhân qua ba tiêu chuẩn: thấy, nghe, nghi. Những ai vượt ra khỏi phạm vi giới luật, buông lung theo ba nghiệp, hành động theo bản năng cố hữu thì sẽ bị cử tội giữa đại chúng để bỏ khuyết sửa chữa.

Một lần, sau mùa an cư các thầy tỳ kheo lần lượt về vấn an đức Phật và trình bày công phu tu tập của mình. Đức Phật hỏi:

- Vừa qua các ông có được an lạc không?
- Thừa an lạc lắm ạ!
- Thế trong ba tháng ấy các ông tu tập pháp gì?

Các thầy tỳ kheo vui vẻ trả lời:

- Bạch Thế Tôn, chúng con thực hành pháp tịnh khẩu, tự mỗi người giữ im lặng tuyệt đối.

- Đức Phật quả trách:

- Các ông thật vô trí, được sống chung sao không chịu trao đổi hay nhắc nhở nhau tu tập mà lại thực hiện pháp câm như thê, vậy an cư được lợi ích gì chứ? Các ông phải luôn sinh hoạt trong niêm đoàn kết, trên dưới thuận hoà, cùng thống nhất ý kiến, cùng bàn bạc trao đổi và học hỏi lẫn nhau, lẽ nào không thấy được giá trị của thấy, nghe và nghi làm tiêu chuẩn để thanh lọc mỗi người. Các ông đã bỏ phí một mùa an cư. Các ông đã hành động phi pháp.

Năng lực của đại chúng quả thật như biển (Đức chúng như hải) sẽ nâng đỡ những con thuyền lành tốt, khôn khéo chiều theo từng đợt sóng, và sẽ đào thải tất cả những con thuyền hư thủng ra khỏi lòng đại dương. Tăng đoàn muốn hoà hợp theo đúng bản chất của nó như nước với sữa thì buộc mỗi cá nhân phải tự nỗ lực, trang nghiêm chính mình. Ngày nay, những người trí thức ở phương Tây luôn tranh thủ cho mình một khoảng thời gian một tháng

hay nhiều hơn trong năm để tu nghiệp, tức là bồi dưỡng thêm nghề nghiệp. Người tu sĩ Phật giáo lấy trí tuệ làm sự nghiệp lẽ nào không đầu tư vào công phu thiền định. Không có thời gian để cùng nhau nhắc nhở giới luật. Tứ niệm xứ, Tứ thánh chủng... Một mình một cõi du hóa lơ lửng trong nhân gian thì rất khó cho việc thành tựu tuệ giác, hóa độ viên mãn.

Cũng như những giáo hội khác, ngày nay ở Việt Nam không còn giống như thời Phật ở Ấn Độ là hàng xuất gia không phải mỗi người du hóa một phương, mang theo ba y một bình bát và ngủ dưới gốc cây, nhưng lối sống theo từng tông phái, chùa riêng, tổ đình riêng, thầy riêng đệ tử riêng thì cũng xem như rời rạc, chưa đoàn kết hoà hợp. Vì lẽ chưa dung hoà đó mà Kiết hạ an cư đã trở thành qui luật rất cần thiết để làm phương thuốc hồi sinh, làm sống lại tình Linh Sơn cốt nhục mà lắm lúc vì những nguyên do gì đó, vì bệnh nghiệp cá biệt nào đó đã làm cho anh em cùng nhà phải bút chiến, khẩu chiến phân tranh cao hạ, làm cho sư tử phải trọng thương chỉ vì loài trùng ăn gặm trong thân sư tử. Hơn nữa, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam hôm nay nhắm vào tinh thần thống nhất về tổ chức (thống nhất ý chí và hành động) thì Kiết hạ an cư là một phương tiện thuận lợi cho giáo hội xây dựng tăng đoàn đoàn kết hòa hợp và thống nhất mọi mặt theo phương châm: “Đạo pháp - Dân tộc - chủ nghĩa xã hội”.

Rõ ràng, ba tháng an cư, cửu tuần tu học đích thực là nguồn năng lực quý báu làm nóng lại và bền vững hơn tinh thần thanh tịnh hòa hợp của tăng-già. Chúng ta sẽ dễ dàng nhìn thấy sự hưng thịnh của Phật pháp khi chốn tông lâm ngày ngày giới luật nghiêm minh, đêm đêm toạ thiền niệm Phật, trên dưới hoà hợp, tu tập trong niệm đoàn kết an hoà.

Mùa An Cư - PL 2544

Thích Chơn Thanh.

---o0o---

Bờ này của Tâm

(Qua tư tưởng kinh Bảo Tích)

Một triết gia phương Tây nói rằng: Trong tất cả mọi sự kỳ diệu, kỳ diệu nhất vẫn là con người. Ở con người có sự kết hợp hài hoà huyền diệu giữa thể xác và tinh thần, giữa thân thể sinh học diệu kỳ và bộ máy tâm thần mầu nhiệm.

Trong tác phẩm “Sự tiến hóa của loài người”, Darwin chỉ ra một cách khoa học con đường tiến hóa, và ông khẳng định con người là đỉnh cao trong quá trình tiến hóa ấy. Từ tiền đề vật chất tốt đẹp ấy mà con người có bộ máy tâm thần hơn hẳn các loài khác. Bởi thế, con người có một khả năng to lớn có thể làm được nhiều điều mà tưởng chừng không thể làm được. Những triết gia cổ đại phương Đông nói về sự kỳ diệu của tâm: “Tam điểm như tinh tượng, hoành câu tự nguyệt tà, phi mao tùng thử đắc, tổ Phật giả do tha”. Bằng thực nghiệm tâm linh, Đức Phật dạy chúng ta con đường tiến hóa của chúng sanh qua mười nấc thang: Địa ngục - Ngạ quỷ - Súc sanh - A tu la - Nhơn - Thiên - Thanh văn - Duyên giác - Bồ tát - Phật.

Thế giới tinh thần không có hình tướng, nhưng thông qua hoạt động ta nhận ra nó. Ví như sóng điện có đây trong không gian, mắt thường chúng ta không nhìn thấy được, nhưng chỉ cần có máy cat-sét, ti vi thì chúng ta có thể tiếp được làn sóng đó. Tôi lấy một ví dụ nữa dễ hiểu hơn, khi đi tản bộ trên đồi cỏ ở Đà Lạt, bất ngờ gặp nụ cúc vàng lay nhẹ trong gió xuân. Ngang đó thôi, ta nhận ra điều gì? Cái gì giúp ta biết đây là hoa cúc vàng và vẻ đẹp huyền ảo của nụ hoa vàng trong gió xuân? Xin thưa, khả năng ấy là năng lực của tâm. Đó là tánh thấy, tánh biết luôn hiện hữu nơi ta, nhờ vậy mà ta có khả năng nhận thức được thực tiễn hoặc thế giới biểu tượng. Nên kinh thường nói: Sự xoay chuyển trong tứ thánh lục phàm cũng từ tâm này. Phật dạy chúng sanh có hai loại tâm là chơn tâm và vọng tâm. Trong buổi pháp thoại hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị các phương diện của vọng tâm qua lời dạy của Phật trong kinh Bảo Tích.

1. Tâm như nước chảy sanh diệt chẳng dừng, hằng chuyển như bực lưu.

Nước dòng sông thì liên tục chảy. Giọt nước này tiếp nối giọt nước kia không ngừng, tạo thành sự chuyển động của dòng sông. Tâm chúng ta niệm niệm sanh diệt tiếp nối nhau như nước trong dòng sông vậy. Bởi vậy nên biết rằng tâm ta không cố định mà có sự chuyển động tiếp nối. Chính đặc tính chuyển động khả biến này mà chúng ta có thể học hành, tu tập được; có thể nói chuyển này đến chuyển khác được.

Quý vị ngồi quan sát tâm mình thử coi, có phải nó là hoạt động liên tục phải không? Lúc nghĩ đến quá khứ, lúc mơ tưởng tương lai, lúc đuổi theo việc này, lúc nắm lấy việc kia. Sự lưu chuyển của tâm ta như nước chảy không ngừng. Ngày xưa khi Khổng Tử đứng nhìn dòng thác đã thốt lên rằng: “Thiên hà ngôn tại, tứ thời hành yên, vạn vật sanh yên” (chảy mãi thế ư, bốn mùa lưu chuyển, vạn vật sinh sôi). Rõ ràng ông ta cũng ngộ được điều đó.

2. Tâm như ngọn đèn vì có các duyên:

Leonchiep nói: Khi nói đến hoạt động là bao hàm cả chủ thể hoạt động và đối tượng hoạt động. Ở đây, tâm hoạt động thì tâm là chủ thể mà đối tượng là thực tiễn, biểu tượng và khái niệm. Nhà Phật gọi chung là cảnh. Tâm nương cảnh khởi lên, ba hồi thì vui như mở hội, khi thì buồn rũ rượi như cỏ úa... Tâm ta lúc bị các duyên làm chao đảo, ngã nghiêng bên này, ngã nghiêng bên kia giống như ngọn đèn trước gió.

3. Tâm như chớp vì niệm niệm sanh diệt:

Khi mưa thì có chớp lóe, ánh chớp lóe lên rồi tắt, cứ chớp tắt liên tục như thế. Tâm ta buồn, thương, ghét, mến... đưa đến liên tục không ngừng, hết ở trạng thái này sang trạng thái kia tiếp nối thay thế cho nhau như ngọn đèn dầu tiếp nối giọt dầu này đến giọt dầu kia, ngọn lửa này đến ngọn lửa kia sanh diệt không ngừng. Bản chất tâm sanh diệt ấy là vô thường, không có chủ thể cố định; nên nếu ta theo đuổi bám lấy nó cho là mình thì sanh ra khổ đau bất tận. Nếu dừng lại không theo những tâm sanh diệt ấy nữa thì an lành hạnh phúc sẽ tràn về như đêm hết thì ngày xuất hiện liền.

4. Tâm như hư không vì khách trần nhơ:

Hư không thì rộng lớn vô biên, nơi ấy vạn vật sinh sôi nảy nở. Hư không không có màu sắc và tướng hình, như tâm của ta không dùng mắt để thấy, dùng tai để nghe, nắm bắt bằng tay được, nhưng nó là có thật và rất thiết thực với chúng ta. Trong các bộ luật Đại thừa thường nói, tâm ta vốn xưa là thanh tịnh, nhưng do một niệm bất giác vô minh nổi lên mà có sanh diệt, trở thành chúng sanh. Giống như hư không vốn trong sạch, trở thành ô nhiễm là do vạn vật ở trong nó tạo nên. Ví dụ ở giảng đường này, không khí trong sạch, bất chợt một chiếc xe chở cá chạy ngang qua, mùi tanh xông vào thì làm cho không khí trong phòng bị ô nhiễm.

Tâm chúng sanh thường manh động bị cảnh trần lôi cuốn, đeo đẳng hoặc không thể nào dứt ra được. Bởi vậy chúng ta mới bị trầm luân trong ba cõi sáu đường. Đức Phật và chư Tổ thấy chúng ta ở trong vòng lẩn quẩn khổ đau quá nhiều, các vị dạy cho chúng ta cách an tâm, hàng phục tâm, điều cốt tử là “tâm bình thường”. Giữ được tâm bình thường tức là đạo.

5. Tâm như khí vì tham lục dục:

Hình ảnh con khỉ quý vị thấy trong sở thú rồi đấy, có bao giờ nó chịu ngồi yên một chỗ không? Hầu như lúc nào nó cũng nhảy nhót lung tung, mắt láo liên không ngừng. Tâm chúng sanh náo động giống như khỉ, hết đuổi bắt tiền tài, danh vọng uy quyền, đến món ngon vật lạ... Hằng ngày chúng ta sống chạy theo cảnh mà quên mất mình. Ngũ dục thực chất là vô thường, vô ngã nhưng trở thành hấp lực lôi kéo chúng ta đi là bởi bên trong chúng ta đầy dẫy những tâm tham dục, tâm chấp ngã... Chính năng lượng dục vọng này rất to lớn đủ sức lôi chúng ta đi về mục tiêu nó muốn. S.M.Freud, nhà phân tâm học, khi nghiên cứu về vô thức cũng thấy được năng lực vô hình đó. Ông gọi là libido (tính dục). Năng lượng dục vọng này là con dao hai lưỡi, cũng từ nó làm ta đau khổ, cũng từ nó mà ta hạnh phúc nếu biết chuyển hóa.

6. Tâm như họa sư vì hay khởi nhân duyên các nghiệp:

Nguyễn Du rất có lý khi nói: “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”. Thế giới thực tiễn vốn không vui không buồn, có vui buồn là do tâm con người mang vào. Trong Duy thức học nói, chúng sanh thường không sống với chân hiện lượng mà hay chơi với tợ hiện lượng, bởi tâm ta thường hay đeo bông (đói chất cảnh) nên mới sanh ra khổ. Vậy thì, vui buồn, hạnh phúc, khổ đau... đều do tâm vẽ ra cả. Chàng họa sĩ này vô hình nhưng vẽ ra những điều đau khổ lại là thật. Do tính hay vẽ vời của tâm mà các nghiệp đeo bám lấy ta. Nghiệp (Karma) nghĩa là hành động. Do nghiệp mà có sự khác biệt giữa muôn loài (Tuy các tuý nghiệp sở hiện bất đồng - kinh Thập Thiện), một khi khởi nghiệp, thì nghiệp này vừa làm nhân vừa làm duyên cho các nghiệp khác tiếp nối nhau không dứt, nhưng không có chủ thể, không có tác giả thật.

7. Tâm không nhứt định vì theo đuổi các thứ phiền não. Tâm thường độc hành không hai, vì không thể có hai tâm trong cùng một lúc:

Qui luật hoạt động của tâm thức là cảm xúc và trí tuệ ức chế nhau. Nghĩa là lúc cảm xúc xuất hiện thì ức chế năng lực trí tuệ, hoặc ngược lại. Tùy theo mức độ của cảm xúc và trí tuệ mà sự ức chế lẫn nhau đến mức độ nào. Cũng theo qui luật đó, khi tâm thiện xuất hiện thì tâm ác lặn mất và ngược lại. Trong một thời gian không thể xuất hiện hai tâm. Bởi vậy khi ta làm việc thiện, nói việc thiện, nghĩ việc thiện hoài thì tâm xấu ác tự nó tiêu mất; giống như cây kiềng mà không tưới nước thì phải chết thôi.

Tuy nhiên, tâm ta không bao giờ thuần nhất một trạng thái mà luôn đuối bất theo các thứ phiền não. Phiền não thì nhiều, trong Duy thức nói gọn có 6 đại phiền não và 20 tùy phiền não, nên tâm ta ít nhất cũng nằm trong các trạng thái chính đó. Nếu lọt vào một trong những phiền não kể trên thì sướng hay khổ? Tất nhiên là khổ rồi, phải không?

8. Tâm như oan gia vì hay đem đến các khổ não:

Chúng ta có oan gia không? Đang thoải mái tự tại vui vẻ tự nhiên nhớ lại chuyện đâu đâu rồi lo nghĩ buồn chán, ăn không ngon, ngủ không yên. Những nỗi buồn và sợ hãi ấy quay đi quay lại hoài, sự đeo đẳng dai dẳng khó lòng dứt bỏ được. Đó không là oan gia thì là gì? Phật dạy đừng nhớ tưởng quá khứ, đừng mơ ước tương lai, quá khứ thì không còn, tương lai thì chưa đến, nên sống hết mình với thực tại. Thực tại là nhiệm màu, sống tốt ở thực tại thì tương lai sẽ an vui. Tất cả mọi thứ trên đời đều vận hành theo qui luật nhân quả mà. Nếu sống được như vậy thì tâm kia không còn là oan gia nữa, nó đã được chuyển hóa thành thân hữu đem đến cho ta nhiều điều tốt lành.

9. Tâm như voi điên đạp các nhà cửa vì hay phá hoại các căn lành:

Voi đã điên rồi thì bất kể thứ gì, nó đạp phá lung tung. Phật ví tâm ác như voi điên phá hoại những ngôi nhà hạnh phúc an lạc. Căn lành là gốc rễ, mầm mống của sự tốt đẹp, thánh thiện, an vui, giải thoát, tỉ lệ nghịch với tâm ác. Bởi vậy, tâm vọng tưởng, tâm điên đảo, tâm giận hờn... cần phải được điều phục. Do vậy nếu khi quý vị có nóng giận thì niệm Phật, tập hít thở hoặc uống một ly nước lạnh vào, rồi đi nơi khác để tâm nguội lại.

10. Tâm như ruồi xanh vì trong bất tịnh cho là tịnh. Tâm như cá nuốt câu vì sống trong khổ não mà tưởng là vui:

Con cá vì cái gì mà mắc câu? Vì ham mồi ngon phải không? Khi đớp mồi rồi, lưỡi câu dính chặt đón đầu không thể nào bứt ra được. Tâm ta chấp chặt vào ngũ dục ở đời, sinh đủ thứ phiền toái khổ đau như sanh, lão, bệnh, tử, khổ; thương yêu xa lìa: khổ; thù oán gặp gỡ: khổ; mong muốn không được: khổ... Thế nhưng chúng sanh vẫn chấp nhận. Vậy mới lạ chớ, phải không? Trong kinh Pháp Hoa ví dụ một hình ảnh rất đau lòng là lũ trẻ vui chơi trong nhà lửa. Vì sao vậy? Bởi chúng sanh lấy cái đó làm sự sống của mình, biết là khổ vẫn cứ lao vào. Như người nghiện xì ke, biết hút chích là tổn tài, là bệnh tật, là chết, nhưng họ vẫn hút chích vì đã dính vào thì khó bứt ra được. Khó

chứ không phải là không bỏ được, phải không! Ngũ dục khó bỏ nhưng có người đã bỏ được và họ trở thành Phật thành Thánh.

11. Tâm như chiêm bao vì trong vô ngã tướng là ngã:

Theo Phật giáo thì ngã chân thật là Phật tánh, là chơn tâm, là hằng hữu không sanh không diệt. Chúng sanh không nhận ra chân ngã này nên chấp huyền ngã là ngã. Chẳng hạn chấp thân này là mình thật, nhà cửa, xe cộ... là của mình, trong khi mọi thứ ấy đều do duyên sanh, là tạm bợ, là vô thường. Nếu quan sát chiếc lá, ta thấy nơi chiếc lá có những yếu tố của nước, đất, gió, mặt trời, mặt trăng..., tách rời những yếu tố ấy ra thì đâu là chiếc lá? Một ví dụ kinh điển mà quý vị thường nghe là tỳ kheo Na Tiên hỏi vua Milanda: Các bánh xe có phải là chiếc xe không? Gọng xe, mui xe, cãm xe... có phải là xe không? Tất nhiên là không rồi. Vậy thì chiếc lá, chiếc xe, xét cho cùng không có một chủ thể cố định. Nó cấu thành bởi những yếu tố không phải là nó, do vậy nên vô ngã.

Kinh nói tâm vô thường, thân vô thường, hoàn cảnh vô thường, mọi thứ đều vô thường mà ta chấp là thật, đấy là chiêm bao. Chúng ta mở mắt chiêm bao phải không?

12. Tâm thường tham tiếng như lính đi lâu thích nghe tiếng trống giục. Tâm thường tham sắc như bướm bay vào lửa. Tâm thương tham hương như heo nằm chỗ dơ. Tâm thường tham xúc như ruồi bu đầu:

Theo Phật giáo thì con người gồm có sáu căn, đối tượng của sáu căn là sáu trần.

- Nhãn Sắc
- Nhĩ Thính
- Tỷ Hương
- Thiệt Vị
- Thân Xúc
- Ý Pháp

Nhưng chủ nhân điều khiển sáu căn đối với sáu trần vẫn là tâm. Đối với sắc, thính, hương, vị, xúc, con người luôn ưa muốn khó lòng vượt qua được. Chính nó là hấp lực của tâm như con bướm bay vào lửa, như ruồi bu vào đầu, heo tìm đến chỗ dơ, người lính nghe tiếng trống giục.

13. Tâm như giặc dữ vì làm hại người:

Chiến tranh gây ra biết bao cảnh tang thương, chết chóc. Nguyên nhân sâu xa làm động cơ cho chiến tranh đó là tâm tham lam, sân hận, si mê. Một khi ba tâm này nổi lên trong lòng một cách lớn mạnh thì con người không còn nhân tính nữa, vì theo sau nó là sự chết chóc oán thù. Như bọn giặc dữ vậy. Giặc ở ngoài tuy ghê gớm thật nhưng không bằng giặc trong tâm người. Phật dạy: Chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng tâm mình.

14. Tâm thường cao thấp vì bị tham sân làm hại:

Tâm thường sanh khi cao lúc thấp bất thường, đôi khi cao thượng tốt đẹp lúc lại bản tiện thấp hèn, có khi con người không ra con người, tất cả đều do tâm tham lam, sân hận mà ra.

Ví dụ anh em ruột, bình thường rất yêu thương nhau, vì một miếng đất mà tranh giành chém giết nhau như báo đã từng đặng đó. Nên biết tác hại to lớn của tham sân mà chúng ta ráng thực tập tu để bớt tham, bớt sân si thì cuộc sống chúng ta sẽ an vui và mọi người cũng bớt khổ.

Qua kinh Bảo Tích, Phật dạy rõ cho chúng ta thấy được các trạng thái đem đến sự tác hại do vọng tâm của chúng sanh, chúng ta ráng thực tập, giữ gìn. Biết tâm là quan trọng, nó làm chủ mọi hành vi tạo tác từ việc lớn đến việc nhỏ. Phật dạy “Chế tâm nhưt xứ, vô sự bất biện”, nên chúng ta phải biết điều phục tâm đừng để chạy theo cảnh bên ngoài, phải một lòng sợ thất tâm, (mất tâm) mà cố gắng giữ gìn.

Hằng ngày quý vị nên tập sống với thực tại, đơn giản nhất là khi ta làm việc gì thì biết mình làm việc đó. Như người thợ may phải để ý cây kim, nếu không sẽ dễ bị kim đâm vào tay.

Chúc quý vị vô lượng an lạc.

Giác Tri & Minh Thuận. (lược ghi)

Thập thiện

Thưa quý phật tử!

Hôm nay, tôi xin trình bày với quý vị một phương pháp tu tập để tự chuyển hóa nhằm thăng hoa đời sống từ xấu ác trở thành hiền thiện. Tu tập đạt được mười điều thiện, thanh tịnh ba nghiệp của thân, miệng và ý là một bước tiến quan trọng trong lộ trình tu học hướng đến giải thoát của hàng phật tử.

Thập thiện nói đầy đủ là thập thiện nghiệp, tức hướng tới và đạt được sự thanh tịnh trong mỗi hành vi tạo tác. Thế nào gọi là thiện, thế nào gọi là ác? Khi làm việc gì mà có lợi cho mình cho người, lợi ích hiện tại và tương lai, lợi ích đời này và đời sau, đó là thiện. Hoặc theo tinh thần Bồ Tát tuy có tổn hại mình nhưng lợi người, lợi chúng sanh, trong đời này và đời sau cũng là thiện vì thương chúng sanh, khởi đại bi tâm, có thể hy sinh thân mình.

Ngược lại với thiện là ác, phạm làm việc gì hại mình, hại người trong đời này và đời sau hoặc lợi mình nhưng hại người, đó là ác. Còn nghiệp là gì? Nghiệp là sự tạo tác của hành vi, là kết quả của những sự tạo tác có chủ ý. Có mười nghiệp thiện và mười nghiệp ác thông qua sự tạo tác của thân, miệng và ý. Hành động không phải là chính mà chính là ở nơi tâm mình. Chữ thiện, ác không dễ thấy rõ, ví dụ như người làm cha mẹ đánh con, như vậy đánh con là ác sao? Nói “thương con cho roi cho vọt”, hoặc có thằng nhỏ leo lên cây tiều xuống, ông quan chẳng những không rầy mà còn cho bánh như vậy ông ác hay thiện? Quan trọng là tâm của mình chứ không phải hành động.

Bất cứ hành động nào cũng xuất phát từ tâm. Ý suy nghĩ, miệng mới nói, tay mới làm, tức là từ nơi ba nghiệp: thân, khẩu và ý nghiệp. Khi xét đoán việc làm nào phải xét từ ba nghiệp mới khẳng định được là thiện hay ác, không thể nói mù mờ được. Hành động của nghiệp thì vô số nhưng phân chia căn bản thì có mười việc lành hoặc dữ.

* Thân nghiệp: sát sanh, trộm cắp, tà dâm.

* Khẩu nghiệp: nói dối, nói lời thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều, nói hung ác.

* Ý nghiệp: tham sân si.

Đó là mười nghiệp ác nếu làm thì phạm, không làm là thiện; như trong bìa kệ: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật

giáo”. Nghĩa là các việc ác chớ làm, nếu làm thì phạm; các việc lành nên làm, làm thì không phạm, nếu không làm thì phạm.

Chúng ta đừng quan niệm tôi ăn hiền ở lành, không làm việc gì xấu ác với ai là đã tu rồi. Nếu quan niệm như vậy thì chỉ đứng tại chỗ không tiến lên được. Như một hạt lúa mà không gieo trồng, tưới nước bón phân thì nó có lên thành cây lúa, bụi lúa không? Chúng ta có Phật tánh mà không biết lau chùi, không tu tập thì có giải thoát không? Biết mình có Phật tánh thì phải vun bồi phát triển thì mới sáng suốt được.

Nếu gặp thời an lạc thì con người tu thiện nhiều, thời ác thì dễ làm ác. Quan trọng nhất là chúng ta còn sống được khoẻ mạnh ngày nào, còn trí tuệ thông minh sáng suốt thì gắng tu vì già chết không hẹn cùng ai, nên cần phải dừng nghỉ các hành động ác. Phải tu hết đời này và nhiều đời nhiều kiếp nữa chứ không phải chỉ một kiếp này thôi. Ba nghiệp đã tạo thì cần phải ăn năn sám hối chừa bỏ.

Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp

Giai do vô thí tham sân si

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

Nhứt thiết ngã kim giai sám hối.

Thấy rõ do ba nghiệp tạo ra tham, sân, si. Chính nó đưa chúng ta đi lên hoặc đi xuống, nên phải tạo cho mình nền móng vững vàng như xây căn nhà vậy. Nó là yếu tố đề tu hành và đưa đến kết quả. Một khi đã kết tạo thành nghiệp rồi nó ăn sâu vào chủng tử thì rất khó mà bỏ được như việc hút thuốc hay ăn trầu, đã huân tập nó thành thói quen, thành nghiệp. Khi chúng ta tu thì sẽ chuyển nghiệp được, nếu không chuyển được thì cũng như xì ke mà không cai nghiện thì nó sẽ đưa đến những hậu quả ác nhất như giết người. Nghiệp ác thì phải trừ, nghiệp thiện thì nên tạo, phải thấy được cái nghiệp nào cần thiết để tu sửa. Muốn đi theo con đường lành thì phải cải tạo các hành động việc làm ác ngay từ bây giờ, để cho ba nghiệp được thanh tịnh mới đồng Phật vãng Tây phương. Chúng ta có 84 ngàn pháp môn tu, tu pháp môn nào cũng được miễn sao thuần hóa tâm, thanh tịnh tâm, chữa bịnh tâm. Khi cái chánh tới thì cái tà không còn đất sống, như ánh sáng đến thì bóng tối tự tan đi. Nếu chúng ta làm điều thiện ở chỗ này vui thì chỗ khác cũng vui, ở nơi nào cũng vui vì thiện nghiệp mình tạo ra thì phải sinh ra an lạc. Khi quý vị đi ra đường thấy người già mình dẫn qua đường tự nhiên cảm thấy có chút

niềm vui nho nhỏ. Mỗi ngày cứ tăng thêm việc thiện từ lời nói, hành động, suy nghĩ thiện thì tam an lạc.

Nếu không có tạo nghiệp thì không cần diệt nghiệp. Như cái áo không dơ thì đâu cần giặt. Chuyện kể có vị Phật đi trên một chiếc ghe có 500 vị thương buôn, trong đó có hai tên cướp. Phật biết được ý đồ hai tên cướp muốn giết 500 người này, Phật phải giết hai người kia. Hành động đó là thiện hay ác? Hành động với nội dung tất cả đều do tâm tạo. Phật đã vì tâm từ bi sẵn sàng chịu quả báo cho chúng sanh, có thể làm mọi việc với tâm từ chứ không phải tâm độc ác. Quý vị cứ tin chắc tin sâu vào nhân quả. Cố gắng nhẫn nại làm các việc lành.

Nói thập thiện là nói về ba nghiệp, nó là căn bản của thế gian và xuất thế gian. Gieo nhân thì gặt quả, ngay trong đời hiện tại hoặc đời sau, không sai chạy. Nhân nhỏ thì quả nhỏ, nhân lớn thì quả lớn, như người ta nói: Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì, tức là cái thiện và cái ác trước sau gì cũng có quả báo, chỉ có chậm hay mau mà thôi. Cũng như trồng cây: có cây hai hoặc ba tháng có trái, có cây một năm, hai năm và có những cây đến 10 năm hoặc 20 năm. Nếu siêng làm tất cả việc thì kết quả sẽ tốt.

Muốn được quả làm người thì phải gieo nhân lành là giữ tròn năm giới. Với nhân này ta có quả hiện tại từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội đều quý trọng, nếu tiến xa hơn một bậc nữa thì phải tu thập thiện. Hiện tại đã khẳng định rằng mình đã tu nhân làm người rồi nên bây giờ mới được làm người đây. Đã gây được nhân làm người lục căn đầy đủ, được gặp Phật pháp thì phải cố gắng tiến lên thêm nữa là tu thập thiện, từ từ đi lên cao hơn để trở về với Phật quả chứ đừng có hướng xuống. Con người là giai đoạn trung gian để đi lên tứ thánh hoặc trở lại lục phàm. Mình đã khẳng định đã chọn lý tưởng rồi thì phải cố gắng theo đuổi, kiên trì nhẫn nại thì sẽ vượt qua hết tất cả, không nên chán nản. Phải thấy được cái lợi ích để mình vượt qua. Muốn lấy được gỗ quý thì phải dọn những gai góc dọc đường, đi vào sâu trong rừng mới có gỗ quý, phải chịu những nghịch cảnh chướng duyên, cực khổ. Càng lên cao càng nguy hiểm và khó khăn. Phải vượt lên chướng duyên của bản thân và của hoàn cảnh.

Chúng ta phải làm sao tự mình giữ cho ba nghiệp được thanh tịnh. Một khi ý nghĩ hay hành động nào muốn làm mình phải suy xét tường tận từ ý nghiệp, thân nghiệp và khẩu nghiệp. Mỗi ngày phải tập cho thân không phạm, miệng

cũng không phạm, việc nào đáng nói thì nói không thì thôi. Phải tập nói năng như chánh pháp, im lặng như chánh pháp.

Chúc quý phật tử giữ gìn và trau dồi tốt thập thiện nghiệp. Tu tiến để được giải thoát.

Quảng Tánh. (lược ghi)

---o0o---

Lợi ích khi lìa bỏ tham dục

Là con người, ít nhiều thì ai cũng có lòng tham. Nói con người không tham là chưa chính xác. Có nhiều cái để tham, tạm khái quát qua các mặt: tài, sắc, danh, thực, thù. Muốn kềm chế lòng ham muốn không phải dễ, vì hầu như không bao giờ người ta thấy mình đầy đủ. Để có một cuộc sống thanh bạch, nhẹ nhàng, không phiền não, lo âu, sợ sệt, chúng ta cần biết đủ, tức là sống thiểu dục tri túc. Điều này không phải ai cũng làm được, bởi lòng tham vốn không đáy.

Thế gian, dù có bao nhiêu, đa số mọi người vẫn cứ thấy thiếu. Chỉ có hạng người biết đủ mới không có cảm giác luôn thấy mình chưa đủ và không bị lòng ham muốn dẫn dắt mà thôi.

Cuộc đời Đức Phật là một tấm gương sáng chiếu về vấn đề này. Là một thái tử, ngài có đầy đủ tiền tài, danh vọng, cung vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con ngoan..., nhưng ngài sớm nhận biết những thứ đó không làm cho ngài an lạc. Ngài đã vì lý tưởng lớn, vì nhân loại, vì muốn chỉ tri kiến Phật cho chúng sanh tỏ ngộ mà khước từ tất cả hạnh phúc thế gian. Có thể nói, người có quyền lực, tiền tài, danh vọng mà dám từ bỏ, không tham đắm, đó mới là người có ý chí tối thượng. Người đã thiếu mà còn tham thì lại càng thêm khổ. Cũng như vậy, nhu cầu luôn làm cho con người cảm thấy thiếu, mà càng thấy thiếu thì lại càng khổ. Biết mình sống tạm đủ, không bon chen danh lợi thì nhất định sẽ có phần nào an lạc. Trong kinh dạy rất rõ: “Nếu biết đủ thì nằm đất cũng thấy đủ; nếu không biết đủ dầu ở thiên đường cũng không xứng ý”.

Do tham đắm nên nghiệp mới lôi kéo con người triền miên trong sanh tử luân hồi. Bản tánh tham đã có trong nhiều đời nhiều kiếp, muốn gột rửa nó thì phải trải qua quá trình tinh tấn tu tập. Đưa trẻ ba bốn tuổi thấy những sinh vật nhỏ bé như: cào cào, bướm bướm... nó liền muốn bắt, đó là tập khí

muốn chiếm hữu; hoặc khi đưa vật gì màu xanh, màu đỏ nó chụp lấy ngay, không lấy được nó khóc xanh mặt, tánh tham này có từ trong bụng mẹ. Những tánh tham ấy không phải ngày một ngày hai mà lia bỏ được. Phải kiên nhẫn gột rửa dần dần, như cái áo trắng dính bẩn lâu ngày không giặt, nếu chỉ giặt một lần, giặt sơ sơ thì không thể sạch được, nhưng điều quan trọng là ta thấy được vết bẩn ấy và quyết tâm tẩy nó đi. Tập từ những bước đơn giản, ví như: Tập cho mình tánh giản dị trong cuộc sống, chẳng hạn như bữa ăn hàng ngày không quá cầu kỳ, dưỡng chất, chỉ cần làm sao vừa đủ để nuôi thân. Như vậy, chúng ta không phải lao tâm khổ tứ vì chuyện ăn mặc và có nhiều thời gian để tu tập.

Có thể nói, trên bước đường tu tập, đường đi lên rất khó còn đường đi xuống lại rất dễ, bởi tiền tài, sắc dục có sức rất mạnh, thường dễ lôi kéo, cám dỗ con người. Do đó, cần phải chế ngự năm căn, không để cho nó sai xử, dẫn dắt, phải biết làm chủ hành động của mình. Nên nhớ, nghiệp cũ chưa dứt bỏ hết thì không nên tạo thêm nghiệp mới; nếu chưa biết hút thuốc thì đừng hút, bởi khi huân tập rồi thì khó mà bỏ được. Cũng như vậy, điều tốt chưa sinh thì khiến nó phát sinh, điều tốt đã có rồi thì làm cho nó phát triển hơn nữa. Bằng sự nỗ lực, mỗi người trong chúng ta cố gắng khắc kỷ và làm hòn đảo cho chính mình, đừng để sóng tham dục nhận chìm, bởi việc tốt thì khó làm mà việc xấu lại dễ huân. Chúng ta hãy giữ vững lập trường, ý chí, không chạy theo ngũ dục, trần cảnh, tự chế ngự thân tâm và thực tập sống với tinh thần biết đủ để an vui. Đức Phật nói người ngu si ám độn thì bị đắm chìm trong buồng lung. Người không lấy trí tuệ làm nền tảng của sự nghiệp thì không biết cái nào là phải - trái, tội - phước... Do đó họ có thể làm bất cứ điều gì, để rồi kết quả là đọa lạc trong cảnh khổ nhiều kiếp.

Người trí không buồng lung tham đắm nên họ chẳng lo sợ gì, còn kẻ ngu si luôn ôm nhiều lo sợ. Người có trí giống như người đứng ở trên lầu cao nhìn xuống muôn vật, biết rõ sự tốt - xấu, thối - người ngu - trí. Trước khi làm việc gì, chúng ta cần suy nghĩ đến hậu quả của nó. Việc xấu cho dù có mang đến danh lợi nhất thời chúng ta cũng không làm. Việc nào đáng nói mới nói, nói cho đúng sự thật, đúng thời và đúng chỗ. Bạc trí là người đứng trên danh lợi, tài sắc, đứng ngoài các tội lỗi của thế gian, thấy những người nghiện rượu, xì ke, biết được hậu quả của nó và không để vướng vào các tệ lậu đó. Người sống trong sự cám dỗ của tham dục khó có thể nhận ra điều dở, xấu của mình. Thế nên, chúng ta phải tập quán sát các pháp thế gian như mộng, huyễn... để thức tỉnh sự tu tập, bởi chỉ có đạo đức và trí tuệ là không bao giờ tan hoại. Trí tuệ, đạo đức phát sinh từ sự tu tập của chính mình, nó là cái không thể mua bán, chiếm đoạt, cũng không thể do một quyền năng nào đó

ban tạo mà có được. Ở đời, không để nhiễm dục lạc trần gian là điều rất khó, tuy nhiên, người hiểu biết sẽ không để cuộc sống của mình đắm chìm trong dục lạc. Chúng ta phải sống và tu tập như thế nào để trở thành người cư trần mà không nhiễm trần, luôn phòng hộ các căn không để buông lung. Giống như anh chàng đi tìm thầy học kiếm, tuy không được học kiếm ngay mà phải làm công việc nấu cơm, dọn dẹp, nhưng nó cũng tập cho anh tính kiên nhẫn và sự thuần thực, nhanh nhẹn trong từng thao tác của công việc. Một hôm, trong lúc anh đang nấu cơm, vị thầy đột nhiên xuất hiện và chém gươm xuống, anh ta phản xạ rất nhanh và tránh được nhát kiếm. Từ đó về sau, anh ta luôn tập cho mình sự phòng hộ trong mọi tình huống, bởi vì lưỡi gươm bất cứ lúc nào cũng có thể cướp đi mạng sống quý giá của anh ta. Cũng như vậy, chỉ một phút lơ là đắm nhiễm, ngũ dục lạc thế gian sẽ đoạn mất căn lành khiến chúng ta đời đời đau khổ.

Tuy nhiên, nói vậy không phải để mọi người chán ghét tất cả mọi thứ thuộc về thế gian mà chúng ta nên hiểu: Những thứ ấy chỉ là phương tiện, không phải cứu cánh. Thế gian này chỉ là tương đối, vì thế, không phải cái gì cũng vừa ý mình, nếu không biết sự giả tạm của nó mà đắm nhiễm vào đó, không khéo sẽ bị khổ không dứt vì tham muốn. Chúng ta cũng không nên để cho sự khắc kỷ đi đến mức cực đoan, ở phương tiện nào chúng ta nên sống theo phương tiện đó, chẳng hạn như khi ăn uống, không phải vì từ bỏ mọi ham muốn mà bỏ đi những thứ ngon tốt, chọn ăn những thứ dở xấu. Làm như thế là thiếu trí tuệ và cố chấp. Tự tạo cho mình cuộc sống thoải mái, đơn giản, không cầu kỳ thì sẽ được an vui cả thân lẫn tâm, sự an vui này là thành quả của việc lìa tham và biết đủ.

Mỗi ngày, trước khi đi ngủ chúng ta nên suy xét từ sáng đến giờ mình đã làm những việc gì, từ ý nghĩ, lời nói đến hành động, xem việc nào sai trái thì ăn năn, chừa bỏ, việc nào tốt thì cố gắng làm tốt hơn. Trong cuộc sống, điều gì mình không muốn mà nó đến với mình thì nên khắc phục và cố gắng tĩnh tu. Đức Phật từng dạy: “Bậc trí chần giữ tâm mình không buông lung như nhà giàu chần giữ của quý”. Nếu chúng ta cứ để cho trần cảnh và những việc trái ý nghịch lòng mặc sức tạo cơ hội cho tham sân si nổi lên thì việc chế ngự thân tâm rất khó có kết quả. Đối với những chuyện vui buồn, tâm rất dễ chiêu cảm, cho nên chuyện gì cũng thâm tóm vào trong tâm thì chúng ta rất khó có được sự tự tại.

Trong kinh Pháp Cú Đức Phật có dụ: “Nhà lợp không kín ắt bị mưa dột, kẻ tâm không tu thế nào cũng bị tham dục lọt vào tàn phá”. Đức Phật thường đưa ra những ví dụ cho chúng sinh hiểu, như trong kinh Pháp Hoa, phẩm

Phương Tiện, Người muốn đưa chúng sinh từ tam thừa trở về nhất thừa, nên đưa ra dụ “nhà lửa”, trong đó chỉ có một cái cửa, mà những người con chẳng hiểu gì là nhà, gì là cửa, cũng không biết được sự nguy hại của lửa nên cứ mãi chơi giỡn trong đó, chẳng chịu thoát ra; cũng như chúng sinh trong ba cõi không biết được tham dục là khổ nên chẳng chịu tu. Đức Phật nói khổ trước rồi mới chỉ bày phương tiện sau, bởi Bồ Tát sợ nhân chúng sinh sợ quả. Đức Phật biết tâm chúng sinh sợ đi trên con đường dài xa nên mới đưa ra phương tiện tam thừa như xe dê, xe hươu, xe trâu tùy theo sức chở mà đưa chúng sinh đến bờ an vui. Khi chúng sinh đã hiểu, áp dụng được phương tiện, ra khỏi sự nguy hiểm, lúc đó Đức Phật mới chỉ bày ngoài Phật thừa ra không có thừa nào khác.

Có thể nói, nếu không tỏ được đạo thì chúng ta giống như hình cây, tượng gỗ, hờn hờ trong sự phiền não nguy ngập mà không nhằm chán. Vì thế, chúng ta nên luôn luôn tự xét lấy mình, đừng để thâm tâm buông lung đắm nhiễm các dục ở đời.

Chúc quý Phật tử giữ gìn tốt ngũ giới, biết thiếu dục tri túc để tiến tu.

Thái Nam Thắng. (lược ghi)

---o0o---

Phần II: Truyện ký Bóng áo nâu.

Đồng tác giả:

Thu Nguyệt - Đỗ Thiên Đăng - Thiện Bảo

Phần 1 - Một khúc sông Tiền

*Một là nguyện Phật thân thông
Chứng minh đệ tử thành công lâu dài
Hai là nguyện lạy Như Lai
Cầu cho già trẻ gái trai làm lành...*

Miệng thì đọc theo ba nhưng mắt Bé cứ thỉnh thoảng lại phải nhìn theo con thần lẩn trên cột nhà. Thần lẩn đang rình một con kiến cánh. Con kiến kia nếu không biết bay đi thì thế nào cũng bị thần lẩn đớp, chú nghĩ trong bụng, thoáng thấy tội nghiệp con kiến nhưng cũng thấy thương con thần lẩn đang đói. Chú không thích nhìn thấy cảnh ấy một tí nào. Quay mặt đi chỗ khác, Bé cố gắng chú tâm đọc rõ ràng từng chữ theo ba.

Tối nào cũng vậy, hễ thấy ba vói tay lấy cái áo vải xe lửa nhuộm mực Tàu treo trên vách là chú chạy ào ra lu, múc gáo nước xối vội hai bàn chân, khum tay vốc ngum nước úp lên mặt, quẹt quẹt vài cái lên má rồi chạy vào, vừa chạy vừa lấy tay áo lau mặt. Coi như sạch sẽ rồi, chú liền chấp tay đứng ngay ngắn đằng sau lưng ba. Ba thấp nhang và bắt đầu buổi tụng kinh tối. Những năm chiến tranh, câu cầu khẩn cửa miệng người dân không phải là cầu tài cầu lộc, mà là “cầu cho tai qua nạn khỏi”. Do vậy, đêm nào ba cũng lễ lạy và đọc tụng 12 bài nguyện Quan Âm. Chú đọc theo ba không sai một chữ. Có những lúc mắt bận ngó nghiêng cái này cái kia, đôi khi chú lơ là, nhưng vẫn dõi theo và đọc đủ bài kinh như quán tính. Buổi sáng, bốn giờ ba đã thức tụng kinh. Chú nằm trong mùng, tai vẫn nghe và tiếng tụng kinh âm trầm ngấm vào giấc ngủ của chú, mỗi ngày mỗi ngày đều đều như vậy

Xóm Bà Tri nằm núp sau một cái cồn nhỏ quay mặt ra con sông Tiền rộng lớn. Người ta kêu bằng cồn Dưa Leo bởi trên đó trồng toàn dưa leo, mà hình như cái cồn này cũng có hình giống trái dưa leo nổi bập bên trên con sông cái lớn. Dọc con sông đây ấp phù sa này có biết bao nhiêu là cồn, cù lao chìm, cù lao nổi... không sao kể xiết. Có cồn nổi giữa sông, có cồn nổi gần bờ, hình như con nước cũng như người nông dân Nam bộ đây chất nghệ sĩ, phóng khoáng, vui đâu ghé đó, không tính toán so đo; bất cứ nơi nào, hễ mỗi tay hay thích chí, rút cây sào cặm xuống thì nơi đó là bến. Cồn Dưa Leo nổi cách bờ chỉ khoảng hơn chục thước, vừa đủ tạo thêm một con sông nhỏ trước nhà. Nước thì cũng là nước của sông cái lớn, nhưng cách chảy và sóng của sông nhỏ thì hình như cũng hiền hòa và nhẹ nhàng hơn. Mỹ Xương là vùng đất khá tốt, thích hợp trồng cây ăn trái, nhưng chiến tranh giặc giã vào những năm này khá căng thẳng nên người dân không có điều kiện chăm sóc vườn tược hoa màu, đất đai làng xóm trở nên xơ xác, đa phần là người nghèo lam lũ, thất học. Con nít trong xóm lóc nhóc như bầu bí, dưa nào dưa này da tóc cháy nắng, ốm nhách ốm nhom. Trò chơi trẻ con bốn mùa chỉ quanh quẩn mấy trò bắn cu li bằng đạn đất, võ tu hú, tâng u, rồi đánh trận giả bằng súng bẹ chuối, cây lùn. Các trò chơi đa số là của lũ nhóc con trai, các bé gái ở quê chưa kịp biết chơi đùa đã phải làm công việc nhà giúp mẹ, có được chơi chẳng nữa cũng chỉ vài trò, mà thường thấy nhất là trò chơi nhà chòi, thì quanh quẩn cũng là nấu nướng, tắm em, quét nhà rửa chén...! Tuổi thơ chưa kịp qua, các em đã phải làm người lớn thu nhỏ. Người lớn thì vừa mần ăn vừa lo chạy giặc, sống được qua ngày là may rồi, ít ai biết mơ ước điều gì cao xa. Ước nguyện ương lai hầu như được đo và tính bằng từng mùa vụ. Dân miệt vườn còn đỡ, dân miệt ruộng càng chon chất thiệt thà hơn, hầu như cả đời họ chẳng cần nghĩ đến điều gì xa hơn mảnh đất đồng làng mà họ có, chẳng cần nhìn thấy điều gì cao hơn cái nóc nhà họ ở (nếu như cái nóc

nhà ấy không bị dột). Đa số người dân quê là vậy. Nếu tâm hồn được ví là hoa, thì tâm hồn những người dân quê giản đơn, bình dị như là hoa lúa.

Bé lớn lên trong một căn nhà nhỏ, vách lá cột tràm, quay mặt ra con sông được tạo nên bởi cái cồn Dưa Leo bề ngang chưa đầy cây số ấy. Đầu sông người ta gọi là xép cù lao Quạ, cuối sông kêu bằng vàm Cả Sút, những cái tên nghe thiệt là quen. Mỗi ngày, ba chú đi qua cồn làm rẫy, chú ở nhà quanh quẩn với mấy cục đạn cu li cứ vo mãi không tròn. Trong xóm chỉ có thằng Nghé là có biệt tài vo đạn cu li khéo nhưt. Những viên đạn được làm bằng đất đào tuốt ngoài vườn, cạnh mấy cái mương chứa nước. Đất gần sông là đất cồn bồi, phù sa pha cát nên làm đạn không có độ dẻo bền như đất sét. Thằng Nghé lại rất khỏe tay, nó vo vừa tròn vừa chặt, lúc phơi nắng lại siêng năng trở đều cẩn thận nên viên đạn rất tròn, bắn lặn chính xác và va chạm mạnh mấy cũng không bị bể. Bé là đứa được thằng Nghé vò giùm cho nhiều đạn nhưt vì chú rất hiền lành, chơi với bạn không ăn gian, lại hay nhường nhịn và bắn bi cũng... rất dở, bởi chú không hay bắn mạnh tay, do vậy, có vo giùm chú bao nhiêu đạn thì rồi cũng về lại túi thằng Nghé hết thôi.

Buổi chiều, Bé thường chơi quanh quẩn gần nhà, để ba đi cồn về, kêu một tiếng là chú nhảy tót xuống xuống bơi qua sông rước ba. Những ngày hái dưa leo, má cùng qua cồn phụ ba thu hoạch, những lúc ấy Bé cũng được theo. Đứng trên cồn, nhìn ra con sông cái lớn rộng mênh mông, bên kia xa tít tắp là phố chợ Sa Đéc, ba nói bên đó có đường trải nhựa, buổi trưa nắng gắt nếu không có dèp mà đi là nóng phỏng chân luôn. Đứng trên cồn, thỉnh thoảng nhìn thấy mấy chiếc tàu lớn chạy qua xa xa ngoài sông, Bé thích lắm. Tàu chạy qua lâu rồi mà sóng còn chưa vô tới bờ. Bé lượm mấy cục đất, chạy lầy đà, quay thẳng tay liệng hết ga ra sông. Chẳng bút xa khỏi bờ được mấy, cục đất rơi không nghe tiếng chũm lòn như bên sông nhỏ trước nhà, bởi tiếng gió và tiếng sóng óc ách vỗ bờ át mất. Vòng sóng của cục đất chìm xuống chưa kịp lan tỏa đã bị những con sóng khác xô trộn.

- Ê, Bé...Bé...

Cả đám con nít trong xóm cũng được ba má cho qua cồn tiếp bẻ dưa leo, việc chưa xong chúng đã bỏ chạy đi chơi. Thằng Dứt có chiếc tàu làm bằng miếng ván mỏng cắt hình tam giác dài, sau đuôi cặp hai chiếc đũa, quần ngang là một sợi dây cao su. Một cái chong chóng cắt bằng thiếc, đục lỗ xỏ qua sợi dây cao su. Xoay thật nhiều vòng cái chong chóng và sợi dây rồi thả xuống nước, sợi dây cao su đàn hồi quay trở ngược lại, nhả cái chong chóng thành chân vịt đập nước, đẩy miếng ván về phía trước. Trò này chơi ở trong

mương trong rạch thì tàu chạy rất ngon, có khi được ba bốn sải tay mới ngừng. Ra sông lớn thì thua, sóng dập mấy cái là chiếc tàu quay như chú vịt con bị lươn rút! Cả đám thất vọng quay qua bày trò kết bè chuối. Bè được làm rất công phu, cũng có mũi như những chiếc tàu Pháp hay chạy trên sông, có cả người lái nặn bằng đất, đầu đội cái nón khoét bằng chóp trái dưa leo phần có cái cuống cong cong; chân không giày dép nhưng tướng tá lại giống như thầy giáo trên trường. Trên bè có cả mấy con mèo chó, trâu bò... và lu đựng gạo nữa. Kết xong chiếc bè thả xuống, nước chảy mạnh làm bè trôi rất nhanh. Cả đám tiếc, sợ bè trôi mất, lại lấy sào vớt vô. Chiếc bè chuối cứ cặp theo còng mà trôi lú quíu cách bờ không đầy hai thước. Thấy vậy Bé nói:

- Thôi, mình đừng tiếc nữa, cứ đẩy cho nó trôi tuốt ra ngoài xa kia đi. Cho nó đi qua bên chợ Sa Đéc luôn đi.

Cả đám chưa đứa nào biết chợ Sa Đéc, nghĩ đến việc chiếc bè của mình trôi được qua tới chợ Sa Đéc thì khoái quá, bèn hè nhau lượm đất thi đua liệng xua chiếc bè ra xa. Chiếc bè chuối trôi xa dần xa dần cho đến khi chỉ còn là một chấm nhỏ xíu nhấp nhô trên sóng. Bé đứng nhìn theo mút mắt. Với trí óc của một cậu bé mười tuổi, chú không biết trong mình đã manh nha có sẵn ý thức mong muốn sự giải thoát, chú chỉ thấy thích khi nhìn chiếc bè trôi tự do giữa muôn ngàn con sóng lúc to lúc nhỏ... Những con sóng không bao giờ ngớt dao động, lao chao...

---o0o---

Trường làng

Cái cặp bằng đẽm, trong đó là một quyển Quốc văn giáo khoa thư lớp ba, hai cuốn tập, cây viết mực ngòi lá tre, cây thước gỗ vuông nhỏ dài ba tấc. Một bình mực tím, miệng bình có phễu, phòng khi bị lật, mực khỏi đổ hết ra ngoài. Đó là tất cả “lều chõng” của Bé để đi đến trường. Cuốn sách cũ kỹ, quần góc là của nhà trường cho mượn, hết năm học phải trả lại cho lớp sau học tiếp, còn hai cuốn tập thì rất thẳng thớm, sạch sẽ, luôn còn đủ 100 trang (tập ngày xưa in không tính luôn cả bìa như ngày nay) không bị xé mất trang nào để biến thành chim én, tàu bay... như tập của đa số các cậu bé tiểu học. Bé luôn được cô khen vì rất ngoan và học giỏi. Bảng danh dự treo ở góc lớp bao giờ cũng có tên chú. Chú làm lớp phó nhưng lại được phân công hô khẩu hiệu cho cả lớp trước khi vào học và khi ra về. Còn nhớ mấy bữa đầu tiên vô lớp, thằng Tô là lớp trưởng, nó to con, người ô dề kệch cộm, cô giáo vừa bước vô, nó đứng dậy hét to:

- Học sinh - đứng!

Cả lớp gào theo:

- Nghiêm!

Cô giáo người nhỏ nhắn, trắng bóc, có vẻ ốm yếu. Cô bước lên bục, ngồi xuống ghế sau bàn giáo viên, vẻ mặt hơi cau có, phải đến một phút sau cô mới ra hiệu cho lớp ngồi xuống. Thằng Tô lại hô tiếp, giọng của nó vẫn không giảm khí thế hùng hục:

- Học sinh – ngồi!

Cả lớp nhìn vẻ mặt cô giáo, hơi xiu giọng:

- Xuống!

Cô giáo nhìn quanh một lượt, cất giọng hỏi:

- Ai là lớp phó?

Cả lớp nhao nhao:

- Dạ, thằng Bé, cô.

Cô giáo nghiêm mặt:

- Không nói thằng. Kêu bằng trò Bé, nhớ chưa? Lớp này năm ngoái ai dạy mà ăn nói kỳ khôi vậy? Trò Bé đâu?

Bé đứng lên khoanh tay lễ phép:

- Dạ thưa cô, con.

Cô nhìn chú bé ốm ngắc, gương mặt sáng sủa, hiền lành, vẻ hơi hài lòng, nhưng cô bật hỏi:

- Con làm lớp phó sao không ngồi đầu bàn nhưt, lại ngồi bàn nhì?

- Dạ thưa cô, trò Út bị xếp ngồi sau lưng con, trò ấy lùn, không thấy bảng nên con nhường...

Cô giáo bảo:

- Con đứng dậy hô khẩu hiệu cho lớp, cô nghe thử.

Bé đứng lên, nhìn xuống lớp một cái rồi lấy giọng, hô chững chạc: “Học sinh - đứng!” Giọng chú rõ ràng và nghe “êm” hơn giọng thằng Tô. Cô giáo gật đầu:

- Từ nay em thay lớp trưởng hô khẩu hiệu, em xách cặp lên bàn nhứt ngồi đúng chỗ.

Cả làng có duy nhất một trường tiểu học nhưng cũng chỉ được hơn chục lớp với một dãy phòng học lợp ngói. Trường có cổng và hai cánh cửa hầu như không được mở đóng bao giờ. Bốn bức tường bao quanh khu vực trường cũng như có như không, bởi đã bị xô ngã, lỗ chỗ những vết đạn bắn, lâu ngày không được tu bổ sửa sang. Mấy chú học lớp nhứt có thể đi vào trường bằng cổng chính hoặc các có thì nhảy qua mấy đoạn tường ngã đổ mà vào. Đầu dãy là phòng hiệu trưởng kiêm luôn phòng giáo viên. Cái trống được treo ở đó. Cái trống tróc sơn loang lỗ cũ kỹ nhưng âm thanh của nó thì luôn luôn mới tùy theo tâm trạng của người đánh và người nghe. Trường có bác bảo vệ già, quanh năm không bảo vệ được gì mà cũng chẳng có việc gì để bảo vệ ngoài việc bác tự “bảo vệ” lấy bác trước đám học trò ranh mãnh, lí lắc. Nhiệm vụ của bác là đánh trống, nhưng thường được mấy anh lớp nhứt tinh nghịch, xung phong tự nguyện giúp bác, do vậy tiếng trống rất phong phú, khi thì từng từng hăng hái như tất cả năng lượng của người đánh dồn vào mặt trống, khi thì thùm thụp ngắt quãng như người cầm dùi đang bị thọt lét! Chỉ có lúc bác đánh thì tiếng trống mới nghe đều đều quen thuộc. Sân trường trồng mấy cây bả đậu lâu năm, tán rộng rất mát, có vài cái tổ chim cứ bị chọi rớt xuống hoài. Cây bả đậu thân có gai nhọn nên không leo được, học trò cứ chọi tổ chim, gạch đất rớt xuống nóc trường, nằm rải rác lổn nhổn đầy trên mái ngói. Cứ mỗi lần nghe tiếng xúng xoảng trên mái, thầy hiệu trưởng bước ra, cả bọn ùa chạy trốn, cũng có khi thoát, cũng có khi không, nếu trong đám có “gian tế” mách lại với thầy. Thầy bắt quì cột cờ phơi nắng suốt giờ ra chơi. Phơi nắng nhằm nhò gì nên chẳng đứa nào sợ, sợ nhứt là bị khẻ năm đầu ngón tay thôi, khẻ năm đầu ngón tay đau dai dẳng, hậu quả kéo dài có khi đến ngày hôm sau, không móc đất nắn đạn cu li hay làm tu hú được. Có lần chọi rớt được một tổ chim se sẻ, cả bọn xúm lại giành. Tội nghiệp mấy chú sẻ non chưa đủ lông cánh, xơ xác ngắt ngư vì bị chuyên hết tay này qua tay khác, ngắc ngoải sắp chết. Bé xin mãi cuối cùng cũng được chia cho một con. Trống vào lớp, chú đành bỏ con sẻ non vào hộc bàn. Tan

học, con sẽ non chết ngắt. Chú cầm con sẽ trên tay vừa đi vừa khóc. Thằng Tô đi ngang thấy vậy, chụp phắt con sẽ, quăng cái nhúm xuống sông, mắng:

- Khóc khi gì? Đồ mít ướ! Mời tao kiếm con khác cho.

Thằng Tô coi thô bạo vậy chớ cũng được lắm, nó rất thương Bé. Hôm sau, nó đem vô lớp cái hộp lon, gi vào tai chú:

- Tao đố mày cái gì?

Tiếng ò...i...u...u... phát ra ri ri từ bên trong, Bé biết ngay:

- Con ong bầu!

Thằng Tô cười:

- Ừ, cho mày đó. Con ong bự tổ chẳng luôn, để xa xa lỗ tai, kéo nó đờn điếc con ráy!

- Dóc tổ! – cả nhóm cười xì. Thằng Tô rượt đá dít từng đũa, mỗi đũa một cái. Bé đem cái lon để xuống cuối lớp, chú sợ trong giờ học mà nó nổi máu nghệ sĩ, đờn um sùm thì cô giáo nghe, phạt chết. Sau giờ học, chú đem con ong về nhà, khoe với má. Má nói: Coi chừng nó chun ra được, đánh chết. Ong bầu mà chích là thúì thịt luôn. Má biểu đem thả đi, nhưng Bé tiếc, chưa chịu thả. Chú vô bếp, bới một tô cơm ra võng ngồi ăn, vừa ăn vừa lắc lắc nghe con ong ò í. Chợt chú nghĩ: nhột trong đây hoài, con ong đói bụng, biết ăn gì? Nó đói chết sao? Vết vôi tô cơm, chú chạy qua nhà thằng Tô, hỏi:

- Lấy gì cho con ong ăn?

Thằng Tô đang ngồi vò cả đồng đạn cu li, ngược lên nói:

- Ăn khi gì! Nó sống dai lắm, cả tuần chưa chết!

- Nhột nó tới chết thì thôi hả?

- Hông lẽ mần mắ? Chết thì bỏ. Thằng này, khờ thấy mẹ!

Bé xách hộp lon về, đi thẳng ra sau giàn mướp, mở nắp, thả con ong. Hí hửng chạy vô khoe với má:

- Má. Con thả nó rồi.

Má đang loay hoay trong bếp hỏi:

- Thả cái gì?

- Thì con ong hỏi nầy, má biểu con thả.

- Ủa, giỏi, má thương, mai mốt đừng có chơi mấy thứ đó, ớn lắm nghen.

Bé dạ thiệt ngoan, chú nhìn ra giàn mướp, chẳng thấy con ong đâu, chỉ có mấy cái đọt mướp với dây leo lẩn ngoẩn huơ huơ trong gió buổi trưa mát rượi thổi từ phía sông cái lớn qua cồn, thoang thoang mùi rạ rơm phủ úm gốc dưa leo. Bé lấy quyển sách trong cặp ra, phủi chân trèo lên bộ vạt tre, nằm học bài. Hình như có tiếng con ong cứ i u bên tai, đưa chú vào giấc ngủ.

---o0o---

Chùa quê

Ngôi chùa nhỏ nằm khiêm tốn trong khoảng đất rộng đầy cây trái. Buổi tối, mùi nhang tỏa ra từ chánh điện hòa với mùi thơm trái chín đầu đó trong vườn. Buổi sáng, tiếng chuông mõ công phu bình dị hòa cùng tiếng gà gáy sáng. Chùa Hải Huệ chỉ như một ngôi nhà lớn trong xóm, không mấy cách biệt, do vậy bà con trong ấp Mỹ Hưng Hòa hằng ngày lui tới với chùa rất tự nhiên, thân thiện. Ni sư trụ trì rất hiền lành, chất phác, nhu thuận. Không như ở thành thị, cứ thấy chùa to Phật lớn, quang cảnh đẹp là mọi người kéo nhau tới lễ bái, ít ai quan tâm tới chư tăng ở chùa ấy ra sao. Ở quê, mọi sinh hoạt trong chùa cả xóm đều biết. Chùa nào thầy trụ trì đức độ hiền lành là mọi người theo. Chùa ở quê rất nghèo, không có tiền nhưng đồ ăn thức uống thì dư giả. Mùa nào thức đó: mùa xoài thì chánh điện tràn ngập xoài, mùa nhãn thì vừa đến cổng chùa đã như bước vào vườn nhãn. Nhiều nhất quanh năm là chuối. Những ngày rảnh, Bé thường cùng mẹ lên chùa phụ quý cô ép chuối phơi khô. Chuối khô chất đầy trên mấy cái gióng tre treo trong nhà bếp, lâu lâu có lái buôn, chùa phải gọi đi bán bớt để lấy tiền mua nhang, mua dầu lửa thắp đèn. Người nào lên chùa cũng chỉ dâng cúng cây trái nhà mình. Cô trụ trì cứ nhìn những thứ trên tay họ mà hỏi thăm về vườn tược, thu hoạch, đời sống của họ. Chỉ đơn giản thế thôi nhưng tình nghĩa vô cùng ấm áp. Nhà có việc gì họ cũng kể cô nghe, từ việc mẹ chồng nàng dâu cho đến việc xích mích hàng xóm. Cô sống ở chùa từ nhỏ nên cũng chẳng hiểu biết việc đời nhiều, nhưng cứ phải sắm vai nhà tư vấn tâm lý giáo dục để khuyên nhủ mọi người. Những lời khuyên cứ khuyên đi rồi khuyên lại, quanh quẩn

bao nhiêu đó nhưng cũng tạm an lòng đôi chút. Lại vậy, cũng những lời nói ấy, nhưng nếu người này nói thì ta cho là sáo ngữ, hoặc “biết rồi khổ lắm nói mãi...!” nhưng nếu người khác nói thì ta lại thấy chí lý. Cái đức, cái duyên là vậy.

Chùa quê những năm chiến tranh này không tổ chức lễ bái rình rang, nhưng người quê đi chùa chăm chỉ. Họ cầu an cầu siêu rất thiết tha. Trước tượng Quan Âm lúc nào cũng khổi hương thành khăn. Người quê tin vào Phật, Trời, Thần, Thánh một cách hồn nhiên, họ đâu cần biết Phật nói điều gì, trời như thế nào, thần thánh ra sao, chỉ nghĩ đơn giản rằng “đội ngũ cõi trên” ấy là điểm tựa cuối cùng của họ. Qui y Phật, qui y Tăng là chính, còn đối với giáo pháp cao sâu họ chưa đủ điều kiện tiếp nhận. Tuy vậy, với Phật, với Tăng họ đem hết lòng tin kính, có lẽ nhờ phước báu ấy mà đa số những bậc cao tăng thường được sinh ra ở các vùng quê. Và chùa quê là cái nôi giản đơn, mộc mạc đã nuôi lớn biết bao ý chí thanh cao thuần khiết.

Mẹ của Bé thường lên chùa làm công quả, dù không biết chữ, nhưng giờ tụng kinh, bà rất thành khẩn lên chánh điện quì, đợi tiếng chuông là cúi đầu lạy Phật. Chùa không có tổ chức thuyết pháp, lên chùa chỉ nghe tiếng tụng kinh, mà kinh thì đa số bằng tiếng Phạn, tiếng Hán khó hiểu, vậy mà theo tiếng mõ tiếng chuông, tâm hồn những người dân quê cũng men ven đường Chánh Pháp.

Ngày rằm, mừng một, cả nhà Bé đều đi chùa, phụ cô Sáu nấu nướng, dọn dẹp. Ni sư trụ trì rất mến Bé vì không như những đứa trẻ khác, bao giờ lên chùa chú cũng rất trang nghiêm, không leo trèo, phá phách, nghịch ngợm hay cười đùa lớn tiếng. Trái lại, chú rất siêng năng, thành kính lễ Phật, tụng kinh chăm chỉ. Nhìn dáng chú đứng chấp tay thành kính trước tượng Phật, cô thầm đoán trong đầu: thế nào cậu bé này cũng xuất gia. Cái duyên với Phật lộ rõ: mỗi lần đến chùa là chú cứ loanh quanh dọn dẹp lau chùi, phủ bụi xung quanh bệ Phật. Chú làm rất say sưa tỉ mỉ. Một chút bụi dính trong kẽ móng chân của tượng, chú cũng chồm người nhón chân lên lau thật kỹ. Có lần, cô bắt gặp chú đứng nhìn ngắm rất say sưa tượng đức Di Đà, cô hỏi:

- Con nhìn gì kỹ vậy?

Chú cười bẽn lễn:

- Sao con thấy thương ông Phật quá. Con muốn nữa mình cũng thành ông Phật giống ông.

Cô bật cười:

- Vậy con xin má cho đi tu đi. Tu rồi sẽ thành ông Phật như vậy.

Chú phụng phịu:

- Bữa hôm con có hỏi rồi, nhưng má hồng cho. Má nói con còn nhỏ, chùa hồng có chứa.

- Chứa chớ – Chợt thấy mình lỡ lời, cô dịu giọng – ờ, con cũng còn nhỏ, thôi đợi lớn lên chút nữa hen.

Cô xoa đầu chú, trong ánh mắt không giấu được một nét vui, kỳ vọng và tin tưởng.

---o0o---

Xuất gia

Bé có một người cô ruột, lớn hơn chú chừng mười tuổi. Cô là con gái được cưng nhất trong gia đình, nhưng quyết chí đi tu và xuất gia năm mười sáu tuổi. Có lần cô về thăm nhà, Bé nín áo cô kéo ra góc vườn hỏi nhỏ:

- Cô ơi, sao cô đi tu?

Cô cười hiền lành, nhỏ nhẹ kể cho Bé nghe:

- Hồi cô còn nhỏ, nhà bà nội hay được quý thầy cô ghé thăm. Máy thầy cô diêm đạm, nhân từ, dễ thương lắm! Cô nhìn thấy người tu sao mà thanh thoát quá. Tự dưng cô thấy ham đi tu, được mặc áo giống như quý cô...

Bé ngắt lời:

- Còn cạo đầu, bộ cô hồng thấy mắc cỡ sao?

Cô cười ngất:

- Có gì đâu mắc cỡ, đội cái khăn lên cũng đẹp vậy. Ủa, mà sao cô hồng thấy cạo đầu là xấu đầu ghen, ai nói xấu chớ cô đâu có thấy xấu! Máy người bạn cũ của cô cứ nghĩ chắc là cô thất tình hay chán đời, bất bình gì đó nên mới đi tu...

Rồi dường như có điều gì bức xúc, cô nói luôn một thôi một hỏi: Người đời như con cá lìm kìm trong mương trong rạch, nước chảy liu riu, sóng xô nhỏ xíu, làm sao biết được con sông cái lớn rộng cỡ nào, sóng dậy ra sao? Cứ tưởng tất thấy nước trên đời chỉ có bi nhiêu, sóng chỉ lô nhô chừng ấy, lấy da tiểu nhân đo lòng quân tử, làm như chùa là nơi để trốn chớ không biết đó là chốn quay về.... - Cô chợt bật cười - ý quên, cô hơi bực mình nên nói tùm lum, nói vậy làm sao con hiểu nổi! Thôi, mai một nếu đủ phước duyên, con đi tu thì tới lúc đó con sẽ hiểu liền.

Bé không hiểu thiệt, chú chỉ quan tâm đến điều khác, nên hỏi tiếp:

- Cô đi tu, nội hồng có la cô hả?

Cô lắc đầu cười rất thanh thoi:

- Nội chịu cho cô đi tu lắm. Nội nói có chồng có con khổ lắm, đi tu là nhẹ nhàng.

Bé xịu mặt:

- Vậy mà ba với má con hồng cho con đi tu.

- Con có xin chưa?

- Dạ có. Thầy Thiện Thọ về xin con hai lần rồi mà ba má hồng cho. Ba nói mới có con là con trai đầu lòng, là anh hai lớn nhất trong nhà. Má thì nói con còn nhỏ, đi xa nhà tội nghiệp. Mấy anh An, Hiền, Phước, Đức... thầy cũng dất đi hỏi bằng con bây giờ chớ nhiều. Mỗi lần thầy dất mấy ảnh về thăm nhà, con càng nôn muốn đi theo. Cô biết hông, con có hỏi nhỏ mấy ảnh: “đi tu ở trên có vui không?” Mấy ảnh nói là vui lắm. Thầy dạy chữ nho vẽ ngộ lắm, dễ ẹc hà, không phải như tiếng Pháp mà mấy anh lớp nhứt trường con học đâu.

Cô im lặng, sau đó không biết có nói gì với ba má không, nhưng đến lần thứ ba, khi thầy Thiện Thọ về, thầy lại qua nhà xin ba thì ba đồng ý.

Thầy Thiện Thọ là trụ trì chùa Phước Lâm ở Tân Uyên – Biên Hòa. Thầy có bà con xa với ba. Thịnh thoảng thầy về thăm người anh ruột ở nhà kế bên. Trong xóm, thầy đã dẫn đi tu hết sáu đứa cũng cỡ bằng tuổi Bé.

Vậy là đi. Bữa đó hình như má khóc nhiều lắm. Đêm, má ôm Bé ngủ, dặn dò đủ thứ, chú âm ừ cho qua chớ nào có nhớ gì, lòng mãi nghĩ nôn nóng về chuyến đi. Ba cũng vậy, hình như suốt đêm ông không ngủ, đi tới đi lui đốt nhang trên bàn Phật hoài. Thầy không cho tiền, má đứng ở cửa khóc, còn ba đưa theo được có đoạn đường, tới chùa Hải Huệ là thầy biểu ba về. Lên tới xe rồi, ngồi lúc lâu bên thầy tự nhiên Bé bỗng thấy nhớ nhớ... Tự dưng muốn khóc gì đâu! Hình như thầy thấy được tâm trạng chú nên kéo chú ngồi lại gần hơn rồi dỗ:

- Con đừng sợ. Đi tu với thầy, thầy thương lắm. Mai một nhớ nhà thì thầy đưa về thăm, có gì đâu!

Chú ngoan ngoãn ngồi nép vô thầy. Xe chạy, cảnh vật mới mẻ hai bên đường thu hút chú, chú mãi lo nhìn ngắm và tạm quên...

Chùa Phước Lâm là một ngôi chùa nhỏ do Hội Phật học Nam Việt xây cất. Chùa nằm trong xóm Uyên Hưng, thuộc chiến khu Đ, Biên Hòa. Ngôi chùa nhỏ nằm trong một khu dân cư thưa thớt. Quanh chùa trồng nhiều bưởi, chuối. Đất rộng nhưng thiếu người chăm sóc trồng trọt nên quang cảnh khá hoang sơ. Lần đầu tiên bước chân vào một ngôi chùa mà mình rồi sẽ được ở lại đây luôn, Bé vô cùng ngỡ ngàng. Thầy dẫn chú vô chánh điện lạy Phật, lạy Tổ rồi gọi hết mấy chú trong chùa ra giới thiệu:

- Đây là các huynh đệ của con. Từ nay thầy đặt cho con pháp húy là Nhật Bé, pháp hiệu Chơn Thanh...

Hầu hết là mấy anh em đã quen nhau. Sư huynh Chơn An, Chơn Hiền, mấy chú đồng trang lứa: Chơn Hòa, Chơn Hợp, Chơn Phước, Chơn Đức và hai chú nhỏ hơn Chơn Đạt, Chơn Tâm đều là bà con họ hàng hoặc người trong xóm nên Bé cũng bớt lo lắng lạ lẫm. Sư huynh Chơn An dẫn Bé đi tắm rửa và các chú xúm lại chia quần áo cho Bé mặc tạm thời trước khi may áo mới. Lần đầu tiên khoác lên mình cái áo đà của nhà chùa, Bé cứ thấy ngớ ngẩn làm sao. Cảm giác nô nức gần giống như lúc mặc áo mới ngày tết, nhưng hình như nó còn thiêng liêng, quan trọng và đặc biệt hơn nhiều.

Buổi tối, lên chánh điện tụng kinh. Vẫn những bài kinh chú đã thuộc, đã tụng cùng ba ở nhà hoặc những ngày rằm, mừng một lên chùa Hải Huệ tụng cùng quý cô, nhưng sao buổi tụng kinh hôm nay Bé thấy long trọng quá. Chắc vì chú tự cảm thấy mình đã được đứng vào hàng ngũ người tu thiết rồi.

Đêm ấy, đêm đầu tiên xa nhà, nằm giữa các huynh đệ trên bộ ván, nghe tiếng dế kêu, tiếng ào ào của gió bên ngoài... Bé nhớ nhà vô kể. Hình như tiếng gió ở đây cũng khác với gió ở nhà, mọi âm thanh đều khác. Bé bắt đầu thấy nhớ ba, nhớ má, nhớ em... Không biết giờ này ở nhà má có thức nhớ Bé không? Ba tụng kinh một mình chắc là buồn lắm? Bé thấy nước mắt chảy ra nóng hổi. Chú nằm quay mặt vô vách, thút thít khóc. Lát sau, lỗ mũi nghẹt cứng một bên, chú trở mình quay ra thì thấy thầy đang đi rón rén về phía cái đèn dầu trên bàn, vịn to lên rồi bước lại ghé sát mặt vào mùng của chú. Chắc thầy xem coi chú đã ngủ chưa. Chú nằm im nhắm hi hí mắt, cố thở đều đặn. Thầy đứng nhìn hồi lâu rồi đi ra, không quên vịn nhỏ ngọn đèn như cũ. Chú cũng thiếp ngủ đi lúc nào không biết.

Thầy chọn ngày tổ chức lễ xuất gia cho các chú. Hôm ấy có mấy thầy lớn và một số Phật tử của chùa. Gia đình các chú đều ở xa, thời buổi chiến tranh đi lại khó khăn nên không ba má đưa nào đến tham dự được. Chùa được bày trí nghiêm trang. Thầy dẫn các chú đến quì trước bàn Tổ, nguyền hương, lễ lạy rồi ra chánh điện tụng kinh, làm lễ xuất gia. Trước bàn Tổ thầy hỏi từng chú:

- Vì sao con xuất gia?

Dù đã suy nghĩ để trả lời từ trước, nhưng chú nào cũng lúng túng bạch thầy với giọng run run vì không khí trang nghiêm, long trọng. Sau vài lời huấn thị, thầy bắt đầu cạo tóc cho từng đứa:

Hủy hình thủ chí tiết
Cắt ái từ sở thân
Xuất gia hoàng thánh đạo
Thệ độ nhất thiết thân

Và tất cả các huynh đệ đều tụng đọc:

Thệ trừ tu phát
Đương nguyện chúng sanh
Viễn ly phiền não

---o0o---

Phần 2 - Chú điệu chùa Phước Lâm

Bắt đầu đi vào nề nếp sinh hoạt của chùa. Buổi sớm, hết mấy thầy trò thức dậy công phu rồi tập thể dục. Hôm nào cũng vậy, dầu không cần áo lễ tươm tất, cứ quần áo tập thể dục như vậy, cả chùa đều phải lên chánh điện chấp tay đọc lời phát nguyện rất nghiêm trang: Nguyện trọn đời hiến thân cho Đạo để phục vụ Chánh Pháp, phục vụ chúng sanh. Chỗ nào Chánh Pháp cần, con đến; chỗ nào chúng sanh cần, con đi. Chẳng kể gian lao, chẳng nề khó nhọc

.... Sau đó các chú đi bộ đến trường làng để học. Buổi chiều ở chùa thầy dạy. Sợ nhất là môn học Huấn Mông, mỗi ngày học từ ba đến bảy chữ tùy theo đũa học trước học sau. Mỗi tuần thầy đều bắt viết lại để kiểm tra, cứ sai một chữ là bị phạt một roi. Cây roi mà sư huynh Chơn An đặt tên là Đả Thần Tiên hầu như không tuần nào là không “viếng thăm” mấy cái mông các chú.

Mỗi khi thầy đi vắng là cả đám điệu được nghỉ buổi học Hán văn, tha hồ vui chơi tự do, thoải mái. Hôm nay trời mưa, không ra ngoài chạy giỡn được, không biết làm gì, mấy chú tụ tập lại chơi trò vật tay, chơi ăn gian rồi cãi nhau ỏm tỏi. Sư huynh Chơn An đang nằm học kinh, thấy vậy bèn gọi:

- Đũa nào nghe kể chuyện Tề Thiên hông?

- N..g..h..e..! – Cả đám reo lên mừng rỡ, chạy ào lại, xô vào người sư huynh. Chơn An bật dậy, dàn xếp đám nhôn nháo:

- Ngồi im đàng hoàng, huynh kể. Bữa hôm tới đâu rồi?

- Tới chỗ Tề Thiên khoe cái áo cà sa với Kim Trì trưởng lão...

- Ừa, Lão viện chủ thấy áo quý quá bèn sanh tâm chiếm đoạt. Lão mượn áo cất đi rồi sai đệ tử trong chùa nửa đêm chắt củi đốt phòng thầy trò Đường Tăng. Tề Thiên thấy những người này dã tâm ác quá nên tương kế tựu kế, bày trò gậy ông đập lưng ông, bèn đăng vân lên trời mượn cái tháp chắn lửa, đem về che một mình thầy Tam Tạng lại, còn thì để cho đám người kia đốt phòng chơi, cháy một phòng chưa đã, Tề Thiên liếng khí thổi thêm gió phù phù... cho lửa cháy lan hết cả chùa. Lửa cháy phùng phùng không dập tắt nổi, lão viện chủ và đám đệ tử chạy quần đít!

- Ha ... ha... Đáng đời! Cháy cho chết mấy lão tham lam, ăn cắp...ha.. ha...

Cả đám nhảy lên cồng cồng, reo hò vật nhau ngã lăn lóc. Bổng Chơn Phước nói lớn:

- Hay mình chơi trò đóng giả Tề Thiên đi.

Cả đám nhao nhao:

- Phải rồi, phải rồi, chơi đi...

Vậy là phân công: Chơn Đức làm Tề Thiên, Chơn Hòa làm Trư Bát Giới, Chơn Hậu làm Sa Tăng, và Chơn Thanh làm Tam Tạng, còn Chơn Nghĩa làm con ngựa. Con ngựa lấy bốn cái miếng vùa, xỏ lỗ cột vô tay chân làm móng. Ngựa Chơn Nghĩa bò bằng miếng vùa nghe lộp cộp, cồng “Đường Tăng” Chơn Thanh trên lưng. Ngựa ngẫu hứng hát thầy văng ngã lăn cù, cả bọn cười ầm ĩ rồi la hét rân trời! “Đạo diễn” Chơn An mệt hết hơi vì đám diễn viên phá bĩnh cứ diễn những trò không có trong “kịch bản”.

Sư huynh Chơn An đi học, những ngày nghỉ huynh thường về chùa thăm thầy. Huynh có rất nhiều chuyện để kể. Có lần huynh kể chuyện Thạch Sùng. Huynh kể hay đến nỗi cả đám đều thấy ghét Thạch Sùng, ghét đến mức nảy ra “sáng kiến”: diệt thần lằn! Vậy là cả bọn lấy dây thun đi tìm thần lằn mà bắn. Tội nghiệp mấy chú thần lằn trong chùa hôm ấy gặp phải nạn kiếp, lớn nhỏ cả bầy - dù thần lằn xám ở nhà bếp hay thần lằn vàng trên chánh điện - đều bị sẵn lòng ráo riết. Hầu hết từ bị thương đến ngắc ngoải, đuôi không rụng thì cũng móp mỏ, oằn lưng... Hôm đó, thầy gọi cả đám vào phòng, bắt đứng thành hai hàng rồi nói:

- Các con bắn giỏi quá ha?

Thầy tréo hai tay sau lưng, đi tới đi lui trước hai hàng “tội phạm”, gương mặt thầy có vẽ “bí hiểm” làm sao! Cả đám nghe thầy “khen” mà tim đập thành thịch! Thầy dừng lại trước mặt từng đứa, hỏi:

- Con bắn trúng ở chỗ nào?

Mỗi đứa lần lượt trả lời, đứa bắn trúng đầu, đứa bắn trúng cổ, trúng lưng, trúng đuôi.v.v... Sau đó thầy bảo cả đám cởi hết quần áo ra, đứng áp vô tường ôm cột như con thần thần, rồi bắt từng đứa thay phiên nhau, đứa này lấy thun bắn đứa kia ba chục cái thật mạnh vào đúng vị trí mà đứa đó đã bắn trúng thần lằn. Phải kéo căng sợi thun, bắn hết ga kêu cái bụp vào người đau điếng nhảy dựng mới kể, bắn nhẹ là không tính, đếm lại. Chơn Thanh thua

với thầy là chỉ bắn dọa chứ không bắn trúng. Thầy bảo chú khỏi quay mặt vô tường mà quay mặt ra, đứng nhìn cảnh các bạn chịu hình phạt, xong rồi thầy đích thân cầm cọng thun đi lại kê ngắm thẳng vào mũi chú, nhưng bắn cái chóc vào vách tường sát bên lỗ tai. Này giờ nhìn “thảm cảnh” rùng rợn, chú đã sợ thất kinh hồn vía, mồ hôi chảy ròng ròng, da gà da vịt nổi cứng cả người, giờ tới lượt mình, nghe tiếng dây thun xé gió nả cái chát vô tường, chú điếng hồn nhắm mắt lại khóc thét! Thầy ngừng tay hỏi:

- Không trúng mà sao khóc?

- Dạ... con sợ... - chú mếu máo.

- Sợ nhiều không?

- Dạ... sợ dữ lắm! Sợ dữ lắm thầy ơi... - giọng chú run lập bập lúu cả lưỡi.

- Con sợ sao thì thần lẫn nó cũng sợ vậy. Mai một còn bắn thần lẫn nữa thôi?

- Dạ thôi, dạ thôi, con hông dám vậy nữa! – Chú nức nở.

Cả đám đỏ cả lưng, sung cả đít, đầu cổ bông rớt, không dám khóc lớn, dất nhau lủi thủi theo sư huynh Chơn Hiền đi xúc dầu vô chỗ bị bắn. Sư huynh vừa xúc dầu cho cả đám vừa khịt khịt mũi cố kềm cái sống mũi cay cay...! Lúc mặc áo cho Chơn Thanh, thấy áo chú bị rách một lỗ, huynh đi lấy kim chỉ ra vá lại cho chú rồi mới mặc vào. Vỗ về cả đám:

- Mai một đừng chơi đại vậy nữa nghen!

Mà nào có “đừng” được. Vài hôm sau thầy đi vắng, cả đám lại bài ra trò đi đào đế đá. Trận đó lại cũng bị thầy phạt kiểu như trước, mấy cái đầu trọc sung vù vì phải làm đế đá nhau!

Ở Phước Lâm, vui nhất là ngày có ba ở quê lên thăm. Ba đi với chú sáu - ba của Chơn Đạt. Thời chiến tranh, đường xá lại xa xôi, từ quê lên phải đi mấy chặng xe. Hai người cha xách lên nào bắp, nào khoai, nào bánh tét nhưn chuối.v.v... Cầm đòn bánh tét do má gói, chú bật khóc. Má thương chú nhiều lắm, lần nào cũng đòi đi, nhưng nhà không thể đi hai người vì sợ tốn tiền xe. Má đành dùm, gói ghém tất cả những món gì chú thích, gởi theo ba kèm những giọt nước mắt. Có lần má lên thăm, hỏi chú có bị thầy đánh đòn không, chú nói có. Nghe con trả lời một cách nhẹ nhàng mà lòng má đau

thất, nước mắt tự nhiên tuôn ra không lau kịp! Chú hoảng hồn, không ngờ là má lại khóc dữ như vậy. Chuyện bị đòn ở đây là thường. Chơn Đức đứng gần đó, thấy má chú khóc, bật nói: “ Ở đây đứa nào không bị đòn mà thím khóc? Đứa nào hồng bị đòn là thành Phật rồi! ”. Chơn Đức kéo má lại nói nhỏ: “Đó thím ở đây quần áo tui con rách chỗ nào trước?” Má lắc đầu, Chơn Đức nói: “ Rách đít! Bị roi cạp liền liền, mau rách lắm!”. Má bật cười, lau nước mắt và kéo Chơn Đức vào lòng, định giở lên coi thử, nhưng Chơn Đức vùng chạy trốn, để lại một tràng cười ngất: “Bộ thím tính đi tìm kho báu hả? Cái mộng của con là cái bản đồ kho báu quý lắm, bí hiểm vô cùng, đường dọc đường ngang rồi còn hơn ổ tám chục đời con nhện nữa đó!”... Nói xong, chú thoát cái tót lên ngọn cây bưởi. Chơn Thanh an ủi má: “Chú Đức phá trời thần, lại làm biếng học nên mới bị đòn nhiều, con ít bị đòn lắm, má đừng lo cho con”. Nghe chú nói vậy, má mới yên bụng.

Ba lên thăm ở chơi đôi ba ngày, những ngày ấy chú càng cố gắng học thật tốt, thật ngoan để không bị sư phụ nhắc nhở. Chú sung sướng nhất là lúc ba hỏi thăm về chú, thầy gật gù đầu: “nó cũng được...” Chỉ bấy nhiêu lời thôi mà chú hãnh diện lắm, chú nghĩ mình đã làm cho ba vui. Chú đem những quyển tập học ra cho ba coi, toàn những điểm và lời phê tốt. Ba vỗ vỗ vào lưng chú, rồi ôm lấy chú, nói: “Con rắng học giỏi, ở tu với thầy, đừng có quậy, bị đòn đau lắm ghen con...”. Nói là nói vậy chứ ba thừa biết là chú rất ngoan hiền. Ở nhà ba má chưa từng bao giờ đánh chú một roi. Tan học ở trường là chú chạy thật nhanh về để có thời gian ở bên ba nhiều nhiều một chút. Thà không lên thăm thì còn nhớ ít, ba lên thăm về rồi là mấy ngày sau chú còn ngẩn ngơ. Đưa ba ra bến xe lam về quê, chú đứng nhìn theo cho đến khi đám bụi khói sau xe tan hết mà nước mắt vẫn còn rớt. Vậy mà khi về chùa, sư huynh Chơn Hiền hỏi nhỏ: “Có muốn theo ba về quê, nghỉ tu luôn hông?” thì chú đáp: “Em nhớ má nhớ ba lắm, nhưng em nói là em theo thầy tu rồi, dù gì đi nữa cũng không bỏ tu mà về.” Chơn Hiền cười, vuốt đầu chú và nói: “Giỏi! Nhớ vậy ghen”. Rồi hai huynh đệ ngoéo tay, cười toe toét. Không hiểu từ lúc nào thầy đã đứng bên cánh cửa, nhìn ra thấy cảnh đó, chắc thầy cũng đoán được anh em chú thì thảo với nhau điều gì. Gương mặt thầy xúc động và lộ rõ sự hài lòng. Thấy chú quay qua bắt gặp, thầy im lặng đi vào phòng. Nhìn theo dáng thầy, không hiểu sao trong lòng chú trỗi lên một niềm thương kính kỳ lạ. Chú nghĩ bụng: không bao giờ chú bỏ thầy.

Năm 1964, học xong chương trình gia giáo, tinh thông hai thời công phu và bốn quyển Luật bằng chữ Hán, thầy quyết định đưa chú xuống học lớp Sơ đẳng Phật học ở chùa Phổ Quang. Những ngày hành điệu ở Phước Lâm đã qua, lưu lại trong chú biết bao là kỷ niệm. Làm sao quên được những đêm

gần tết nhớ nhà “khóc phong trào”, một đứa thút thít là cả dãy sùi sụt. Có lần, sau một trận khóc tập thể, đám trẻ ngủ say vui, đạp rớt cả Chơn Đạt – chú nhỏ nhất – xuống đất, Chơn Đạt lồm cồm bò lên, bộ ván cao, vừa té đau giật mình nên cứ leo lên rớt xuống, chú bật khóc hu hu... cả đám thức giấc, nghe tiếng lại tưởng là có... khóc đợt hai, bèn hưởng ứng (!). Lần này vì người khởi xướng khóc hơi lớn nên dàn đồng ca cũng theo đà nâng cao âm lượng, sư huynh Chơn Hiền từ bộ ván bên kia giật mình thức giấc, hỏi: “Chuyện gì vậy?” Chơn Đạt bệu bạo: “Mấy anh đạp con té xuống đất đau quá sư huynh ơi!” Cả đám vỡ lẽ, nín khóc, lại quay qua rúc rích cười!...

Rồi những ngày học bài chưa thuộc, ham chơi, bị thầy đánh đòn. Cây đũa thần tiên của thầy sao mà nó đau chết điếng! Những buổi tụng kinh lễ Phật lắng vào tiềm thức, thành thói quen. Mái chùa Phước Lâm trở nên thân thuộc, đi vào ký ức tuổi thơ của chú còn đậm nét hơn cả ngôi nhà nơi chú sinh ra. Hình ảnh vị thầy lưu dấu rất rõ trong tâm tưởng. Thầy đã cho chú những bài học quý giá nhất mà sau này đi xa, lớn lên, thu nhận đặng từ rồi chú mới hiểu được hết.

---o0o---

Bổn sư Thiện Thọ

Thầy là người quê Đồng Tháp. Xuất gia năm bảy tuổi. Người dong dong cao, gầy gò, gương mặt nghiêm trang, cương nghị. Thầy chủ trương tu đệ tử là những chú nhỏ cùng quê để dễ hiểu tính tình, dễ thông cảm, dạy dỗ. Thầy dạy đệ tử rất nghiêm. Từng cách đi dáng đứng, từng cử chỉ oai nghi đều được thầy chi li giảng giải và áp dụng thực hành nghiêm nhặt, sai là phạt không nương tay. Thầy dạy kỹ càng từ việc nhỏ đến việc lớn, từng động tác tụng kinh, gõ mõ: khi đánh mõ lắc tay ra sao cho tiếng kêu chắc gọn, dứt khoát; đánh chuông thế nào cho tiếng ngân vang xa mà chuông không bị lắc lư. Ở tuổi ăn tuổi ngủ, tuổi hồn nhiên vô tư, các chú điệu đánh mõ mà để mõ “đi” khỏi tầm tay, dùi gõ xuống nền gạch là chuyện bình thường; chuông nhỏ nhỏ thì đánh lật cả chuông là chuyện không lạ. Thầy thường đem những trường hợp như vậy ra “rao” trước, ai phạm phải sẽ bị hình phạt như thế nào. Bao giờ cũng vậy, khi dạy đệ tử, thầy luôn dẫn chứng những tình huống có thể xảy ra để học trò biết và tránh trước. Cách dạy dỗ của thầy sâu sát chi li, thực tế. Thầy không quản khó nhọc. Có lần, thầy gặp người, chịu cho muỗi cắn, núp cả dưới gâm bệ Phật nghe đệ tử tụng kinh, để xem khi không có mặt thầy, các đệ tử có đọc tụng rõ ràng không. Thầy lắng nghe rất kỹ, ai đọc sai, đọc lệch, đọc lướt một chữ là thầy đều biết. Sau buổi tụng kinh, ai phát

âm không chính xác từ nào, thầy bắt đứng đọc lại hoài mỗi chữ năm phút. Thầy rất thẳng tính, nghiêm khắc. Sai đâu là sửa đó liền, không cho qua, dễ dãi. Ở chùa, ngày thường thầy không để phật tử vào chùa nấu cơm. Mấy chú thay nhau làm trị nhật. Khi mấy chú bận học, thầy đích thân xuống bếp nấu cho cả chùa ăn. Đối với mấy chú điếu, thầy phân công một chú phụ trách ghi chép báo cáo tất cả những “hoạt động” của các “tiểu hòa thượng”. Người ghi báo cáo mà ghi không đủ, giấu diếm là bị phạt nặng. Ghi người, không ghi mình bị phạt còn nặng hơn. Chơn Hậu là người được thầy chỉ định cho công việc ghi chép báo cáo. Dẫu rất sợ thầy, sợ bị phạt nhưng lứa tuổi mà ngoài đời gọi là “nhất quỷ nhì ma...” thì có hình phạt nào ngăn cản được dài lâu những trò tinh nghịch. Chơn Hậu không hề vì “địa vị” của mình mà kém nhiệt tình với các trò chơi, chú cũng bày trò không kém ai. Do vậy, đôi khi ghi chép cũng biết “châm chước”, biết “quên” những chi tiết không nhớ xuê. Vì thế nên thầy “anh minh” phái thêm một “đạo hữu” ngoài chùa, đó là thằng bé Quân trong xóm. Tên điệp viên này rất lợi hại. Sau một trò chơi có nó tham gia, nếu nó hài lòng thì thôi, nếu các chú ý đông, phe nhà...chùa có ăn gian chút đỉnh thì y như rằng sau khi “tòa” xử, nó còn khiếu kiện bổ sung. Không bao giờ thầy thưởng kẹo bánh cho nó ngay sau khi nó méc, sau đó vài ngày thầy mới kêu nó lại cho. Thầy làm như vậy là có chủ ý, thầy không thưởng cho nó vì chuyện mách lẻo, mà “trả lương” cho nó vì công tác làm gián điệp. Thầy không dạy dỗ ra miệng, nhưng trong mỗi hành xử, thầy đều có hàm ý giáo dục. Cách mách lẻo của thằng Quân cũng rất đặc biệt. Thường là nó lượm khi thầy đang nằm trên võng, nó mon men lại nằm phía dưới bộ ván, đưa võng nhẹ nhẹ cho thầy. Cái bàn tay nhem nhuốc đất cát của nó ban đầu thì nắm đầu võng chỗ chân thầy, sau vài lượt đưa, bàn tay nó lần lần nắm xuống gần chân thầy hơn, cho đến khi đụng chân thầy thì nó khều nhẹ nhẹ vào ngón cái rồi bắt đầu ngồi dậy nói, bao giờ cũng điệp khúc câu hỏi lung khởi mào đầu: “Thầy, thầy biết... tại sao... ai... cái đó?...” Những chi tiết bổ sung của nó đều được thầy thẩm tra và ghi vào cáo trạng, lần sau tái phạm là giờ “tiền án” ra mà nghị tội cộng thêm vô. Có lần, sau khi sư huynh Chơn An kể chuyện Tề Thiên, như thường lệ, cả đám liền tổ chức một phái đoàn đi thỉnh kinh. Chơn Đạt và Chơn Tâm nhỏ nhứt đám, lần nào cả đám bày trò chơi thì hai chú cũng bị phân công canh gác, thấy thầy về tới là báo động. Cũng có hôm Chơn Thanh tự nguyện gát thay để hai chú nhỏ có dịp được chơi. Hôm ấy hai chú “biểu tình” đòi chơi, nhưng không ai chịu ra gác thay, Chơn Thanh mắc làm Tam Tạng, không thể đi gác thay cho hai chú. Vai Tam tạng không ai đóng được vì tiêu chuẩn “tư cách đạo đức” gát gao, chỉ có Chơn Thanh là được mọi người tạm hài lòng đồng ý cho làm Tam Tạng bởi tính tình chú rất nhu hòa, hiền lành, lại thông minh học giỏi, không bao giờ gây gổ bạn bè. Chú lại là người đạt danh hiệu người

có thân hình “sạch sẽ” nhất (ít có lằn roi dọc roi ngang) nên đóng Tam Tạng là oai nghi nhất. Hôm đó Chơn Đạt và Chơn Tâm phụng phịu ra gác, hai chú tức mình, tự đóng làm yêu quái với Tề Thiên. Tề Thiên rượt yêu quái chạy xa tuốt trong xóm, quên luôn nhiệm vụ canh gác. Thầy về, không ai báo động, cả đám vẫn hát không kịp, bị bắt tại trận đang như đám giặc chòm inh ỏi cả chùa. Thế là thiết bãng của Tề Thiên quay lại đánh luôn cả Tề Thiên. “Hậu Tây Du” kết thúc, cả đoàn đi Tây Trúc - dù xuất thân Đại Đường nhưng đều trở thành “Đại Mông” (sung đít) hết! Vậy mà thằng Quân còn chưa hả dạ, mấy lần trước chơi trò này nó luôn bị phân vai đóng tiểu yêu, ma quỷ, đối tượng để Tề Thiên đánh đám tha hồ. Đôi khi nó “bức xúc” quá, nổi loạn xin đổi vai đóng làm Tam Tạng, được cõng ngựa một chút, nhưng mấy chú các cố bảo nó phải cạo đầu thì mới cho làm. Nó ức lắm, ôm mối căm hờn nhưng không thể méc thầy vì nó vẫn muốn duy trì trò chơi, dầu toàn bị đóng vai chịu đòn nhưng ít ra thỉnh thoảng cũng phản công ngoài lề được vài cái, đỡ hơn lộ ra, thầy không cho chơi nữa thì cũng buồn. Lần này lộ rồi, nó thả giàn luôn, chuyện này cho thầy quánh cả đám một trận “tóc xả mê đồ” luôn! Nó chờ thầy lên nằm trên võng, liền bắt đầu điệp khúc:

- Thầy, thầy... thầy có thấy cái Y của thầy bị dơ không?

- Đâu? Sao vậy? – thầy bật ngồi dậy hỏi.

Hỏi này... - thằng Quân nhìn trước nhìn sau, chợt nó thấy sư huynh Chơn An vừa bung thuốc vô cho thầy, nó khôn ngoan lấp liếm, nói lớn: - Hỏi này sư huynh có la rồi, chú Chơn Hậu đem vô trả lại mà làm rớt xuống đất, chỗ gần lu nước nên bị dơ...

Sư huynh Chơn An nghe vậy, vội nói đỡ:

- Dạ, thưa thầy, hỏi này mấy chú có lấy Y của thầy ra để làm cà sa cho Tam Tạng, nhưng vừa lấy ra, con thấy, đã rầy mấy chú rồi, Mấy chú sợ lắm, đem vô trả lại nhưng lỡ tay làm rớt nên bị dơ chút xíu, con định lát nữa sẽ đem giặt...

Thầy nóng nảy quát:

- Hết biết tụi con rồi! Dám đem Y của thầy ra mà chơi. Kêu hết mấy đứa vô đây!

Chơn An quay qua liếc thằng Quân, nó lấm lét tụt xuống khỏi bộ ván chạy ù về nhà. Mấy lần trước, sau khi báo cáo thành tích gián điệp, nó thường được

thầy nhìn và gật đầu: “ừ,ừa...” rồi biểu nó đi chơi đi, vậy thôi, thầy ghi sổ đó, lần sau mới cộng tội. Thầy rất khéo trong việc “dùng người”, thầy biết tánh trẻ con mau quên, thầy không muốn cho nó cũng như cả mấy chú thầy được “hậu quả” của việc nó mách lẻo, để không ai giận nó, nhờ vậy nên nó mới còn cơ hội chơi chung với “quân ta” mà tiếp tục hành nghề. Thế mà không hiểu sao lần này thầy giận dữ vậy. Nó hối hận quá, vừa chạy vừa lo.

- Thầy ơi, thầy uống thuốc đi rồi hãy nói...

Chơn An bung chén thuốc Bắc lên, hai tay đưa cho thầy. Thầy bị bệnh tim và bệnh gan nên tính dễ xúc động và nóng nảy. Biết là chuyện nghiêm trọng nên Chơn An lo lắng, sợ mấy chú nhỏ lại bị đòn nặng.

- Các con nghe cho kỹ đây – Thầy bắt đầu nói khi cả đám xếp hàng quì gối vòng tay trước mặt thầy – Y Hậu không phải là cái có thể đem ra chơi được. Y Hậu là vật góp phần làm nên oai nghi của một thầy tu. Chỉ được đập y khi hành lễ trước Phật, trước Bồ Tát. Tăng chúng đi đâu xa chùa qua đêm phải đem theo Y Hậu, đó là vật rất quan trọng trong đời sống Tăng Già....

Thầy nói nhiều, nhiều lắm nhưng các chú không thể nhớ hết, chỉ lơ mơ hiểu rằng đó là điều rất quan trọng. Tự dưng chưa bị đánh mà theo từng lời nói của thầy, cả đám cùng khóc hết. Có lẽ nhìn những gương mặt non nớt đang tỏ ra lo sợ, hối hận thực sự, dù chưa hiểu hết nhưng cũng ý thức được lỗi lầm của mình, thầy cảm thấy nguôi giận. Cả đám được tha sau khi lên chánh điện lễ lạy sám hối thành khẩn.

Thầy là vậy. Rất nghiêm khắc nhưng tất cả cũng vì muốn đệ tử trưởng thành, Mỗi lần sau khi mấy chú bị đòn đau, thầy thường cho kẹo bánh, hoặc đích thân xuống bếp nấu nướng, làm bánh cho cả chùa ăn. Thương yêu nhưng không nuông chiều, Phương pháp dạy dỗ của thầy có phần hơi nặng nhưng thầy nói: làm người tu phải kinh qua gian khổ, phải tập tính kiên nhẫn, chịu đựng. Cũng như con cá chép, muốn vượt vũ môn hóa rồng phải qua bao gian nan, thân thể gầy ốm nhưng chắc khỏe mới tung mình nhảy nổi, con cá mập mập lừ đừ nuôi trong chậu cảnh không thể làm nào làm được việc gì! Cả chùa đưa nào đưa này ôm nhóm, mỗi lần chuẩn bị dẫn các chú về thăm gia đình là trước đó cả tháng thầy mua thuốc “Đại bổ ngũ tạng tinh” của nhà thuốc La Vạn Linh cho cả đàn nhóc uống, “tân trang” chu đáo trước khi cho về. Sắp về thăm nhà, đưa nào cũng cố gắng ngoan, không dám nghịch phá, vì hễ phá, bị phạt đánh đòn có dấu roi là thầy không cho về, sợ người nhà thấy, xót ruột. Thầy nói: Người đời không thấu lẽ thiệt hơn, dễ nhìn hình

thức mà xét nội dung, thầy không lừa dối gia đình các con nhưng các con muốn trở thành một thầy tu tốt thì không thể giáo dục theo kiểu gia đình được. Đại chúng không thể hiểu như một đại gia đình. Đại gia đình tuy cùng chung tổ tiên giòng tộc, nhưng cái tôi được tôn trọng, mỗi người một chí hướng, một mục tiêu phấn đấu, quan niệm sống khác nhau. Đại chúng thì ngược lại: cái tôi phải biến mất, tất cả cùng chung một chí hướng, một mục tiêu tu hành, một cách sống như nhau. Đại gia đình một trăm người là một trăm người, không ai đại diện cho ai được. Đại chúng trăm người là một, một là một trăm. Tóm lại, hai từ “xuất gia” mang ý nghĩa vô cùng sâu xa là vậy. Không thể đem tiêu chuẩn dạy dỗ kiểu gia đình áp dụng vào nhà chùa được. Do vậy, các bậc cha mẹ thương con thiếu trí tuệ sẽ không hiểu được cách dạy dỗ của thầy, sẽ phiền trách, làm chao đảo tâm các con, vì thế, có những chuyện riêng tư ở chùa tuyệt đối không đưa nào được kể lại cho gia đình biết.

Thầy chuẩn bị, làm công tác tư tưởng và dặn dò kỹ lưỡng như thế mỗi lần đưa đệ tử về thăm nhà. Các chú cũng rất ngoan, rất quý thương thầy, và có lẽ trên hết là cái duyên với đạo khiến những cánh chim non nớt ấy vẫn chập chững bay lên cho đến ngày có thể sải cánh tự tin trên bầu trời cao rộng.

Khi các chú lớn lên, đi học ở chùa Phổ Quang, mỗi lần về thăm chùa, thăm bốn sư là thầy hỏi han rất kỹ việc học tập. Học đến đâu, học thế nào, học những gì? Có điều gì chưa rõ, trình kiến giải thầy nghe để kịp thời chỉnh lý. Rồi thầy đứng ra tổ chức những buổi thực tập diễn giảng cho mấy chú thực tập dạy thử, tổ chức rất chu đáo chớ không qua loa. Thầy quan tâm dõi theo từng bước trưởng thành của đệ tử, kịp thời uốn nắn ngay những biểu hiện sai lệch. Khích lệ, động viên, mở lối cho những ước mơ làm tốt đạo đẹp đời. Lúc còn nhỏ, thầy nghiêm khắc dạy dỗ cứng rắn là thế, nhưng khi lớn lên thầy lại nhẹ nhàng thân cận gần gũi, khiến đệ tử nào khi có vấn đề gì cũng tâm sự, giải trình với thầy. Thầy chia sẻ với đệ tử tất cả tâm nguyện của mình và đặt hết kỳ vọng vào đệ tử.

Sau này, khi thầy sắp tịch, thầy gọi tất cả đệ tử về. Dù thân mang trọng bệnh, thầy cũng ráng cho người diu ra chánh điện, để được tận mắt lần cuối nhìn thấy hàng đệ tử của mình Y Hậu nghiêm trang tụng kinh lễ Phật. Thầy khẽ nở nụ cười nhìn các đệ tử giờ đã trưởng thành. Thầy tin chắc rằng trong đội ngũ ấy, rồi sẽ có người không phụ công dạy dỗ của thầy, tiếp tục thay thầy hoằng dương chánh pháp.

Góc nhỏ Phổ Quang

Năm Chơn Thanh 15 tuổi, thầy cho chú và Chơn Hòa xuống học lớp Sơ Đẳng ở trường Phật học Phổ Quang.

Trường Sơ Đẳng Phật học Phổ Quang là cơ sở sinh hoạt của phái Lục Hòa Phật Tử Việt Nam, do sư ông Hải Tràng sáng lập. Mọi sinh hoạt ở đây đều được khép vào một qui củ rất nghiêm ngặt. Hôm sư phụ Thiện Thọ đưa Chơn Thanh và Chơn Hòa đến chùa, gặp thầy Thiện Thông - vị trụ trì kiêm giám viện, thầy Thiện Thông nhìn hai chú, mỉm cười, hỏi:

- Máy chú học thuộc hai đường công phu và bốn quyền luật Trường Hàng chưa?

Chơn Thanh lí nhí đáp:

- Dạ rồi!

Thầy bắt bí:

- Vậy nhập chúng đệ mấy?

Chơn Thanh nhìn sang Chơn Hòa, thấy bạn chưa có phản ứng gì, chú đáp luôn:

- Mô Phật, đệ tứ.

Thầy nhìn vào Chơn Thanh hỏi tiếp:

-Phàm tại xứ, thụy bắt tại nhân tiền, khởi bắt tại nhân hậu, máy chú hiểu không?

Chơn Thanh lễ phép:

-Mô Phật! Ở Phật học viện, ngủ không được trước người, dậy không được sau người...

Độc đáo ở chỗ chữ “phàm tại xứ” lẽ ra phải dịch là “phàm ở chốn này”, chú lại nói là “ở Phật học viện”, vừa phù hợp với bối cảnh, vừa tỏ ra hiểu ý thầy giám viện muốn răn dạy. Những điều này, khi còn ở Phước Lâm, máy chú được sư phụ dạy rất kỹ. Nhất là trước hôm lên đường, sư phụ còn dạy nhiều kinh nghiệm ở chúng. Ở chúng không đơn giản như ở chùa một thầy vài ba

trò sống với nhau. Ở chúng đòi hỏi mình phải tự ý thức nhiều hơn. Phải biết thức khuya, dậy sớm, chăm lo kinh kệ, học hành, sống sao cho vui lòng huynh đệ, phải biết học tập những cái hay, cái tốt của mọi người. Thầy còn chu đáo mời các vị thầy lớn về, tổ chức một đàn tràng thật trang nghiêm cho các chú được thọ phương trượng sa di giới trước khi rời chùa đi học để khỏi mặc cảm với huynh đệ rằng mình chỉ là một sa di đuổi quạ, và cũng để cho các chú ý thức được rằng mình đã lớn, xa thầy thì phải biết tự lực mà tu học. Bôn sư Thiện Thọ được mệnh danh là ông thầy giáo Tân Uyên nổi tiếng dạy học trò nghiêm cần.

Nghe Chơn Thanh trả lời suôn sẻ và thông minh, thầy giám viện mỉm cười tỏ vẻ hài lòng. Thầy với tay lấy cái linh (chuông nhỏ) để trên bàn rồi rung lên mấy cái. Hồi linh vang lên lanh lảnh, Chơn Thanh hiểu là thầy đang gọi chú thị giả vào. Lệ ở chùa, khi thầy trò chuyện, nhiều khi thị giả được phép ở lại vừa hầu nước, vừa nghe chuyện để học hỏi, nắm bắt công việc, nhưng cũng có lúc thị giả phải đi ra ngoài để giữ phép, đến khi nghe thầy rung linh thì mới chạy vào. Ở Phước Lâm, sư phụ Thiện Thọ cũng có một cái linh như thế. Mỗi khi sư phụ rung linh, thì y như rằng Chơn Hậu dù đang làm bất kỳ việc gì cũng để lại đó, ba chân bốn cẳng chạy vù lên phòng thầy.

Thị giả là một chú sa di còn khá trẻ, nhỉnh hơn Chơn Thanh độ ba, bốn tuổi, là thị giả của sư ông viện chủ, kiêm luôn việc hầu thầy giám viện, tên chú là Minh Huệ. Minh Huệ bận chiếc áo vạt hò màu lam sạch sẽ, dáng người dong dong cao và gương mặt trông rất lạnh lợi. Chú chấp tay khẽ cúi chào khách rồi cung kính đứng sau lưng thầy giám viện. Thầy dạy:

- Đây là thầy Thiện Thọ, đến xin cho hai chú nhỏ được nhập chúng để theo học lớp Sơ Đẳng Phật học. Chú đưa thầy lên gặp sư ông, luôn tiện để hai chú đánh lễ sư ông trước khi xuống đánh lễ đại chúng.

Minh Huệ cúi đầu xá thầy Thiện Thọ, thỉnh thầy đi trước, rồi nhường lối luôn cho Chơn Thanh và Chơn Hòa, chú đi sau cùng. Khi đi ngang qua con đường nhỏ có bờ râm bụi bên phải chánh điện, Minh Huệ bước lên ngang với Chơn Thanh, hỏi nhỏ: “Lúc nãy thầy giám viện có nói chỗ cho mấy chú nghỉ chưa?”. Chơn Thanh ngơ ngác lắc đầu, vì chú không biết rằng như vậy là thầy giám viện đã đồng ý cho hai chú nhập chúng. “Chắc là thầy quên đó, để lát nữa tui chỉ chỗ cho” - Minh Huệ thân thiện nói.

Ngôi thất nơi sư ông Hải Tràng ở gọn nhỏ. Đồ đạc lại có vẻ cũ kỹ nhưng ngăn nắp. Một cái đơn gỗ thấp, hai chiếc tủ kính, một cái bàn làm việc. Giữa

phòng là một tấm thảm màu xanh thẫm trải ngay ngắn trước bàn Phật, nơi sư ông vẫn thường xuyên lễ lạy. Khách đến ngồi trên tấm nệm mỏng đặt phía cửa sổ, bên chiếc bàn trà thấp. Sau khi các chú đánh lễ, sư ông dạy: “Mấy chú còn nhỏ, hãy ráng tu học, giữ gìn nội qui và phải sống cho hòa hợp chúng, nghe!”. Nói xong, sư ông đưa tay xoa đầu hai chú. Sư ông dáng người cao đậm từ hòa, gương mặt phúc hậu, bàn tay sư ông như có một sức ấm nóng lạ kỳ, lan tỏa khắp người.

Gởi chú xong, thầy ra về. Trước khi ra cổng, thầy dừng lại, đặt tay lên vai chú thị giả Minh Huệ và nói, giọng cảm động: “Chú Minh Huệ à! Chú ở đây trước, Chơn Thanh và Chơn Hòa mới đến, hai đứa có gì chưa biết, chú hoan hỷ chỉ vẽ giùm...”. Giọng thầy chân thành, xúc động. Hồi còn ở trên Tân Uyên, chú và Chơn Hòa hay sợ và tránh thầy, vậy mà lúc đó bỗng hai chú thấy lưu luyến, cứ luẩn quẩn bên thầy, sợ thầy đi mất! Chú theo sát chân thầy ra đến cổng, bất ngờ thầy quay qua ký lên đầu chú một cái, rồi nói:

- Thôi, ở lại ráng học nghe!

Thầy nắm hai vai quay chú trở vô, rồi vội vã bước nhanh. Chú lặng người xúc động trước cử chỉ ấy của thầy. Ngày còn bé, chưa bao giờ thầy xoa đầu chú, không có một cử chỉ thân thiện nào ngoài ánh mắt âu lo mỗi khi chú nóng sốt, bệnh yếu. Bây giờ chú lớn rồi, thầy lại ký đầu chú như một chú bé con. Dáng thầy đã đi khuất khúc quanh con đường mà chú còn đứng đó, nước mắt chảy lúc nào không hay! Chú nhớ mãi hình ảnh của thầy hôm ấy.

Phổ Quang - ngôi chùa mà chú mới đến ở không lớn lắm, nhưng khuôn viên khá rộng, ăn thông ra con đường Võ Di Nguy phía trước. Ở góc sân chùa có một cây bồ đề lớn, cành đơm chi chít những quả chín màu nâu sậm, chim chóc giành nhau kêu ríu rít suốt ngày, thỉnh thoảng lại rụng xuống một cái lá to có đuôi dài hơn những chiếc lá cây bình thường khác. Bên phải chánh điện là một con đường nhỏ với bờ râm bụi thâm thấp, được cắt xén cẩn thận. Đối diện bên kia con đường là ngôi thất có gác gỗ của sư ông viện chủ, bên này là cốc của thầy trụ trì. Dãy nhà Tăng nằm phía bên trái chánh điện. Nói là dãy nhưng kỳ thực đó chỉ là một căn phòng lớn kê mấy dãy đơn dài. Chơn Thanh và Chơn Hòa được phân ở tại căn phòng đó, nằm ngủ trên một cái bộ ngựa màu mun bóng nhẵn. Cái bộ ngựa cũng là nơi dành riêng cho hai chú để mớ đồ đạc ít ỏi của mình. Buổi tối, hai chú giảng chung một cái mùng, nhưng có riêng hai cái gối và hai cái mền. Phòng rộng, có đến mấy chục chú, gồm cả chúng thường trụ lẫn chúng học đường, tất cả cùng học chung lớp Sơ Đẳng.

Trong chúng học đường, tức những vị từ nơi khác đến học, Chơn Thanh quen được huynh Thiện Tri, gốc người Phú Yên, rất giỏi kinh, luật, luận và chữ Hán. Huynh Thiện Tri lớn hơn Chơn Thanh khoảng sáu, bảy tuổi nhưng chưa thọ Tỳ Kheo giới. Trong chúng thường trụ, Chơn Thanh thân với huynh Minh Huệ nhất. Trong thâm tâm, Minh Huệ cũng rất mến Chơn Thanh - chú sa di trắng trẻo, ốm và cao đến độ mấy huynh đệ trong chúng thường chọc là “Thanh cò”, được cái tuy mau miệng nhưng tính tình lại rất hiền hòa, không thích cãi cọ. Một lẽ nữa là sư phụ của Chơn Thanh đã có lời gửi gắm đệ tử của mình cho Minh Huệ nên mặc nhiên chú coi Chơn Thanh và Chơn Hòa là hai sư đệ. Minh Huệ là học tăng giỏi nhất chúng thường trụ, được sư ông và thầy giám viện thương, thành thử Minh Huệ cũng có uy với chúng. Có một điểm chung giữa bốn huynh đệ là tất cả đều giỏi chữ Hán và viết chữ Hán rất đẹp. Chữ Thiện Tri thì cứng cáp, chữ Minh Huệ bay bướm, chữ Chơn Hòa đều đặn, riêng chữ Chơn Thanh thì ốm ốm, cao cao và hơi nghiêng nghiêng trông giống hệt hình dạng của chú, nhìn vào ai cũng nhận ra ngay chữ của Thanh cò! Bộ ba Thiện Tri, Minh Huệ và Chơn Thanh, tuy tuổi tác ba người cách biệt, nhưng cả ba lại thân thiết, coi nhau như huynh đệ.

Những tháng ngày tại Phổ Quang cứ thế lặng lẽ trôi qua. Chiều chiều, sau giờ cơm, Chơn Thanh thường hay ra sân trước đứng nhìn cây bồ đề và con đường nhỏ. Chú như vẫn còn thấy dáng áo nâu của thầy đi hút cuổi con đường vào cái hôm thầy gọi hai chú ở lại đây tu học.

Buổi sáng, mấy huynh đệ cùng học nội điển tại trường, buổi chiều có khi nghe giảng, có khi tự học. Đối với Chơn Thanh, chương trình nói chung không nặng lắm, vì chú và Chơn Hòa đã được bốn sư dạy dỗ khá kỹ trong chương trình Gia giáo tại chùa. Buổi tối, sau giờ cơm chiều, hai chú được quý thầy trên cho phép đi học lớp đệ lục bổ túc văn hóa tại trường tư thực Tân Thạnh. Giờ học bắt đầu từ sáu giờ và kết thúc lúc chín giờ. Hai chú ăn chiều qua loa rồi xách cặp đi học. Tối về, bụng đói lại phải thức khuya nên thỉnh thoảng mấy chú “lai vãng” xuống bếp lục xin... cơm nguội. Nội qui nhà bếp Phổ Quang khá chặt chẽ, buổi tối các chú không được xuống bếp lục lạo đồ ăn, gây phiền hà cho những người nấu bếp. Nhưng Chơn Thanh và Minh Huệ đặc biệt được mấy cô nhà bếp thương nên hề thấy bóng dáng mấy chú lấp ló gần khu vực bếp là các cô múc cơm lên cho, thỉnh thoảng khuấy bột bồi dưỡng các chú vì học khuya, tội nghiệp! Đời sống chơn tăng tại Phổ Quang bấy giờ rất kham khổ. Giờ quả đường trưa mới có cơm pha gạo trắng, thức ăn tạm tạm, còn buổi chiều và buổi sáng thì chỉ ăn toàn gạo đỏ, hạt nào hạt nấy to bằng hạt lúa mì, cứng ngắt. Đồ ăn gồm nước tương do nhà

bếp pha chế, các thứ rau quả thì xin ở chợ về. Đạm bạc vậy nhưng đời sống tu học của các chú không vì thế mà lơ lửng.

---o0o---

Phần 3 - Lễ Phật Đản

Mùa Phật Đản, chùa Phổ Quang cũng như rất nhiều chùa khác trong thành phố tổ chức xe hoa và lễ đài rất trang nghiêm, hoành tráng. Buổi chiều, sau thời mong sơn thí thực, Chơn Thanh và Chơn Hòa được quý thầy gọi đi dự lễ Phật Đản tại lễ đài trung tâm Việt Nam Quốc Tự. Chơn Thanh và Chơn Hòa nhỏ con nhất nên được quý thầy cho ngồi trên xe hoa làm “chư thiên” tung hoa cúng dường Đức Phật. Xe đi chậm chậm qua các ngã đường Yên Đỗ, Hai Bà Trưng, Trần Quốc Toản...

Khi chiều xuống, màu huỳnh y của chư tăng sáng lên huyền ảo trong sắc hoàng hôn. Quý thầy đi chậm rãi bên xe hoa như thể thiền hành; phía sau là dòng suối áo lam của Phật tử, tay cầm cờ, miệng không ngừng hát vang liên khúc mừng Phật đản. Phía sau nữa là quần chúng ngưỡng vọng, hiếu kỳ nối đuôi theo. Hai bên đường rất nhiều gia đình treo cờ Phật giáo và thiết ảnh tượng đản sinh. Những ngọn lồng đèn hình hoa sen đủ kích cỡ màu hồng đỏ lung linh tỏa sáng.

Lễ diễu hành thiêng liêng và trang trọng. Dòng người trôi chậm chậm trong lòng phố, niềm hân hoan dâng tràn.... Đến các ngã đường lại gặp thêm xe hoa của nhiều quận huyện khác nữa, cùng nối đuôi nhau hòa vào niềm vui lan tỏa. Khuôn viên Việt Nam Quốc Tự người đông chật cứng. Màu vàng của chư tăng, màu lam của Phật tử và muôn màu sắc khác của những người tham dự. Cờ, hoa, lồng đèn, bong bóng rợp trời. Tất cả như bùng lên lung linh trong ánh sáng của muôn vầng ánh điện. Tiếng chuông, tiếng trống, lời kinh cất lên rộn rã cả bầu trời lồng lộng. Dưới bến Bạch Đằng người ta cùng nhau thả hoa đăng, ánh sáng lập lòe bập bênh theo từng đợt sóng. Trên bầu trời, phía xa kia, ánh trăng rằm vành vạnh đang cố nhô lên khỏi mấy tầng nhà để chứng kiến một mùa đản sinh mẫu nhiệm.

Chơn Thanh cảm thấy lòng hân hoan quá đỗi. Đó là mùa Phật Đản để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong cuộc đời của chú. Chú như thấy được sức sống tiềm tàng mà mãnh liệt của Phật giáo trong lòng người dân Việt. Năm tranh đấu 1963, chú còn nhỏ nhưng thỉnh thoảng vẫn nghe sư phụ kể về những cuộc biểu tình bất bạo động, những cuộc tuyệt thực, tự thiêu của chư tôn đức và Phật tử, nhất là câu chuyện về quả tim bất diệt của Bồ tát Thích Quảng Đức.

Lúc đó, trong lòng chú cũng trào dâng lên một niềm tự hào, tuy mơ hồ nhưng không kém phần mãnh liệt. Bây giờ, tận mắt nhìn thấy sức sống của Phật giáo qua mùa lễ, sau những máu và nước mắt của người con Phật đã đổ xuống bởi sự độc tài, tàn ác của chế độ Ngô Đình Diệm, Phật giáo vẫn không tàn lụi, vẫn bùng lên mạnh mẽ, niềm tự hào ấy trong lòng chú như được nhân lên. Trước tượng Đản Sinh, chú thầm khấn nguyện, sau này, nhất định chú sẽ làm được một cái gì đó cho công cuộc chấn hưng và xiển dương Phật pháp.

Mùa hè năm đó, Chơn Thanh cùng với các huynh đệ sa di được từng chúng nhập hạ. Nhưng đó là một mùa hạ không bình yên cho lắm, mặc dù trường lớp và các thời khóa vẫn được duy trì đều đặn, nhưng thỉnh thoảng lại dấy lên các cuộc biểu tình, các phong trào tranh đấu cho sự tự do, bình đẳng của Phật giáo. Nhiều hôm, các thầy đi tranh đấu, tuyệt thực tại Việt Nam Quốc Tự, các chú ở nhà tụng kinh và quả đường như thường lệ. Chơn Thanh không thích tham dự vấn đề chính trị, nhưng những việc liên quan đến sự tồn vong của Phật giáo, ít nhiều cũng khiến cho chú ưu tư, trăn trở. Cuối năm, trong lần về chùa ăn tết, chú bày tỏ với sư phụ về những suy nghĩ của mình. Thầy nhìn chú, yên lặng hồi lâu rồi nói: “Công việc của con bây giờ là tu và học. Tu cho thật tốt và học cho thật giỏi, vậy thôi nghen!”.

---o0o---

Dấu ấn Huệ Nghiêm

Năm 1965, trường Trung Đẳng Phật học chuyên khoa được đổi tên thành Phật Học Viện Huệ Nghiêm và nhận thêm khoảng 300 tăng sinh nữa vào tu học. Vì vậy, khi hay tin mình trúng tuyển vào ngôi Phật học viện tuy mới thành lập nhưng có nhiều vị thầy danh tiếng, đức độ và uyên thâm giáo điển như vậy, Chơn Thanh cảm thấy rất đổi vui mừng. Cùng trúng tuyển với chú sau khi kết thúc chương trình Sơ Đẳng tại Phổ Quang còn có huynh Thiện Tri, huynh Minh Huệ, Chơn Hòa và nhiều huynh đệ khác nữa. Mấy huynh đệ lại chuẩn bị hành trang cho một hành trình mới, khó khăn hơn và đòi hỏi phải có nhiều nỗ lực hơn.

Huệ Nghiêm nằm trong khu An Dưỡng Địa rộng lớn. Xung quanh la liệt mồ mả với một cái lò thiêu cũ kỹ. Phía sau là cánh đồng trải dài. Chánh điện khá rộng. Một ngôi nhà tầng lợp tole và mấy cái cửa sổ lúc nào cũng mở. Khuôn viên rộng với những chậu hoa cảnh, mấy cây dừa, đặc biệt là dăm đụn rơm cao cao phía gần bờ rào, nơi mấy thầy, mấy chú trẻ thường hay “ẩn thân”...

đọc truyện. Đó là ấn tượng đầu tiên về Phật học viện Huệ Nghiêm qua cái nhìn còn ít nhiều ngỡ ngàng của Chơn Thanh.

Toàn bộ học tăng trong lớp Sơ Trung 2 của Chơn Thanh được quý thầy xếp vào một chúng: Chúng Long Thọ. Bên cạnh chúng Long Thọ còn có các chúng: Mã Minh, Vô Trước, Thế Thân, Huyền Trang, Vạn Hạnh, Hư Vân.... Hơn sáu chục huynh đệ ở chung trong một căn “nhà thiếc”. Căn nhà chỉ toàn tole là tole, tole “đậy” bốn bề! Có hai cửa chính và sáu cửa sổ. Phòng lớn, sắp bốn dãy đơn dài, nhưng chỉ có ba ngọn đèn ne-on sáu tác sáng nhờ nhờ. Mỗi đơn còn có một bóng đèn trái ớt, hai đơn đầu đầu lại một, có một cái thùng gỗ dính chung, hai nắp, ngăn làm đôi; toàn bộ “gia sản” của mỗi người đặt hết trong đó, chỉ là áo quần, sách vở. Đường đi chỉ đủ để đặt khếp nép hai chân. Hơi nóng cộng với hơi người hầm hập. Cửa sổ vì vậy mở suốt cả đêm lẫn ngày.

Buổi sáng, sau giờ công phu khuya, Chơn Thanh ít khi trở lại phòng vì ngại thứ hơi nóng ngột ngạt. Chú thường cùng huynh Thiện Tri ra ngoài tập thể dục - những bài tập mà ngày trước sư phụ chú từng bắt tập sau mỗi buổi công phu. Ban đêm, nhiều khi mấy huynh đệ cùng ra khu mộ ngồi đọc sách dưới ngọn đèn mờ mờ từ cây trụ đèn hắt xuống. Đêm yên bình cho những ước mơ lang thang đây đó. Có lần Chơn Thanh hỏi huynh Thiện Tri rằng mai một huynh có thích trụ lại đây để hoằng pháp không? Sư huynh cười, bảo hoặc là huynh sẽ lên núi, hoặc là huynh sẽ vào chợ, không ở đây đâu! Chơn Thanh thì không nghĩ thế, chú cảm thấy ở đây có một điều gì đó rất quan trọng đối với chú. Điều gì thì chú chưa biết, nhưng chú mơ hồ cảm thấy mình rất gắn bó và thân thiết với nơi này.

Đó là những tháng ngày cực mà vui. Khó khăn là môi trường tốt nhất để người ta tự rèn luyện tâm chí. Ăn uống thiếu thốn. Tuần hai buổi, thầy Thiện Phát thường lái chiếc Lambeta chở thêm một vài chú nữa ra chợ An Đông, Cầu Muối, Bà Chiểu... xin thức ăn về, chủ yếu là những loại rau cải héo úa. Mỗi bữa cả chùa dùng hết một tạ gạo, tức mỗi ngày nhà kho phải xuất đến ba bao chỉ xanh gạo. Tăng sinh được phát cho mỗi người một cái chén, một cái muỗng và một đôi đũa, mất thì tự sắm lấy. Chúng học tăng chia nhau trị nhựt. Rửa chén phải ít nhất bốn nước, huynh đệ sắp một dãy thau dài, người này rửa xong thì chuyển cho người kia chuyển cho tới chỗ úp chén, rất nhịp nhàng, đều đặn.

Chúng trưởng Long Thọ là sư huynh Bửu Thành. Huynh hiền lắm. Chúng trưởng mà cất việc cho huynh đệ chấp tác, mấy chú không làm thì huynh âm

thầm làm lấy. Trong chúng cũng có những người rất nghịch, như Tâm Thanh, Tâm Hòa, Thiện Hữu... Đơn Tâm Thanh nằm đối đầu với đơn Chơn Thanh. Một tối, trước giờ thiền, Tâm Thanh hỏi xin Chơn Thanh một cuộn dây. Chơn Thanh hỏi: Chú làm gì vậy? Tâm Thanh cười: Bí mật!... Lát sau, đang giờ thiền, cả phòng chìm sâu vào sự yên lặng, bỗng đâu một tràng chuông reng... reng... reng... vang lên, khiến ai nấy đều giật nảy mình. Đây đó có tiếng cười rúc rích. Chơn Thanh nhìn qua phía bên kia, thấy huynh Tâm Thanh ngồi bật dậy, khoanh chân kiết già ngay thẳng như không có việc gì xảy ra. Chơn Thanh thấy mắc cười quá. Thì ra huynh này lém! Huynh lấy một thanh thép nhỏ, nẹp vào lon sữa bò rồi quấn sợi dây thun, cột thanh thép vào sợi dây giăng ngang đường làm chuông cảnh báo, huynh Bửu Thành đi tuần chúng, vướng dây, kéo sợi thun nả ra, quay thanh thép đập lia lia vào hộp lon, tạo ra tiếng chuông reo. Nhờ vậy mà khi toàn thể huynh đệ đang ngồi thiền thì huynh ngon lành nằm ngủ, lúc nghe tiếng chuông reo thì mới bật dậy ngồi... trình! Đến khi xả thiền, huynh Bửu Thành đi điều tra, nhưng không ai khai báo hết. Huynh liền gọi Chơn Thanh lại - vì so với mấy huynh đệ khác, chú nhỏ hơn, lại hiền lành hơn - huynh hỏi, Chơn Thanh nói khéo: “Mấy thầy dạy ngồi thiền là phải nhất tâm, không được mở mắt láo liên dòm ngang ngó dọc, sao huynh lại hỏi em?”. Sư huynh Bửu Thành bó tay, không biết phải làm gì, tủi thân ảm ức...bỗng òa lên khóc lên ngon lành. Mấy chục huynh đệ ai nấy nhìn nhau ngơ ngác, vừa buồn cười, vừa thấy thương huynh quá.

Kỷ luật Phật học viện khắc khe lắm. Hễ ai bỏ thiền hay không tụng kinh một bữa là hôm sau phải lạy sám hối và quì một hương, lần thứ hai thì ba thời sám hối và quì ba hương, lần thứ ba thì cho biệt chúng - tức “được” ăn riêng, ở riêng, nhưng phải chấp hành thật tốt mọi thời khóa, bao giờ ban Lãnh chúng thấy có sự thực tâm hối cải mới cho trở lại cùng chúng sinh hoạt. Trong những ngày sống tại Huệ Nghiêm, hầu như Chơn Thanh chưa phải quì đến ba hương lần nào. Chú sống hòa mình vào đại chúng, tham gia tích cực mọi sinh hoạt của đại chúng; cũng... vi phạm nội qui nhưng chưa bao giờ đi quá đà. Nhiều khi chú cũng “có phước”, thoát khỏi bao phen bị phạt. Có lần huynh Hạnh Nghiêm mượn của ai đó về một bộ truyện kiếm hiệp, mỗi tối sau giờ thiền, mấy huynh đệ rủ nhau chui vào bụi rơm sau vườn và với một ngọn nến “tiện tay tiện tay” lấy trộm trên chánh điện, cả đám say sưa đọc. Chơn Thanh mê truyện lắm, cũng theo mọi người đọc từ đêm này sang đêm khác. Vậy mà đúng ngay cái hôm Chơn Thanh nghỉ vì bị bệnh thì mấy huynh đệ bị thầy Quản chúng phát hiện, sáng ra bị bắt quì hương, sám hối, chỉ có Chơn thanh là thoát.

Từ ngày đến Huệ Nghiêm, ngoài hai vị sư huynh Thiện Tri, Minh Huệ ra, Chơn Thanh còn thân thêm huynh Trí Hải nữa. Huynh tính tình rất dễ thương, khéo tu đến độ dường như trong chúng không ai là không quý.

Chơn Thanh quen huynh trong một dịp khá đặc biệt. Đó là lần Phật giáo xuống đường năm 1966 để yêu cầu tự do tôn giáo. Lần xuống đường này, huynh Minh Huệ bị trúng lựu đạn cay, ngất xỉu tại dinh Gia Long, được phật tử đưa về dưỡng đường Lê Văn Miên điều trị. Chơn Thanh ở chùa, hay tin liền vội vàng đến thăm. Hai mắt sư huynh vẫn còn cay xè, không mở ra được. Ngồi bên giường là huynh Trí Hải, huynh không theo đoàn xuống đường nhưng huynh thường có mặt tại những “điểm nóng” rất kịp thời để chăm sóc cho những người bị nạn. Lần này cũng vậy, chính nhờ sự săn sóc tận tình của huynh mà huynh Minh Huệ bớt khổ sở phần nào. Huynh tất bật đến từng giường bệnh, hỏi han, chăm sóc hết người này đến người khác. Chơn Thanh theo chân huynh, phụ giúp một tay. Từ đó chú trở nên gần gũi với huynh. Chú cảm thấy nể phục hạnh nguyện Dược Vương của huynh lắm, bởi không phải ai cũng thành tựu được hạnh nguyện đó.

Chúng ở đông, vì vậy không khỏi xảy ra những chuyện xích mích lặt vặt. Nhưng Chơn Thanh tính tình ôn hòa, không va chạm với huynh đệ. Vì vậy, trong chúng hầu như ai cũng mến chú, ai cũng có thể trở nên thân tình với chú. Trong số huynh đệ, Chơn Thanh gần gũi, trò chuyện nhiều nhất với ba vị sư huynh Thiện Tri, Minh Huệ và Trí Hải. Mấy vị sư huynh mỗi người một đặc điểm nổi bật, đều học giỏi, đức hạnh, tài năng...

Huynh Thiện Tri nổi tiếng là người nghiêm trì giới luật - đặc biệt là sau khi huynh thọ giới tỳ kheo. Huynh sống khắt khe và cẩn mật, đến mấy thầy lớn cũng có phần “cả nể”. Huynh Minh Huệ thì nhanh nhậy và có phần... hào hoa. Huynh Trí Hải hiền lành, vị tha và điềm đạm. Huynh là mẫu người mà quý thầy lớn vẫn thường ngợi khen trước chúng. Đặc biệt, cả ba sư huynh đều học giỏi và thương quý Chơn Thanh. Bốn huynh đệ đều cảm thấy gần gũi, cảm thông và sẻ chia những khó khăn, vui buồn trong cuộc sống cũng như những kiến giải trong tu học. Không nói ra nhưng cả nhóm mặc nhiên xem nhau như anh em ruột thịt. Thiện Tri thường được gọi thân thiện là “anh hai”, Minh Huệ là “anh ba”, Trí Hải là “anh tư” và Chơn Thanh là “chú út”. Đời sống tu tập hẳn nhiên là có nhiều khó khăn và cũng thật nhiều cám dỗ, không ai có thể tự phụ cho rằng lúc nào mình cũng xử sự đúng đắn. Một lời góp ý đúng của chư huynh đệ, đôi khi có giá trị chuyển hướng cả một bước đường tu hành.

Huệ Nghiêm như một mảnh đất thân yêu, từng ngày từng ngày nuôi dưỡng những mầm xanh vươn lên, cứng cáp và trưởng thành. Chơn Thanh cũng tự thấy mình học hỏi được rất nhiều điều từ những sư huynh, những vị thầy nổi tiếng, đặc biệt là quý ngài: Thiện Hoa, Thiện Hòa, Bửu Huệ, Thiên Tâm, Thanh Từ, Trí Tịnh, Hoàn Quan, Từ Thông, Huyền Vi, Quảng Độ...

---o0o---

Cây cao bóng cả

Tại Phật Học viện, có ba vị Hòa thượng mà bất kỳ tăng sinh nào cũng kính nể. Đó là hòa thượng Bửu Huệ - giám viện, hòa thượng Thiên Tâm - giáo thọ, hòa thượng Thanh Từ - quản viện. Ba vị hòa thượng, mỗi người một sở tu, sở đắc, nhưng đều là những bậc thầy đạo hạnh và uyên thâm giáo điển, cùng chung một sở nguyện chung lo cho đàn hậu tấn.

Để có được ba vị hòa thượng làm trụ cột cho Huệ Nghiêm, trước hết phải nhắc đến công đức của hòa thượng Thiện Hoa, hòa thượng Thiện Hòa. Năm 1957, hòa thượng Thiện Hòa mua lại mảnh đất của một phật tử, xây dựng Huệ Nghiêm, đến cuối năm 1962 thì hoàn thành. Năm 1964, hòa thượng Thiện Hoa, trưởng ban Hoằng pháp, quyết định dời Phật học viện vào An Dưỡng Địa, lập trường Trung đẳng Phật học chuyên khoa - tiền thân của Phật học viện Huệ Nghiêm.

Hòa thượng Thiện Hoa là một bậc danh tăng lỗi lạc. Ngài rất thấu hiểu tâm lý lứa tuổi tăng sinh. Một lần, có vị thầy tuổi trung niên mới xuất gia, thường làm ra vẻ đường đường Tăng tướng, dung mạo khả quan, đến phân nản với hòa thượng rằng tăng sinh Phật học viện của ngài quậy quá, ham giỡn nhiều hơn chăm lo thiền định. Hòa thượng cười, bảo: “Mấy chú tu từ nhỏ, quậy một chút cũng không sao, chớ hơn bốn mươi năm qua, ông “quậy” quá trời, có ai nói gì đâu, ông phải biết thông cảm với mấy chú chớ”! Nhiều khi ngồi nghĩ lại, Chơn Thanh kính nể quý thầy quá. Quý ngài hầu như ai cũng phát nguyện sau khi học xong thì nhập thất mười năm để thực chứng những gì mình đã học. Vậy mà vì sự nghiệp chung, đành phải hy sinh mình, đứng ra đỡ đầu, dìu dắt đàn hậu tấn. Chú đọc trong kinh Di giáo, Đức Phật dạy chư đệ tử rằng: một vị thầy mà chăm lo nhiều đồ chúng quá thì cũng giống như cây đại thụ có nhiều chim chóc đến đậu vậy, chẳng mấy chốc cành lá sẽ xơ rụi. Chú hiểu, vì tâm nguyện tiếp dẫn hậu lai, quý ngài đành phải chấp nhận mỗi nguy hại đó nên càng kính trọng thâm ân của quý ngài nhiều hơn. Các ngài đã để lại trong lòng Chơn Thanh một ấn tượng mà sau này dù có làm gì, đi đến đâu, chú cũng không thể nào quên được.

Hòa thượng Bửu Huệ rất hiền, lại ít nói. Nhưng chính sự uy nghiêm của ngài lại làm cho chúng vô cùng kính phục. Trước khi đến Huệ Nghiêm làm giám viện, hòa thượng đã tịnh tu gần mười năm. Chơn Thanh nghe kể lại: năm 1964, khi hòa thượng đang tịnh tu trong thất Nam Tuyền tại Tân Hương, Long An, còn một tháng nữa là tròn mười năm thì từ sự nhất trí đề cử của hòa thượng Thiện Hòa và hòa thượng Thiện Hoa, hòa thượng Thanh Từ đã đến cung thỉnh ngài về Sài Gòn để chung lo Phật sự. Sau đó, ngài Thanh Từ còn tiếp tục về Bến Tre để thỉnh hòa thượng Thiện Tâm xả thất cùng đến Huệ Nghiêm. Nhờ vậy mà Phật học viện mới có tam sư thường trực đức độ, uy nghiêm, nhiếp chúng với tinh thần vô ngã, vị tha.

Trong ba vị, hòa thượng Thanh Từ nổi tiếng nghiêm khắc. Ngài ít nói nhưng hề đã nói là làm, nhất nhất không sai chạy. Có lần ngài thực thi kỷ luật, đuổi khỏi viện hai vị học tăng gây gổ nhau nảy sinh sân tâm, có hành vi không biết kềm chế. Hòa thượng họp chúng, tuyên bố tẩn xuất. Mặc cho hai vị đáp y sám hối và ban Lãnh chúng ngỏ lời xin tha, hòa thượng vẫn không thay đổi quyết định.

Tối hôm đó, trong khi hai sư huynh xếp sách vở, áo quần vào va li, các huynh đệ cùng đến an ủi, Chơn Thanh ngồi xuống bên cạnh, phụ hai huynh xếp đồ. Chú hỏi một trong hai vị: “Huynh có giận Hòa thượng không?”. Huynh ấy im lặng một lát rồi lắc đầu: “Không đâu! Hòa thượng chỉ chiếu theo nội qui Phật học viện. Tôi nhớ ngày trước, khi còn làm điệu, mỗi khi có lỗi, dù lỗi không nặng nhưng vẫn bị sư phụ cho ăn đòn, sư phụ thường nói rằng một đũa bị đau nhưng tránh được nhiều đũa sau này khỏi bị đau. Hòa thượng đuổi chúng tôi khỏi viện chắc cũng vì lý do ấy. Tôi chỉ giận mình, tu lâu rồi mà không làm chủ tâm được”. Sáng hôm sau, hai huynh đệ tách bạch từ giả đại chúng. Chư huynh đệ tiễn hai thầy ra đến cổng, ai nấy ngạc nhiên khi thấy hai chiếc xích lô máy chờ đó tự bao giờ. Hỏi ra mới biết có người gọi sẵn. Hai sư huynh lên xe mà không cảm được nước mắt! Khi trở về phòng, đi ngang qua thất hòa thượng, bất chợt, Chơn Thanh sững người lại: chú thấy Hòa thượng đứng im bên cửa sổ nhìn ra, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên đôi gò má của ngài. Hòa thượng khóc! Lần đầu tiên, và có lẽ cũng là lần duy nhất trong đời Chơn Thanh thấy một vị hòa thượng khóc. Một vị hòa thượng nổi tiếng cứng rắn đã nhỏ đôi dòng lệ từ bi. Ngay lúc đó, chú chợt hiểu tấm lòng bao la của Hòa thượng, đuổi hai người là để đảm bảo kỷ cương của hơn ba trăm người, giữ gìn oai nghi cho đại chúng.

Năm 1966, khóa học đầu tiên kết thúc, hoàn thành tâm nguyện, hòa Thượng Bửu Huệ, hòa thượng Thiện Tâm, hòa thượng Thanh Từ tiếp tục con đường

tịnh tu của mình. Toàn thể tăng chúng tiễn đưa quý ngài, bùi ngùi không sao cầm được nước mắt. Chơn Thanh cảm thấy Phật học viện như mất đi những cây cao bóng cả, nghiêm khắc anh minh và bao dung từ ái.

Hòa thượng Bửu Huệ trở lại tịnh thất Nam Tuyền, tiếp tục nhập thất chuyên tu. Hòa thượng Thanh Từ thì ẩn thân trên núi; sau hơn một năm dài, ngài về Vũng Tàu thành lập tu viện Chơn Không, khơi mở cội nguồn cho dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Hòa thượng Thiền Tâm thì về Đại Ninh lập tịnh thất Hương Nghiêm rông chuyên tịnh mật trong một vùng hoang sơ đầy rẫy. Nơi đó, ngài ở chung với những “đạo hữu không chân” vẫn thường đến để nghe ngài trì chú, niệm Phật. Thỉnh thoảng, Chơn Thanh cùng mấy sư huynh lên thất thăm và giúp Hòa thượng một số công việc. Thấy cảnh hoang sơ ấy, Chơn Thanh cảm thấy rất thương ngài và kính nể ngài gấp bội. Thì ra, trong thời mạt pháp này, vẫn còn đó những cội tùng vững chãi, những tấm gương đạo hạnh sáng ngời. Trong cái sương lạnh của núi rừng, Chơn Thanh cảm thấy lòng mình chợt như ấm lại...

Ba vị Hòa thượng ra đi để lại một nỗi trống vắng lớn lao cho Phật học viện. Để tiếp tục duy trì kỷ cương tu học và nề nếp sinh hoạt, một ban giám đốc mới đã được thành lập, gồm: Thầy Phước Hảo - giám đốc, thầy Tâm Thanh - tổng thư ký, thầy Đức Pháp - giám học, thầy Từ Hóa - thủ quỹ. Đó là một ban giám đốc còn khá non trẻ, vì vậy giáo hội Tăng già thỉnh chư tôn đức, mỗi ngày một vị, ra Phật học viện để trông coi toàn bộ sinh hoạt của tăng chúng: Hòa thượng Minh Châu, hòa thượng Thiện Hoa, hòa thượng Thiện Hòa... Nhờ cái bóng của quý ngài mà mọi sinh hoạt của tăng chúng trở nên ổn định. Nhưng tình hình không thể duy trì như thế mãi. Năm sau, hòa thượng Thiện Hoa lại đích thân xuống thất Nam Tuyền, một lần nữa, cung thỉnh hòa thượng Bửu Huệ trở về làm giám đốc Phật học viện. Tăng chúng Phật học viện từ đó lại được an tâm tu học dưới bóng cao râm mát của ngài...

---o0o---

Thọ giới

Mấy huynh đệ, như thường lệ, mỗi cuối năm, lại về chùa thầy tổ, phụ giúp thầy chăm sóc vườn tược, quét dọn đồ đạc chuẩn bị đón xuân. Ngày tết, mấy chú cũng phải chia nhau xuống bếp phụ rửa chén, dọn cơm. Không như một số chùa khác, “treo” chuông mõ từ hôm đưa ông táo về trời, mấy ngày tết ở Phước Lâm vẫn kinh kệ ngày bốn thời đều đặn. Cũng như ngày trước, thầy ngồi dưới phòng lắng tai nghe, hề không thấy rõ tiếng tụng kinh của chú nào là y như rằng ngay sau buổi lễ chú đó liền bị thầy kêu lên phòng quở mắng.

Đó là mùa xuân năm 1969. Thời khắc giao thừa. Niềm vui bùng lên trong tiếng pháo mừng rộn rã. Bảy hồi chuông trống Bát Nhã ngân vang. Phật tử lần lượt kéo nhau lên chùa dự khóa lễ đầu năm, cầu nguyện cho một năm yên mới yên bình, nhân dân thoát khỏi nạn binh đao, máu lửa.

Sau khóa lễ, chư huynh đệ vẫn y áo chỉnh tề, bưng khay trầm sang phòng mừng tuổi sư phụ. Thầy mặc hậu vàng, trông rất nghiêm trang. Nhìn chúng đệ tử, thầy cảm thấy lòng dâng lên một niềm hoan hỷ. Ít ra thì một số đệ tử của thầy cũng đã trưởng thành. Chơn Thanh, Chơn Hòa tuy còn Sa di nhưng cũng đã được trui rèn nhiều năm tại các Phật học viện. Tính đến năm nay, hai chú vừa tròn hai mươi tuổi. Đã đến lúc phải cho các chú thọ giới cụ túc.

Sau khi chúng đệ tử chúc tết xong, thầy lì xì mỗi chú một chiếc bao giấy đỏ, rồi thầy cho phép mấy chú ngồi xuống quanh thầy. Giọng nghiêm trang nhưng thân tình, thầy nói:

- Năm nay Huệ Nghiêm mở đại giới đàn, thầy định cho Chơn Thanh và Chơn Hòa thọ Cụ túc giới, mấy chú lớn nghĩ sao?

Chơn Hiền nói:

- Thưa thầy, con thấy Chơn Thanh, Chơn Hòa đã đủ tuổi thọ giới. Với lại các chú ở Phật học viện bốn năm rồi, trình độ Phật học chắc cũng đủ...

Thầy cười:

- Ủ, thì mấy chú thấy được là được rồi!

Im lặng một lát, thầy tiếp:

- Mai một đến kỳ Phật tử thọ bát, Chơn Thanh, Chơn Hòa lên tập giảng coi sao.

Chủ nhật, tuy vẫn còn “mùng”, nhưng sư phụ Thiện Thọ cũng tổ chức cho Phật tử thọ Bát quan trai giới. Bảy giờ rưỡi sáng, Phật tử tề tựu đầy đủ ở chùa, đợi thầy lên truyền giới. Nguyên ngày hôm đó, Phật tử chuyên rông kinh hành, niệm Phật, nghe giảng, quả đường... nghiêm cẩn y như quý thầy đang mùa An cư kiết hạ vậy.

Buổi chiều, sau giờ chỉ tịnh xong, quý Phật tử đã thiết pháp tòa đầu vào đó. Pháp tòa là một chiếc bàn nhỏ trải khăn xanh với một bình hoa cúc vàng

trông khá nổi bật. Pháp sư Chơn Thanh mặc một chiếc hậu lam, không khác gì chiếc áo tràng của Phật tử mấy, chỉ có ống tay áo là rộng và dài hơn, chuẩn bị “đăng lâm pháp tòa”. Chơn Thanh cảm thấy run quá, vì đây cũng là lần đầu tiên chú đứng giảng trước rất nhiều Phật tử. Kỳ thực, ở Phật học viện, học tăng được học khá vững về kỹ năng thuyết giảng. Bên cạnh sư huynh Thiện Tri, Minh Huệ thuyết giảng rất vững và đi giảng nhiều đạo tràng ra, thì Chơn Thanh cũng là một trong những người có nhiều triển vọng nhờ chất giọng tự nhiên, vui và có phần tươi trẻ. Đề tài Chơn Thanh tâm đắc phần nhiều gắn gũi với đời sống tu tập của Phật tử, nên chú cảm nhận rằng nếu mình thực sự ra giảng thì chắc cũng tạo được ít nhiều ích lợi cho những người bước đầu học Phật, tập tu. Mỗi lần huynh Minh Huệ đi giảng đâu đó, Chơn Thanh cũng đều xin theo, phần để học hỏi kinh nghiệm, phần cũng nhằm trợ lực, gây cảm hứng cho huynh bằng những câu hỏi thú vị nhưng không kém phần hóc búa.

Bây giờ, ngồi trên pháp tòa, phía dưới là hàng trăm con mắt đang đổ dồn về phía mình, Chơn Thanh không khỏi cảm thấy mất tự chủ. Toàn là người quen. Họ biết chú từ khi chú mới về chùa, thậm chí đã từng thỉnh thoảng thấy chú bị phạt quì hương chung với mấy chú khác vì tội nghịch ngợm. Những cặp mắt hướng về phía chú vì tò mò nhiều hơn là chờ đợi nghe pháp. Mèn ơi, cái chú Bé hôm nào đây mà, đi học mấy năm về thấy chững chạc dữ ha? Hồng biết có giảng được không đây? Chơn Thanh như đọc được những câu nói đó trong mắt của các Phật tử. Chú thâm niệm Phật cầu gia hộ rồi điều hòa hơi thở như lúc tập ngồi thiền. Chú đưa ánh mắt nhìn khắp đạo tràng, lòng thầm nhủ: mình phải xem họ như những người thân rất gần gũi với mình, có sự giao cảm ấy thì người nói người nghe mới không có khoảng cách nặng nề làm mình lo âu, ngượng ngập. Rồi chú từ tốn bắt đầu: “Kính thưa quý Phật tử trong Đạo tràng Bát quan trai giới, nhân dịp đầu năm, chắc hương vị Tết vẫn ít nhiều phảng phất trong lòng quý Phật tử, vì vậy, hôm nay, chúng tôi xin nói với quý Phật tử về hạnh nguyện của ngài Di Lặc, Đức Phật tương lai của chúng ta...”. Nói xong câu mở đầu, Chơn Thanh cảm thấy tự tin hẳn. Chú bắt đầu giảng một cách trơn tru, sinh động. Những cặp mắt tò mò dần dần ánh nên niềm ngạc nhiên, thích thú. Đó là một trong những bước rèn luyện để chú cảm thấy vững chân bước vào đại giới đàn thọ giới để trở thành một tỳ kheo.

Mùa Hạ năm 1969, Phật học viện Huệ Nghiêm khai Đại giới đàn miền Quảng Đức. Chơn Thanh, Chơn Hòa và hàng trăm huynh đệ các lớp Trung đẳng Phật học được chư tôn đức cho phép thọ Đại giới, chính thức dự vào hàng Tam Bảo.

Hơn một ngàn giới tử tựu về Phật học viện Huệ Nghiêm, gồm giới tử nội viện lẫn giới tử ngoại viện. Giới đàn cung thỉnh Hòa thượng Hải Tràng làm Đàn đầu Hòa thượng. Ngoài ra, Tam sư, Thất chứng, có các vị Hòa thượng như: HT. Trí Tịnh, HT. Hành Trụ, HT. Phước Cần, HT. Thiện Hòa, HT. Thiện Thành, HT. Huệ Hưng... Tất cả đều là những vị danh sư. Chơn Thanh cảm thấy rất hãnh diện khi được quý ngài truyền trao giới pháp. Bởi vì, thọ giới, không những là bước ngoặt quan trọng trong suốt cả cuộc đời tu hành, mà còn kiến tạo năng lực hộ trì tam nghiệp cho việc tiến tới quả tu giải thoát. Chơn Thanh rất hiểu điều đó, nên trong lòng chú không ngừng rung lên những xúc cảm mãnh liệt.

Những giới tử nội viện vượt qua kỳ khảo hoạch một cách khá dễ dàng, vì đa số những câu hỏi đều nằm trong các bài giáo lý căn bản mà mấy huynh đệ đã được học rất kỹ trong suốt mấy năm qua.

Khi lễ truyền trao giới pháp chính thức được cử hành, một cảm giác rất lạ đột ngột dâng lên trong lòng Chơn Thanh. Chú ngược nhìn chư vị Tam sư, Thất chứng. Quý ngài trông uy nghiêm quá! Một trong những giờ phút thiêng liêng nhất trong cuộc đời của một người tu là đây. Khi cúi đầu hướng về phương Bắc đánh lễ cha mẹ lần cuối cùng, nước mắt Chơn Thanh chợt trào ra. Kể từ giờ phút này, chú trọn lòng với đạo pháp, dứt hết những hệ lụy của cuộc đời. Trong trí tưởng của chú hiện lên rõ mồn một hình ảnh ba má ngày tiễn chú đi xuất gia...

Lời của Hòa thượng Đàn đầu cắt ngang dòng suy tưởng của Chơn Thanh. Ngài khai đạo giới tử: “Các giới tử lắng nghe! Ba đời chư Phật đều do xuất gia mà được thành đạo; lịch đại Tổ sư truyền Phật tâm ấn đều là bậc sa môn, do nghiêm trì giới luật thanh tịnh mới có thể hoằng truyền chánh pháp. Cho nên tham thiền học đạo, giới luật làm trước. Nếu không tránh lỗi ngừa quấy, thì làm sao mà thành Phật tác Tổ được. Bởi thế, người thọ trì giới này, giữ đủ luật nghi của Phật, sẽ được Phật thọ dụng...”

Giới tử bước lên thọ lãnh giới pháp được chia làm nhiều đàn, mỗi đàn ba vị. Chơn Thanh, Chơn Hòa và Chơn Tánh cùng một đàn. Ba vị cúi lạy chư vị hòa thượng để thọ lãnh giới pháp từ quý ngài. Đây là bốn pháp Ba la di, đây là mười ba pháp Tăng tàn, hai pháp Bất định, ba mươi tội Xả đạo, chín mươi Tội đạo, bốn tội Hối quá, một trăm pháp Chúng học, bảy pháp Diệt tránh - tổng cộng thọ lãnh 250 giới. Đây là y An đà hội, đây là y Uất đa la tăng, y Tăng già lê; đây là bát; đây là tọa cụ; đây đây lọc nước. Tất cả vật dụng của một vị tỳ kheo thường phải mang theo bên mình cũng đã được truyền trao.

Kể từ giờ phút này, Chơn Thanh chính thức gia nhập hội chúng Tăng già, trở thành một thầy Tỳ kheo. Như một luồng điện chạy dọc sống lưng, Chơn Thanh nghe như có một sức mạnh hộ trì lan tỏa khắp người. Mình đã đắc giới! - Chơn Thanh nghĩ - mình không còn là một Sa di nữa mà đã là một tỳ kheo. Một Tỳ kheo, ngoài việc nghiêm trì giới luật, còn phải xả thân hành đạo, phải luôn luôn sống vì lợi ích của số đông. Tỳ kheo thì phải có trọng trách với Đạo pháp, với sự hưng suy của Đạo pháp. Phải xoa đầu để luôn luôn tự nhắc nhở mình: mình là một Tỳ kheo! Đây là điều nên làm. Đây là điều không nên làm. Đây là con đường đưa đến an lạc, giải thoát. Đây là con đường đưa đến sự ràng buộc, khổ đau...

Những lời giáo huấn của Đức Phật mấy ngàn năm trước như đang vang vọng trong lòng Chơn Thanh. Mình khoát ba y, tay ôm bình bát, thầy nghe lòng mình lắng dịu sâu sắc một nỗi niềm an lạc lạ kỳ.

Sau khi thọ giới, thầy cùng nhiều huynh đệ khác thường được Ban lãnh chúng cử đi thuyết giảng các nơi. Khi thì Bình Long, Tiền Giang, khi thì Trà Vinh, Vũng Tàu... Đối với thầy, thuyết giảng là một Phật sự quan trọng. Nhờ những chuyến đi xa, thầy cảm nhận rất rõ niềm khao khát chánh pháp mãnh liệt của Phật tử. Thầy hiểu những bài pháp của mình tuy chưa sâu sắc, tuy chưa có nền tảng thực chứng như quý hòa thượng, song, trong chừng mực nào đó, đây cũng chính là những liều thuốc quý, có công năng hóa giải bớt những nỗi khổ đau, mát mát, đem lại nguồn sống tươi mới cho một số người.

Cảm nhận sâu hơn trọng trách của mình, thầy tâm nguyện được dẫn thân vì đạo pháp. Nhiều lần thầy đến giảng tại các vùng sâu, vùng xa, phương tiện đi lại khó khăn, đôi khi kẹt lại ở đó đến vài ngày. Gian khổ nhưng vui, niềm vui rất thật - vui vì đem chánh pháp đến cho người. Những lúc ấy, thầy thường nhớ lại và nhắm đọc bài học thuở nhỏ sư phụ Thiện Thọ vẫn bắt đọc mỗi buổi sáng trước khi tập thể dục: “Nơi nào Chánh pháp cần, con đến; nơi nào chúng sanh cần, con đi. Không quản gian lao, không nề khó nhọc...”

Đó là quãng vào những ngày sau tết năm 1971. Thầy cảm thấy mình đã cứng cáp, tự tin hơn nhiều trong những lần thuyết giảng. Thầy nhận thấy những vị thầy của mình ở trường, ngoài việc rất uyên thâm giáo điển ra, mỗi vị còn có một “chiêu thức” riêng để thu hút thính chúng. Hòa thượng Huyền Vi thì đọc đáo bởi vốn ngoại ngữ sâu rộng, ngài có thể chú nghĩa các thuật ngữ Phật học bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Pali. Hòa thượng Từ Thông thì đặc sắc bởi khiếu vẽ - với một viên phấn và vài nét phác họa, một con cò hay một bụi trúc hiện ra trông hết sức sống động. Thầy không có những nét đọc

đáo như quý ngài, vì vậy, thầy chọn cách tạo cho mình không khí tự nhiên, gần gũi, thân mật đối với thính chúng. Bài giảng của thầy thường là những vấn đề thiết thực với cuộc sống của mọi người, nên tuy còn trẻ, thầy vẫn được rất nhiều phật tử quý kính.

---o0o---

Đền sách

Thầy và các huynh đệ đã bước qua kỳ thi tốt nghiệp Trung đẳng, ráo riết ôn luyện chuẩn bị cho việc dự tuyển vào kỳ thi Cao đẳng Phật học cam go sắp tới.

Hàng ngày, tăng chúng tu viện rất ít khi ra ngoài, phần vì ít nhu cầu thế sự, phần vì qui luật của Phật học viện khá khắt khe, phải đi thưa về trình qui củ; vì vậy, mỗi khi có việc quan trọng, mấy huynh đệ mới xin ra ngoài. Trong thời gian này, thầy gần như chỉ chú tâm vào việc học. thầy cảm thấy bề học thức sâu rộng, chỉ riêng tri thức Phật học thôi cũng không thể nào chiếm lĩnh hết được. Nhưng kinh điển rất hiếm, không phải lúc nào cũng có sẵn để đọc. Nhiều quyển kinh sách chỉ chực vị giáo thọ sư mới có, nên mỗi buổi học tại lớp, học tăng phải ghi chép rất nhiều. Vì vậy, Phật học viện quyết định thành lập một ban ấn loát, gồm: thầy Phước Tài làm trưởng ban và các thành viên gồm Thiện Tri, Chơn Thanh, Chơn Phát... Ban ấn loát có trách nhiệm viết lại các bản kinh, đặc biệt là kinh chữ Hán, quay roneo làm tài liệu phát cho huynh đệ học tập.

Sau kỳ thi tốt nghiệp Trung đẳng Phật học của tăng sinh, Phật học viện vẫn sinh hoạt như thường lệ, nhưng các thời khóa như được giãn ra. Học tăng chuẩn bị thi vào Cao đẳng Phật học được hưởng một số ưu tiên so với các huynh đệ khác trong những sinh hoạt thường ngày. Một số vị xin phép về trụ xứ để tập trung ôn bài; một số khác ở lại, một mặt duy trì các thời khóa, một mặt chuyên tâm cho việc học hành.

Không khí tại Phật học viện như trầm lắng xuống. Trong khung cảnh quen thuộc với những sinh hoạt thường ngày, không phải lúc nào cũng khiến cho người ta có thể chú tâm vào việc học được, nhiều lúc việc học có thể bị phân tán do những chuyện không đâu. Do vậy một hôm, huynh Trí Hải đề nghị với các huynh đệ: “Ở đây khó chú tâm cho việc học quá. Hay là mình xuống chùa Long Khánh học đi!”. Ý kiến của huynh được mọi người hưởng ứng ngay lập tức. Bởi trong mấy huynh đệ, dường như ai cũng đã từng có lần xuống chùa Long Khánh. Chùa Long Khánh nằm cạnh một con sông nhỏ với

vườn cây xanh mát, nhất là phía vườn cau, không khí trong lành và thật yên tĩnh. Sư cô Mỹ Duyên là trụ trì ở đây. Cô là người thân của huynh Trí Hải, từng lo lắng, chăm sóc huynh lúc huynh còn làm điều “ba chóp”. Tính sư cô khá thoáng, lại rất quý những học tăng chăm chỉ học hành. Cô không nhận ni chúng, vì vậy, Long Khánh là một nơi khá lý tưởng cho các huynh đệ “trú quân” trong khoảng thời gian dài mài kinh sử.

Chiều chiều, sau khi cơm nước xong, bốn huynh đệ, thêm thầy Minh Thanh và thầy Thiện Phát nữa, cùng nhau đạp xe xuống chợ Đệm. Mấy huynh đệ được sư cô giao cho một căn phòng khá rộng, đèn đóm đầy đủ. “Mấy thầy muốn học lúc nào thì học, muốn ngủ lúc nào thì ngủ!” - sư cô nói. Thỉnh thoảng, cô lại đem bánh, sữa, mì gói xuống cho mấy huynh đệ “bồi dưỡng”. Nhiều khi, mấy huynh đệ ở lại Long Khánh đến vài ba ngày, tự phân công nhau đi tụng kinh, nấu cơm, rửa chén... phụ với sư cô. Nhiều khi thức khuya quá, sợ ảnh hưởng đến chùa, lại gặp lúc đêm trăng sáng, mấy huynh đệ liền kéo nhau ra vườn cau ngồi học dưới ánh trăng, rồi cùng nhau khảo bài, ai không thuộc thì sẽ bị phạt...

Rồi mùa thi cũng đến. Hội đồng thi tại Viện Đại học Vạn Hạnh - do hòa thượng Minh Châu làm Viện trưởng - rợp màu áo nâu. thầy cũng hòa vào mảng nâu ấy, nhận thấy mình khá nhỏ nhoi giữa hàng trăm tăng ni sinh dự tuyển. Tuy vậy, thầy cũng thấy tự tin bởi đã ôn bài khá kỹ, cộng với những lần đi thuyết giảng cho phật tử, thầy nghĩ vốn giáo lý và vốn sống đạo của mình chắc tạm đủ để có thể vượt qua kỳ thi này.

Kết quả danh sách thí sinh dự tuyển được dán trên một chiếc bảng lớn tại trường. Ngay buổi sáng công bố kết quả, đã có nhiều tăng ni sinh đến xem. Bảng riêng, ni riêng, mỗi bảng danh sách lại được niêm yết thành hai bảng nhỏ: bảng danh sách thí sinh thi đậu và bảng danh sách thí sinh thi rớt. Danh sách thi đậu được xếp theo thứ tự điểm số, từ cao đến thấp. Chưa kịp lướt mắt xuống, Chơn Thanh đã vội dừng ngay lại ở dòng tên đầu tiên: thủ khoa, không ai khác, chính là sư huynh Thiện Tri, tiếp theo, thứ nhì là Chơn Thanh, thứ ba là Minh Đạt. Á khoa! - Thầy thầm nghĩ - mình đã đậu cao hơn nhiều huynh đệ khác! Đó như là một sự may mắn vì thầy biết có nhiều huynh đệ chăm học và còn có khả năng hơn thầy. Tuy vậy, thầy rất vui, thầy nghĩ đây cũng là một quả tốt cho việc đèn sách cần cù của các thầy.

Trong năm này, có một sự kiện đáng nhớ, đó là Phật học viện Huệ Nghiêm được đổi tên thành Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm, do Hòa thượng Trí Tịnh làm viện trưởng, hòa thượng Bửu Huệ làm viện phó đặc trách học vụ,

Hòa thượng Quảng Độ làm Tổng Thư ký, Hòa thượng Thiện Hòa làm Giám Luật. Viện Cao đẳng được chia làm ba cấp: bốn năm đầu học cử nhân, hai năm sau học cao học, hai năm sau nữa học tiến sĩ. Chơn Thanh lại tiếp tục cuộc hành trình tu học, mà với thầy, vẫn còn rất xa rộng phía trước...

---o0o---

Phần cuối - Cảnh lá bồ đề

Buổi sáng, thầy đi thể dục vòng quanh sân chùa với thầy Minh Thanh. Bao nhiêu năm rồi vẫn vậy. Cứ năm giờ sáng là thầy Minh Thanh từ trên lầu xuống, dừng chân trước cửa sổ phòng thầy. Nếu không nhìn thấy thầy ngồi ở bàn viết thì cất tiếng gọi: Thầy Thanh ơi! Hoặc có khi cũng không cần gọi, cứ đứng đó vài giây là thầy cảm thấy có bạn đến chờ, ra ngay. Chỉ cần thoáng thấy bóng nhau là đủ, đôi khi đi bên cạnh suốt buổi mà hai người chẳng cần nói điều gì, lặng lẽ đi bên nhau thế thôi, vậy mà rất hiểu ý. Có những tình bạn thân thiết như anh em ruột thịt, điều gì ta cũng có thể nói cho bạn nghe, chia sẻ đến từng ý nghĩ, quan niệm.

Ý thích giống nhau như anh em song sinh. Nhưng cũng có những tình bạn âm thầm không cần ngôn ngữ, tính tình có thể trái ngược nhau mà vẫn khớp tâm hồn vào nhau được. Những tình bạn không có khoảng cách khi gần thì rất gần nhưng khi xa thì cũng dễ dứt. Nhưng những tình bạn vô ngôn thì sẽ bền mãi với thời gian. Con người lạ vậy! Có lẽ bên ngoài cái lõi của chữ duyên còn bàng bạc lãng đãng bao quanh là một màng sương của chữ tướng. Không có cái vùng từ trường này chắc mọi thứ đều giản đơn tẻ nhạt và chân lý không có hào quang, không tỏa sáng!

Xong giờ thể dục với thầy Minh Thanh, thầy lại lên uống trà với thầy Nhật Huệ để nghe đài và trao đổi bằng quơ vài câu về chuyện tình hình đây đó. Thầy Minh Thanh là người thích chuyên tu, ít quan tâm đến chuyện thời sự. Lạ vậy, thầy vừa có thể hăng say bàn đủ chuyện với thầy Nhật Huệ và cũng có thể lặng im ngồi uống trà chiêm nghiệm với thầy Minh Thanh. Thầy như nước, có thể hòa vào tất cả. Thầy như gió, có thể làm dịu mát tất cả. Thầy như đất có thể nuôi sống, dung hòa tất cả. Và ngọn lửa trong tim thầy dầu không bùng sáng chói lóa, nhưng âm ỉ, bền bỉ ngày đêm, lặng lẽ giữ gìn ngọn đèn chánh pháp. Trong thầy có biết bao là hoài bão, ước mơ cho sự nghiệp Phật giáo. Có lần thầy gợi ý với thầy Chơn An:

- Tôi bây giờ còn khỏe, cố gắng đem hết sức mình phục vụ cho công tác phật sự của giáo hội, sau này lớn tuổi rồi, đủ kinh nghiệm và độ chín, tôi rất

mong có được thời gian ngồi tĩnh tâm dịch kinh viết sách. Tôi thấy thầy có khả năng về mảng này mà bỏ qua uổng lắm. Hay là mai một tôi với thầy mình cùng nhau làm?

Thầy Chơn An nói:

- Lãnh vực ấy tôi biết có nhiều người còn giỏi hơn mình. Quan niệm tôi hồi nào giờ là thấy việc gì mình nhắm làm không giỏi, thôi để cho người khác làm, mình lo tu thôi. Nhưng việc này tôi và thầy nếu thuận duyên thì cùng nhau làm, điều đó cũng rất tốt.

Thầy cười nói:

- Tôi rất tâm đắc cuốn Sự nghiệp đời tôi của hòa thượng Thiện Hoa. Hoạt động của đời người tu có thể khái quát ra ba giai đoạn: học, làm việc và sáng tác phiên dịch kinh tạng. Ráng làm thì giẻ rách cũng đỡ đầu móng tay, miễn là đừng ảo tưởng quá khả năng mình. Thường thì người giỏi lại rất cẩn trọng, kẻ dốt lại hay liều, điếc không sợ súng, do vậy mà rớt cuộc rồi thì sản phẩm của kẻ liều lại nhiều hơn tác phẩm của người giỏi, báo hại làm hư rất nhiều người là vậy. Mình biết mình có khả năng tới đâu thì làm tới đó, tát được gàu nước nào thì tát, trắm tay mới cạn biển. Tận nhân lực mới tri thiên mạng chớ...

Thầy nói đến đây bỗng dừng lại, trầm ngâm:

- Nhưng mà có khi tận nhân lực là tiêu thân mạng luôn hồng chừng...

Hai huynh đệ nhìn nhau cười xòa, thấm ý!

Thầy chợt nhớ đến thầy Trí Hải. Một thoáng buồn nhẹ nhẹ mà len sâu nhói buốt tận trái tim thầy. Thầy Trí Hải là người huynh đệ thân thiết nhất. Thầy đã đi trước một bước, sớm từ bỏ cõi ta bà này để lại thầy với bao nhớ tiếc! Ngày thầy Trí Hải mất, thầy như mất đi một người thân ruột thịt. Đã từng sống bên nhau qua những ngày sóng gió, tất cả vui buồn trần trở cùng chia sẻ. Đối với thầy, tình huynh đệ thâm sâu như biển. Việc đời việc đạo, không ai hiểu và có thể chia sẻ với ta trọn vẹn như huynh đệ đồng môn. Huynh đệ đồng môn cũng như những chiếc lá trên cành một cây bồ đề vậy. Cùng chịu chung nắng mưa sương gió, cùng sống bằng nguồn Pháp gốc rễ thiên môn. Mỗi lần có người vấp ngã, lòng thầy đau như chính mình bị thương vậy. Ở tuổi này, bắt đầu chứng kiến những cuộc ra đi từ già cõi ta bà của huynh đệ, mỗi lần như vậy, thầy thấy tim mình cứ yếu dần đi, dấu quán lẽ vô thường

nhưng tình cảm yếu mềm của con người khó cưỡng. Mỗi lần tổng tiền kim quan một bạn tu, thầy về thấp nén nhang trên bàn thờ Phật, dạ cứ ngùi ngùi, phải mấy ngày sau mới bình tâm được. Lòng thầy là như thế, bao la mà âm áp biết bao!

---o0o---

Người thầy khả kính

- Bữa nay chùa cho ăn ớt hả con?

Thầy hỏi đùa lúc nhìn thấy ni sinh Thánh Tâm nét mặt tỏ vẻ không vui, bực bội, nhăn nhó khi đến lớp. Thánh Tâm giật mình, đánh lễ thầy. Cô thầm biết ơn sư phụ đã nhắc nhở. Người tu cũng lắm khi phiền não, khi thì có thể vượt qua, khi thì cũng đa đoan mang nặng. Ngoài oai nghi, người tu còn phải khéo giữ những phút không hài lòng, phải biết kềm chế, không nên thể hiện quá rõ ràng trên nét mặt. Nhìn một thầy, hay một cô mặt mày sân si nổi giận thật khó coi. Thầy không nói ra nhiều lời nhưng sự ân cần nhắc nhở nhẹ nhàng khéo léo ấy làm cô ghi nhớ mãi. Thầy vào lớp, bao giờ cũng đi vòng xuống các dãy bàn nhìn ngắm tận nơi đàn con thân yêu của mình. Thấy một thầy trị nhật đứt tay, dán băng một chút thầy cũng hỏi. Sau những lời ái ngữ dịu dàng thân thiện bao giờ thầy cũng xoa hoặc ký yêu lên đầu những đứa học trò mà thầy luôn cảm giác chúng thật gần gũi. Thầy luôn nhớ cái ký nhẹ lên đầu của bốn sư thầy lúc đưa thầy ra học ở Phổ Quang. Cái cảm giác đầm ấm ấy không bao giờ thầy quên được. Có lẽ vì vậy mà bây giờ thầy muốn truyền lại cho những đứa học trò của mình cái cảm giác được sư phụ yêu thương ấy. Giờ lên lớp của thầy ai cũng thấy thoải mái. Những bài pháp thầy trao thật nhẹ nhàng. Mà chính thân giáo của thầy mới là bài học dễ nhớ nhất. Chính vì vậy mà tăng ni sinh rất quý yêu thầy. Có những buổi đi dạy về, chiếc xe của thầy treo lúc lỉu nào là thức ăn, trái cây bánh mứt... đủ các vật thực mà các học trò thương yêu dành để dâng thầy.

Bao giờ cũng vậy, thầy đến lớp đúng giờ, dù bận chuyện gì thầy cũng cố gắng sắp xếp để không bỏ buổi dạy. Có hôm trời mưa lớn, nhưng đến giờ là thầy đội áo ra đi. Có lần hay tin mẹ ở quê bệnh nặng, thầy vô cùng sốt ruột, đứng ngồi không yên, nhưng kẹt giờ dạy, chưa sắp xếp được, thầy nhờ thầy Trí Hải về thăm, chăm lo cho mẹ phụ với gia đình, thầy dạy xong rồi mới về sau. Đối với thầy, lên lớp truyền giáo là một nhiệm vụ vô cùng thiêng liêng cao cả. Khi dạy đến những bài giáo lý cao, khó hiểu, thầy bỏ rất nhiều công sức suy nghĩ, tìm cách dẫn giải thật dễ hiểu để giảng, rồi lên lớp cứ hỏi đi hỏi lại xem các tăng sinh đã hiểu chưa, còn chỗ nào gúc mắc là thầy tận tình

giảng đến nơi đến chốn, khi nào trò thông cả rồi thì thầy mới cảm thấy tạm an lòng.

Có những khi các tăng sinh làm bài không tốt, thầy không quở trách, chỉ khuyên răn. Thầy biết tuổi trẻ còn nhiều nông nổi. Làm một vị thầy dạy giáo lý không như một vị thầy giáo ngoài đời. Giáo lý không phải chỉ là kiến thức phải đem vào trí óc mà còn là một sự vỡ lẽ, sáng ra. Nếu không làm cho người nghe thông hiểu, tự thấy được cái đúng, cái hay mà chỉ là sự áp đặt, nhồi nhét thì giáo lý không có giá trị. Bởi vậy, khi trò không thuộc bài, chưa thông suốt, thầy không giận mà chỉ thấy tội nghiệp, thương học trò cạn nghĩ, ngộ tính chưa cao, còn phải vất vả nhiều trên đường tu tập.

Đối với tăng ni sinh ở tỉnh, ở các vùng quê, thầy càng dành cho nhiều ưu ái. Mỗi lần có các khóa giảng cho tăng ni dù ở các tỉnh đồng bằng hay tận ngoài Trung, ngoài Bắc, thầy cũng rất nhiệt tình đi. Tận tâm, tận lực không nề hà mọi điều kiện gian khó. Những trường hợp khó khăn tìm đến thầy giúp đỡ, không bao giờ bị chối từ. Bằng mọi cách thầy tạo điều kiện để nâng đỡ. Có lần một tăng sinh ở quê lên làm thủ tục nhập học, giấy tờ còn thiếu vài thứ, thầy vi vu cho qua. Biết lỗi vì sự dễ dãi của mình, thầy dặn vị tăng nọ: “Tôi làm vậy là không đúng nguyên tắc đâu, thôi thầy cố gắng học nhen”. Không nhiều lời nhưng tất cả tấm lòng từ ái, bao dung thể hiện trong cái vỗ vai thân thiện như truyền trao ý chí, nghị lực và lòng kỳ vọng. Vị tăng đứng lặng nhìn thầy, trào dâng niềm cảm xúc. Có những bậc thầy mang tấm lòng như thế đối với tăng sinh, thì môi trường giáo dục tăng ni càng khởi sắc, tăng ni vững niềm tin vào sự diu dặt chân tình của các bậc tôn túc, thêm phấn chấn mà cố gắng hơn.

Ở trường đã thế, còn ở chùa, đối với các thầy, các chú nhỏ hơn, thầy cũng luôn có cách dạy dỗ hòa ái. Mỗi lần có chú nào phạm lỗi, thầy không bao giờ nổi giận trách phạt ngay, đợi đến hôm sau, khi kẻ phạm lỗi đã có một độ lùi để phản quang tự kỷ lại mình, thầy mới gọi lên khuyên bảo. Thầy thường nói: Dạy người phải dạy trong chánh niệm. Nếu vì giận dữ mà dạy thì không làm chủ được ý nghĩ, lời nói. Ý nghĩ lời nói của mình, mình còn chưa làm chủ được thì làm chủ dạy bảo ai?! Bao giờ cũng vậy, trước khi trách phạt một tăng chúng trong chùa, dù là nhỏ tuổi mấy, thầy cũng nghiêm trang thấp nhang trên bàn thờ Phật rồi mới cho gọi người lên để nói. Có lần, hai chú trong chùa cãi nhau kịch liệt, thầy đến can nhưng hai người vẫn chưa thông, tuy không cãi nhau nữa nhưng thái độ còn chưa chịu hòa hợp. Thầy im lặng về phòng, để qua hai buổi tối mới gọi hai người lên. Sau khi thấp hương lễ Phật xong, thầy bảo hai người cùng quì bên nhau lạy Phật. Rồi thầy nói:

- Hai thầy thấy đó. Hai thầy hình tướng như nhau, mặc áo như nhau, quì lạy Phật cũng như nhau, vậy mà sao không biết thương nhau?

Im lặng một lúc như để hai người lắng lòng suy nghĩ, thầy ôn tồn nói tiếp:

-Tôi kể hai thầy nghe: Hồi trước, lúc hòa thượng Thanh Từ còn làm giám viện ở đây, có lần trong bữa cơm, có hai thầy vì giành nhau một trái chuối, mới đầu là giỡn chơi, sau thành ra nổi sân thiết, một thầy giăng mạnh làm bể cái chén, lúc đó thầy Thanh Từ đi qua nhìn thấy. Sau đó, một hồi chuông họp chúng đồ lên, cả chùa có mặt đầy đủ. Thầy Thanh Từ tuyên bố trục xuất hai thầy ấy ra khỏi học viện vì thiếu oai nghi trong giờ thọ thực. Hai thầy hồi hận đáp y sám hối nhưng thầy Thanh Từ vẫn cương quyết không thay đổi hình thức kỷ luật. Tất cả chúng bùi ngùi xót xa tiễn hai thầy ấy ra khỏi học viện. Thầy Thanh Từ đau lòng hơn ai hết, thầy rơi nước mắt đứng nhìn hai vị ấy ra đi. Học viện ngày đó nhờ có thầy Thanh Từ mà tăng chúng oai nghiêm, nề nếp rậm rạp, tiếng tốt vang xa, những người đã kinh qua thời gian ở học viện Huệ Nghiêm thời ấy đa số đều thành đạt. Tôi chưa học tập nổi ở thầy Thanh Từ tinh thần đó để giúp các thầy trao dồi đạo đức, kỷ cương, mong mấy thầy hãy tự ý thức giữ gìn phạm hạnh để mà tu tiến. Sống trong chúng mà không áp dụng trọn vẹn pháp lục hòa thì làm sao mà tu được. Làm người, ai không có những lúc sai lầm, mình cũng vậy. Thế nhưng sao lúc mình sai thì mình dễ dàng bỏ qua, chặc lưỡi một cái là xong, còn khi người sai thì mình ghi xương khắc cốt? Ai sai, tạo nghiệp, người đó đã mắc tội rồi, có gì mình lại nhào vô chia phần hùn, cùng lãnh thêm cái tội bởi người đó nữa? Mấy thầy ngắm coi phải không? Giống như một người đang té xuống bùn, mình thấy vậy thay vì đưa tay kéo người ta lên, mình lại nhảy xuống xía xói người đó một trận, mình dính bùn luôn! Mấy thầy còn nhỏ, cũng nên chọn lấy một bộ kinh nào đó mà sám hối thọ trì hằng ngày để tâm đừng chạy theo cảnh, nhân cư vi bất thiện. Thôi, tôi không nói nhiều, vì tôi biết mấy thầy cũng thừa hiểu mọi chuyện, chẳng qua là còn chưa kèm được mình thôi. Mình đi tu trước nhất là rèn cái này đó. Thôi ráng nghe, đừng giận nhau nữa, giận nhau không có lợi mình, lợi người. Mỗi người lùi một chút sẽ thấy đất trời rộng rãi, không gian trống trải, dễ chịu hơn. Sống trong vui vẻ không sướng hơn sống trong bức bối buồn bực sao? Tui nói vậy, hai thầy thấy hết phiền não chưa? Phiền não là do mình chuốc, thôi buông đi nghe! Không buông thì bán tôi mua...

Những lời từ ái chân thành của thầy làm hai chú vô cùng cảm động! Chút tự ái cá nhân tan biến. Thầy là vậy. Khoan dung độ lượng, luôn lấy từ tâm mà sách tấn mọi người.

Con đường đầy gai nhọn khiến người ta nhẹ bước. Con đường đầy cỏ mịn hoa thơm cũng khiến người ta nhẹ bước.

Đối với các đạo tràng tu học của Phật tử thầy cũng rất tận tình. Dù bận mấy, hễ nơi nào mời là thầy đến. Các đạo tràng đa số là người trung niên, nhìn họ thầy thấy thương lắm. Cuộc sống bươn chải vất vả, nhín thời gian đến chùa nghe pháp là tốt lắm rồi. Có lần thầy đi ngang qua khu chợ đầu mối bán cá, nghe mùi tanh hôi bốc lên nồng nặc, thầy bùi ngùi nói với chú thị giả chờ thầy:

- Chú thấy không, dân người ta ngoài đời mằn ăn khổ lắm. Mùi hôi như vậy, mình đi ngang một chút còn thấy ngạt mình khó chịu, vậy mà người ta phải sống với nó quanh năm. Mình là người tu, phước báu sâu dày, phải cố gắng giữ. Phải biết thương những người còn kém phước, chưa biết đạo. Những phật tử đến được với chùa mình phải hết sức thương yêu, dìu dắt họ. Họ cực vậy mà vẫn dành tiền cúng chùa, bát cơm ngàn nhà nặng lắm, không một giây phút nào ta được quên. Không nên mặc nhiên coi sự cúng dường của phật tử như một sự trao đổi: ai biết cúng dường Tam Bảo người đó có phước. Chúng ta phải luôn nhớ đến trọng trách của người thọ nhận, hộ trì Tam Bảo. Phải đem hết sức mình dìu dắt chúng sanh.

Lên lớp cho phật tử thầy không có thái độ thân cận như đối với tăng sinh nhưng rất nhiệt thành. Luôn giữ một khoảng cách tôn nghiêm nhưng rất từ bi. Thầy chọn những bài giảng thiết thực phù hợp với nếp sống tu tập tại gia. Chưa có giáo trình chính thức cho những lớp giáo lý dành riêng phật tử, thầy nhằm vào những bài pháp căn bản nhưng giảng rất rõ ràng. Thầy để ý quan tâm chuyện thời sự cũng nhằm giúp cho bài giảng đối với phật tử thêm phần cụ thể sinh động, dễ nghe, dễ nhớ và thiết thực, bổ ích hơn.

Quê hương và gia đình luôn là nỗi niềm thương yêu da diết trong thầy. Mỗi lần về quê, đi dọc theo bờ con sông nhỏ, thầy cảm giác thật yên bình. Ngày xưa khi còn nhỏ, thầy nhìn thấy con sông cái lớn rộng mênh mông, đầy cả một trời tưởng tượng. Những ngày mưa, gió to sóng lớn, nhìn con sông thấy mình thật nhỏ nhoi, cảm giác lạ lùng và sợ hãi. Đó là những ngày thơ ấu, khi thầy chưa được nhìn thấy biển, chưa biết biển là gì. Bây giờ, về quê nhìn con sông, thấy như hiểu được từng con sóng, từng cụm lục bình trôi bơ bắt trên sông.

Thầy thỉnh tượng Phật về an vị ở chùa Hải Huệ, buổi lễ an vị Phật rất long trọng, cả xóm Bà Tri vui như có hội lớn. Ôn nghĩa với quê hương thầy lo

chu tất. Mỗi lần về quê vài ngày, thăm gia đình xong là thầy lên chùa ở, góp ý chăm lo chùa chiền. Hàng xóm láng giềng ai cũng quý mến, có điều kiện là thầy sẵn lòng giúp đỡ mọi người.

Người cô của thầy giờ đã là trụ trì ở chùa Phước Thạnh, thầy cũng hết sức quan tâm. Thầy nói: “Mai mốt tôi già, sẽ về đây ẩn tu với cô”. Cô cất sẵn cho thầy một cái thất. Chùa Phước Thạnh có lễ, thầy về chăm lo chu đáo. Cơ sở vật chất chưa khang trang, mỗi lần lễ lớn, thỉnh quý thầy về dự, bao giờ thầy cũng nhường nơi tốt nhất cho khách, còn thầy lên chánh điện nằm ngủ dưới bệ thờ Tổ Đạt Ma, giản dị bình thường như thuở còn là một chú sa di nhỏ.

Nhà có sáu anh em. Tuy xuất gia từ nhỏ nhưng với các em trong gia đình, thầy luôn là người anh cả thân thương nhất. Mỗi đứa em trong nhà thầy đều thăm hỏi quan tâm ân cần lo lắng chu đáo. Thầy là sợi dây kết nối thâm tình, hòa thuận cả nhà. Nhắc đến anh hai là trong mắt tất cả mọi người em đều ánh lên niềm thương yêu kính phục. Việc gì cũng hỏi ý kiến anh hai, việc gì cũng nghe anh hai chỉ bảo. Dẫu không ở nhà nhưng hình bóng thầy phủ trùm tất cả. Tất cả niềm vui hạnh phúc của gia đình đều bắt nguồn, tỏa ra từ thầy.

Với ông bà cụ, thầy là tất cả niềm tin yêu hy vọng của ông bà. Phải xa cha mẹ từ bé, tình thương thầy dành cho cha mẹ dồn dập nhiều lần. Đối với cha mẹ thầy vừa là con trai vừa là con gái. Thầy lo lắng chăm sóc từ việc lớn đến việc nhỏ, từ việc ngoài đến việc trong. Có những buổi trưa, thầy ngồi tỉ mỉ cắt móng tay móng chân cho ông bà, chăm chút thương yêu không kể xiết! Mỗi lần hay tin ông hoặc bà lên thăm, thầy ra cổng chùa đứng đón, đi tới đi lui như đứa trẻ đợi mẹ đi chợ về. Chưa mắc được điện thoại cho ông ở nhà, phải nhờ điện thoại hàng xóm, thầy hẹn ngày giờ gọi điện về thăm ông, không bao giờ thầy quên. Biết lòng thầy thương ông vô tận nên các huynh đệ bạn bè, học trò của thầy cũng thường xuyên ghé thăm hoặc điện thăm ông, thầy luôn dặn dò mọi người phải nhớ giờ ông tụng kinh, đừng làm phân tâm ông lúc tụng kinh lạy Phật. Thầy rất chú tâm tạo mọi điều kiện thuận tiện nhất cho ông bà tu tập tại nhà. Thầy là một tấm gương đại hiếu.

---o0o---

Một ngày để nhớ

Hôm nay Minh Thuận và Huệ Nghiêm thi đậu vào Học viện Phật giáo khóa V. Thầy nảy ra ý muốn chiêu đãi cho tụi nhỏ một bữa để khích lệ động viên tinh thần bọn trẻ. Sống trong chúng, không có không gian riêng, đành phải ra

nhà hàng. Hồi nào giờ thầy chưa từng chủ động đi ăn bên ngoài, nhưng hôm nay thầy mời cả nhóm tăng ni sinh vừa mới thi đậu và thầy Thiện Phát cùng đi. Mấy thầy trò chọn một quán chay lịch sự. Thầy vui vẻ lắm. Nhìn hàng đệ tử của mình bắt đầu trưởng thành, thầy vừa vui nhưng cũng vừa lo. Thầy nói với thầy Thiện Phát, là người có nhiệm vụ phụ trách nhân sự ở văn phòng:

- Vậy là bốn năm nữa tui có hai đứa, thầy có thể sắp xếp cho chúng nó công việc gì đó để chúng có cơ hội phục vụ .

Thầy Thiện Phát cười to, nói đùa:

- Không có xí chõ, dựa hơi “bà con” đâu à nghen! Phải giỏi thì người ta mới tin tưởng chứ.

Mấy thầy trò cùng cười. Thầy bỗng trầm ngâm nói:

- Hồi nào đến giờ thầy sống trong chúng, không nghĩ đến việc nhận chùa. Bây giờ các đệ tử lớn rồi, thầy mới bắt đầu suy nghĩ. Chắc cũng phải có một chỗ để sau này các con ổn định mà tu và làm phật sự.

Trong ánh mắt của thầy thoáng nét âu lo. Đệ tử lớn của thầy là thầy Quảng Long còn đang du học ở Ấn, thầy Hạnh Giác vừa xong Cao đẳng Phật học cũng đang theo học đại học ở ngoài. Minh Thuận, Minh Nhân và Huệ Nghiêm đều còn đi học. Thầy thấy trách nhiệm của mình thật nặng. Đã không nhận đệ tử thì thôi, thu nhận rồi phải lo cho nó đến nơi đến chốn. Thầy cảm thấy mình chưa lo được gì nhiều cho đệ tử ngoài những lời sách tấn khuyên răn bình thường. Mong sao chúng nó biết nghe, đủ phước, ít gặp phải nhiều chướng duyên để đi cho đến đích. Trò phải hơn thầy mới được. Có năm đứa thì cả năm đã học hành tốt. Thầy tạm thấy có chút yên lòng, hy vọng.

Thấy hôm nay thầy vui, Minh Thuận hồn nhiên liếng thoắng:

- Mai một sinh nhật sư phụ, mình lại đi ăn mừng như vậy nữa nghen sư phụ!

Thầy cười, trách yêu:

- Ông thầy là ham bày vẽ lắm đó! – Thầy gắp cho Minh Thuận một miếng thức ăn rồi ôn tồn nói: - Tính con ham hoạt động, tuổi trẻ như vậy là tốt, nhưng phải biết phân bố thời gian hợp lý. Thời gian dành cho học, cho tu không được lơ là, không được “ăn gian” vào thời khóa. Làm phật sự nhiều,

tâm động, nếu không tu để giữ tâm thì sẽ sinh phiền não hoặc chạy theo vọng tưởng luôn. Vọng tưởng gì con biết không? Nếu làm được việc sẽ sinh ngã mạn, nếu làm không được việc sẽ sinh phiền toái cho mình cho người. Tuổi trẻ các con khi làm được việc là dễ quên tu lắm, cứ ỷ lại vào cái phước mà mình tạo được trong khi làm phật sự, coi đó là của hồi môn, bảo đảm cho đường tu. Không nên nghĩ vậy. Phước chỉ giúp cho mình tu hành thuận duyên hơn, chứ phước không đồng nghĩa với tu chúng. Phải tu. Đó là thầy còn chưa nói đến việc đôi khi mình vì sở thích lung tung, lại quơ vào, viện lý do là làm phật sự để thỏa mãn vọng tưởng chạy theo việc ngoài đời. Phải biết nhìn vào vi tế tâm mình mà khiến chúng quay trở lại. Thầy nói vậy con có hiểu không?

Minh Thuận gật đầu lia lịa:

-Dạ con hiểu, con hiểu.

Thầy cười bao dung nhìn đứa đệ tử có chút hảo tướng của mình. Mặt mũi sáng sủa như vậy là thuận duyên nhưng cũng là nghịch duyên đây. Thông minh, học giỏi, tu tốt thì có thể tiến xa, nhưng nếu nhặng ra là cũng dễ bị rất nhiều chướng ma vây lấy. Thầy nói tiếp:

-Hiểu lia hiểu lịa như vậy là còn chưa hiểu hết đó. Con phải ráng giữ lấy mình. Làm gì làm, phải tu chí tử thì mới được!

Cả đám cười vui hòa theo lời thầy: “Phải rồi đó thầy, Minh Thuận là phải tu chí tử mới được!”. Minh Thuận bị mấy huynh đệ chọc quê thì cười đỏ mặt, cúi nhìn xuống đất. Trong lòng chú dâng lên niềm thương thầy vô kể. Chú nhớ mỗi lần ra thăm thầy đều được thầy sách tấn kiểu như vậy. Nhờ đó mà mỗi lần gặp trường hợp tương tự lời thầy răn, chú kịp thời tự điều chỉnh lại mình. Nhẹ nhàng mà sâu sắc, thầy như thấu hiểu từng góc ngách ý nghĩ của từng đứa đệ tử.

Thầy quay qua Huệ Nghiêm, lại nói:

- Còn con - con gái út - cũng vậy nhen! Môi trường ni chúng nghiêm mật, đó là điều kiện tốt để tiến tu. Việc học hành của bên ni các con khó khăn hơn, cần phấn đấu nhiều hơn bên tăng. Con ráng vươn lên. Thầy thương bên ni các con nhiều lắm! Sinh thân làm nữ giới thiệt thòi nhiều. Có phước làm tăng rồi thì ráng cố gắng vượt qua chính mình.

Rồi thầy vui vẻ nói với tất cả:

- Đề nghị của Minh Thuận hồi nãy thầy thấy vậy: Người phương Đông mình không quan tâm ngày sinh bằng ngày mất. Thôi thì bây giờ thầy còn sống, ngày ngày đã có thầy quan tâm nhắc nhở các con. Mai một thầy chết rồi, cứ mỗi ngày đám giỗ, không cần lễ lạt gì cả, chỉ cần ngày đó các con đi ra vài phút, ngồi nhớ lại tất cả những điều thầy dạy, rồi kiểm điểm coi mình đã làm được những gì. Vậy thôi. Vậy là thầy cũng vui rồi.

Bữa tiệc hôm ấy kết thúc thật vui vẻ. Thầy đã lưu lại trong tâm tưởng những người đệ tử trẻ dấu ấn về một bậc thầy không thể nào quên.

---o0o---

Hương sen cuối gió.

Mấy hôm nay thầy thường đi bách bộ quanh hồ sen. Thỉnh thoảng dừng lại nhìn đàn cá bơi lội chung nhau theo bầy dưới hồ. Phải cùng sống chung trong một môi trường, cùng ăn, cùng ngủ, cùng tu, cùng học... những ý nghĩ về một Phật học viện nội trú dành cho tăng ni sinh cứ hiện ra trong tâm tưởng của thầy. Không thể để lâu hơn nữa. Môi trường hiện đại ngày nay có quá nhiều cám dỗ, dễ làm phân tâm những tăng ni trẻ. Sống ở chùa, thời khóa nhiều khi không thích hợp cho việc học hành, khó chuyên tâm vào việc học. Phải có một Phật học viện nội trú với những bước cải cách phù hợp, khoa học và nghiêm mật mới có thể góp phần đào tạo tăng tài cho thế hệ sau. Thế hệ các hòa thượng cao thâm thạc đức lớp trước dần khuất đi mà mảng trống chưa người thay thế. Tăng tài ở giai đoạn lịch sử này trống đi một mảng rất lớn. Phải lập tức ngay từ bây giờ khôi phục để thế hệ sau nhiều khả quan hơn.

Không hiểu sao thầy cứ có cảm giác nôn nao, muốn làm nhanh, thực hiện gấp mọi chuyện. Thầy thấy mình bắt đầu có những biểu hiện của tuổi già. Thỉnh thoảng có những cơn choáng thoáng qua, không biết lý do. Đạo này lại hay mất ngủ. Những đêm trằn trọc, thầy lại nhớ về ông cụ ở quê. Thầy gọi điện về thăm ông thường xuyên hơn. Bà mất rồi, ông lẻ loi quanh quẩn. Phải chi thầy có chùa, đem ông về phụng dưỡng thì tốt biết mấy. Đành vậy thôi, thầy đã chọn nếp sống này rồi, thầy sẽ sống trong chúng mãi. Thương ông lắm nhưng chỉ thỉnh thoảng đón lên ở vài ngày. Thôi thì còn anh chị em lo cho ông. Là người xuất gia, cách báo hiếu hay nhất là báo hiếu theo lời Phật dạy. Ông bà đều hiểu đạo, tuy không xuất gia nhưng là phật tử thuần thành, vậy là đã tốt rồi, thầy cảm thấy yên tâm nhiều, hy vọng kiếp sau ông bà sẽ có một báo thân tốt, có đủ phước duyên làm tăng để tu tập. Thầy nhớ hôm đám tang của bà: Chưa bao giờ làng Mỹ Xương có một đám tang như

thế. Tặng ni phật tử đến dự đông vô kể. Thầy đã hoàn thành nghĩa vụ của một người con. Đám tang được tổ chức hết sức chu đáo dù điều kiện ở quê hạn chế. Thầy cảm thấy được chút an ủi dù có lúc thầy tưởng như mình ngã quỵ. Bà đã ra đi an ổn trong lòng hộ niệm của thầy. Chính tay thầy đã vuốt mắt bà với lời khuyên: “Má đi thanh thản, đừng luyến tiếc, má hiểu Phật pháp rồi phải biết nương theo, cố chuyên lo niệm Phật”... Vậy mà lúc nhập quan cho bà rồi, ngồi lặng lẽ trong một góc lúc nửa đêm vắng khách, nhìn lên di ảnh bà, nhìn mấy cây đèn cây lã chĩa tràn những giọt sáp trắng, rồi nhìn chiếc quan tài trơ cứng, trong đó là di thể người mẹ thương yêu đang nằm một mình đơn độc, cách ly vĩnh viễn với thế giới này, với những người thân... Thế xác kia rồi dần mục nát, không còn gì nữa cả, từ nay căn nhà này không còn má nữa rồi! Thầy cố hít vào thở ra để điều tâm mà sao nước mắt cứ trào! Những giọt lệ của người xuất gia khóc mẹ mới khiến cho người ta đau lòng thấm nhuần chữ hiếu, cảm cái ơn sinh thành dưỡng dục biết bao! Nhìn người trẻ khóc, ta xúc động có thể khóc theo dễ dàng, nhưng nhìn người lớn tuổi khóc, cảm giác ta nghẹn ngào xót xa, đau thắt, khó chịu đến không thể tả được! Thầy ngồi đó, hai hàng nước mắt len lén chảy, rơi thấm dài xuống ngực chiếc áo nâu!... Đám tang bà xong, ông như người đãng trí. Thầy phải để ra nhiều ngày ở bên cạnh an ủi ông. Đạo này ông yếu quá. Thầy cảm thấy mình bất lực thật sự trước cái sanh già bệnh chết của kiếp người. Thầy nghe trong người của chính thầy cũng bắt đầu có sự bất ổn về sức khỏe.

---o0o---

Ngày thứ bảy, 21-7-2002.

Sau một ngày lên lớp - sáng dạy ở trường hạ Phở Đà, chiều giảng bốn tiết ở Vĩnh Nghiêm - thầy rất mệt mỏi. Ngồi sau xe chú Minh Nhân chở về, thầy cảm giác con đường từ Vĩnh Nghiêm về Huệ Nghiêm hôm nay sao mà xa! Cũng xe cộ tấp nập, khói bụi như mọi ngày mà sao thầy nghe ngọt ngọt khó thở quá! Thầy chỉ mong nhanh về để được nghỉ ngơi. Bao nhiêu tấm hình vừa rửa, thầy đã chu đáo ký tên gửi tặng các thầy cô và tăng ni sinh. Chiều nay vừa gửi tặng xong mấy tấm cuối cùng cho các vị ở văn phòng, thầy chợt nhớ vẫn còn một số người mà thầy chưa gửi tặng đủ. Một cảm giác buồn bã kỳ lạ chưa bao giờ có. Đầu cứ nghe ong ong, mặt gay gay sốt. Xe chạy vào cổng Huệ Nghiêm quen thuộc, lối đi này thầy đã đi về mấy chục năm rồi, tự dưng hôm nay sao thầy thấy có điều gì đó nao nao không tả được khi nhìn thấy tháp Phở Đồng đứng lặng lẽ trong chiều. Xe chạy vòng qua, thầy ngoái nhìn lại tháp, bất chợt thoáng qua trong đầu ý nghĩ: rồi sẽ có ngày mình cũng nhập tháp thôi. Mệt mỏi sao kiếp sống con người! Ồ mà sao hôm nay mình

ngĩ cái gì đầu lung tung vậy, thầy lắc lắc đầu cho răn cổ, vừa để bớt đi cảm giác nhức buốt, vừa như để xua những ý nghĩ mông lung của mình. Về đến phòng, thấy thầy Minh Thanh đứng đó. Nhìn nét mặt có vẻ uể oải của thầy, thầy Minh Thanh hỏi:

- Bữa nay thầy bệnh hay sao mà coi có vẻ mệt mỏi vậy?

Thầy đáp qua loa:

- Chắc bị cảm, tôi nghe trong mình hơi mệt.

- Coi thuốc men gì đi – thầy Minh Thanh nói, quay qua đưa mắt ngăm nhắc chú thị giả Minh Nhẫn.

Thầy im lặng đi vào phòng, có cảm giác căn phòng sao mà chật chội hơn mọi ngày. Dù rất mệt, muốn nằm nghỉ ngay, nhưng thầy vẫn gắng đi rửa mặt, thắp cây nhang trên bàn thờ Phật. Nằm nghỉ một lúc, chợt nhớ đến bữa ăn chiều, sợ chi Ninh nhà bếp chờ, thầy đi xuống bếp ăn một ít hủ tiếu rồi lên nằm nghỉ. Những cơn nhức đầu cứ mỗi lúc một nhiều hơn.

Tiếng kiếng đồ báo giờ tọa thiền, âm thanh quen thuộc hằng đêm. Thầy nằm lắng nghe hơi thở mình, nghe trong người thỉnh thoảng lại nhoáng lên những cơn hột hắng như mất trọng lượng, thoáng qua rất nhanh rồi trở lại bình thường.

Sau giờ xá thiền, nghe chú thị giả báo là thấy thầy có vẻ mệt, thầy Minh Thanh xuống hỏi, định đưa thầy đi bệnh viện. Thầy không muốn làm phiền mọi người khi đêm đã khuya, thầy gượng cười, nói với thầy Minh Thanh:

- Chắc không sao đâu, uống thuốc rồi từ từ sẽ hết.

Năm giờ sáng.

Bệnh viện Triều An từ lúc đèn đêm trên đường chưa tắt đã tràn ngập bóng áo lam, áo nâu, áo vàng. Tin thầy bị bệnh nặng (huyết áp cao dẫn đến tai biến mạch máu não) bác sĩ báo là không còn hy vọng cứu chữa đã truyền đi trong đêm làm bàng hoàng các chùa trong thành phố lẫn các tỉnh. Đủ các phương tiện xe từ mọi ngã đổ về. Chưa bao giờ mọi người ở xung quanh bệnh viện Triều An chứng kiến một một cảnh tượng như thế. Khắp trong ngoài bệnh viện đâu đâu cũng có bóng tăng ni. Những gương mặt âu lo, những giọt nước mắt, những giọng nói nghẹn ngào...

Từng đoàn, từng đoàn lũ lượt, tăng ni và phật tử khắp mọi nơi đổ về. Ai cũng muốn gặp mặt thầy lần cuối. Đông quá, không thể giải quyết xuể, đành chỉ sắp xếp cho mỗi đoàn cử một đại diện vào thăm thầy, dù chỉ được vào để nhìn thấy thầy nằm đó! Gương mặt hiền từ phúc hậu, quen thuộc... nhìn đến là đau lòng! Thầy sốt cao, mê man không còn nói được nữa. Thỉnh thoảng trong đôi mắt nhắm nghiền, hai giọt nước mắt trào ra lăn dài xuống... Người cha già của thầy ở quê đã kịp lên, nhưng không ai đủ can đảm báo với ông rằng thầy đang hấp hối!

Không ai tin rằng thầy có thể ra đi vào lúc này. Không! Không thể!!!

Chiếc máy đo nhịp tim vô tri vô giác cứ giảm dần chỉ số báo hiệu!

Không còn tia hy vọng nào nữa, không thể giữ được thầy, mọi người đành quyết định đưa thầy trở về chùa.

Chùa Huệ Nghiêm... 00 giờ 20 phút...

Thầy đã không còn nữa!

!!!

Thầy đã thanh thản ra đi trên chiếc đơn của mình, giữa căn phòng nhỏ trong không gian Huệ Nghiêm quen thuộc suốt ba mươi bảy năm in bóng hình thầy. Nơi này, huynh đệ bao người đã đến rồi đi, thầy vẫn kiên trì ở lại cho đến giây phút chót.

Hơi thở cuối cùng thầy trả cho trời đất, đã tan hòa trong gió Huệ Nghiêm...

Cành hoa huệ trên bàn thờ Phật đột nhiên rơi một bông, nhẹ khê như một giọt trắng, trút chút làn hương dịu dàng thanh khiết sau cùng, quyện vào khói nhang phảng phất.

Tiếng tụng kinh hộ niệm lan thắm từng cành cây ngọn cỏ, từng lối đi, bậc thang, mảnh tường, góc cột; từ các tầng phòng đến các tháp ngoài sân; mặt nước hồ như bỗng đầy hơn, lấp lánh, ngân ngân rung rung như ánh mắt tiếc thương của đất!

Tiếng chuông ngân lên. Tiếng chuông vang xa mấy rồi cũng tắt, để tiếng chuông khác tiếp nối. Tiếng tụng kinh và nước mắt đêm này thì vẫn không ngớt, không nguôi.

Thầy nằm đó. sắc... không... không.. sắc...

Chánh điện. Khói hương lẫn quần bay vòng...

Mấy ngày qua, không biết bao nhiêu là tăng ni phật tử từ khắp mọi miền đất nước và cả ở nước ngoài đã đến lễ tang thầy. Người đến, người về cùng chung một ánh mắt. Hương hoa triền miên dường như bất tận...

Sáng mai là ngày di tiễn kim quan thầy đến nơi làm lễ trà tỳ. Vàng trắng đêm nay ánh sáng lạ lùng muôn nỗi dù bầu trời có thật nhiều mây! Khu vực Huệ Nghiêm rền vang tiếng tụng kinh. Người ngồi khắp mọi nơi, từ chánh điện tràn xuống sân, không cần ghế. Huệ Nghiêm thấp sáng đèn tất cả mọi chỗ trong chùa. Ai nấy chọn cho mình một góc, ngồi lặng lẽ bên gốc cây, băng đá, hành lang, bờ tường... Trên tay là quyển kinh Địa Tạng, chú tâm đọc tụng. Thỉnh thoảng lại có những giọt nước mắt rơi xuống trang kinh! Tiếng nấc nghẹn ngào rung rúc cổ nén mà chốc chốc lại xen vào trong âm ba lời Pháp! Cây bằng lăng sân chùa thả rơi từng giọt cánh mỏng tím, lịm buồn! Hàng dương liễu không màng đến gió, im rữ gục đầu mang nặng những giọt sương.

---o0o---

Tiếng tụng kinh...

Tiếng tụng kinh âm ba cả một vùng. Một không khí không ngôn từ nào, bút mực nào tả nổi! Lâu lâu bắt chợt một cơn gió thốc đến, lật bay bay những trang kinh, cuốn theo âm thanh rền vang ấy rồi đi mất hút.

Thầy cũng đã đi ... rồi!

Dầu còn đây muôn ngàn những bóng áo nâu, nhưng rõ ràng trông vắng làm sao khi một bóng áo nâu vừa khuất!

Bóng áo nâu ấy đã khuất nhưng đã để lại trên đời muôn ngàn những bóng áo nâu...

Bông sen chơn chất thanh khiết trong hồ vẫn nở, hương vẫn tỏa ra ngan ngát dù không còn có gió để mang đi. Hương không đến được với nhiều người nữa, nhưng dầu sao ngọn gió trước đó cũng đã kịp mang đi một ít, rải khắp muôn nơi. Hương tỏa ra lặng lẽ tan vào không khí, dầu không thấy nhưng đất trời vạn vật đã tự nhiên hương.

Thế cũng là đã đủ.

Sắc tức thị không, không tức thị sắc (Bát Nhã Tâm Kinh.)

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15-5-2004

Đồng tác giả:

Thu Nguyệt - Đỗ Thiên Đăng - Thiện Bảo

---o0o---

Phần III: Những bài viết về thầy

- Ngày nay vẫn như là ngày xưa - TT. Minh Thông
- Tình pháp lữ - TT. Thiện Nhơn
- Một nhánh mai còn mãi - NT. Như Hoa
- Khắp trời sen nở - NT. Tịnh Thường
- Pháp lữ không xa - TT. Nguyên Thiện
- Hoa xưa vẫn nở - TT. Tấn Đạt
- Những đợt sóng - Thích Hoằng Dự
- Pháp thân bất diệt - TN. Hạnh Ngọc
- Ân sư - Thích Quảng Long
- Tình huynh đệ - TN. Thánh Tâm
- Còn mãi bóng hình - TN. Chúc Hiếu
- Lời thầy không quên - TN. Huệ Nghiêm
- Tấm gương tinh tấn - TN. Thánh Nhã
- Thầy vẫn quanh đây - Vĩnh Tâm
- Khóc và cười - TN. Diệu Liên
- Người thầy thân thiết bao dung - T. Đức Châu
- Thầy chánh chủ khảo - T. Hạnh Chơn
- Hạnh nguyện lợi tha - Thích Trí Tài
- Hành trang để lại - TN. Tịnh Nghiêm
- Một phong thái ung dung - TN. Nhựt Bửu
- Đòi người & tâm nguyện - Phổ Tâm
- Áo nâu còn mãi - Thích Minh Thuận
- Pháp lữ đạo tình - Trần Quê Hương
- Còn mãi - Ni trưởng Tịnh Hạnh
- Vẫn rất gần - Huệ Hoàn
- Còn đâu! - TN. Tâm Phúc

- Lời thầy vang mãi - Huệ Liên
- Nét buồn - Minh Nhân
- Nhớ nắng ngày xưa - Thích Huyền Lan
- Tang phần - TN. Tâm Huệ
- Hương chân thầy - Thu Nguyệt

---o0o---

Ngày nay vẫn như là ngày xưa

Thỉnh thoảng tôi ngồi thật yên trong căn phòng nửa khuya, đốt nến và trầm lên, rồi một mình uống từng ngụm trà nóng, ấy chính là lúc tôi đang gặp khó khăn từ bên ngoài dồn dập tới. Tôi muốn đối diện với nó thật lâu, thật rõ ràng để tìm cách chuyển hóa. Tôi ngồi đó và thầy Chơn Thanh cũng ngồi đó. Thầy vẫn ngồi đó từ ngày xưa cho đến bây giờ, ánh mắt hiền từ và nụ cười tươi mát vẫn không có chút gì phai nhạt.

Thầy không bao giờ bỏ tôi một mình trong những hoàn cảnh rối ren, khó khăn. Thầy không uống trà đậm như tôi, chỉ cần để thêm chút nước sôi vào cho tách trà dịu nhẹ hơn là thầy có thể ngồi hàng giờ để nghe tôi chia sẻ. Thầy kiên nhẫn lắm. “Thôi kệ ! không sao đâu! Chuyện gì rồi cũng qua.” Đó là câu “thần chú”ù mà thầy vẫn thường “niệm” lên để trấn an cho tôi và cả thầy nữa. Hai huynh đệ cùng thở, cùng uống trà, cùng trở về với nội tâm để có thêm sự vững chãi và kiên định. Có nhiều lúc tôi và thầy ngồi yên lặng cả giờ. Cái không khí im lặng uy nghiêm ấy đã nuôi dưỡng trong tôi biết bao nhiêu niềm thương cảm và nể phục người bạn đồng hành. Có rất nhiều tình thương và lòng bi mẫn trong trái tim thầy. Thầy điềm đạm và nhu hòa quá. Nhiều lúc thầy không cần phải trấn an tôi bằng những lời ái ngữ, mà chỉ cần sự có mặt của thầy thôi là tôi đã cảm nhận được rất nhiều sự bình yên. “ăn cơm có canh, tu hành có bạn”, tôi may mắn được làm anh em sống chung với thầy. Cùng thở, cùng ăn, cùng đi bộ, cùng làm việc... tôi thấy câu ngôn ngữ trên thật là hay, có thật nhiều tuệ giác trong đó. Thầy Quy Sơn có nhiều kinh nghiệm trong đường tu nên khuyên người xuất gia nên chọn bạn một cách thông minh, “thân phụ lương bằng” và “tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận”. Tôi thì không đến nỗi phải đợi đi cuối con đường mới nhận ra giá trị những ngày được sống cùng với một huynh đệ như thầy. Nhiều đêm ngồi soi mình trong gương nguyệt, tôi nhận diện rất rõ ràng sự có mặt quan trọng của thầy trong tôi. Thầy đã đi vào trái tim tôi nhẹ nhàng như một bàn tay ấm áp đặt lên vai giữa đêm đông hành cước một mình. Thầy như một bát canh ngọt

để giúp những hạt cơm khô đi vào một cách dễ dàng và mềm mại. Thầy đẹp và trong sáng như cái tên của thầy vậy.

Bây giờ bên tách trà khuya một mình, tôi vẫn thấy thầy ngồi đối diện đó. Đang sẵn sàng lắng nghe những khó khăn trong nội viện cũng như những nhiều khê ngoài giáo hội. Ngồi càng yên tôi càng nhận được nhiều tuệ giác từ nơi thầy. Sáng hôm kia đi thiền hành, tôi bỗng chợt mỉm cười vì nhớ ra mỗi buổi sáng ngày xưa, hai anh em thường đi bên nhau và trao đổi với nhau nhiều kinh nghiệm tu tập. Thuở ấy, có những câu chuyện mà đến bây giờ tôi mới hiểu hết. Tôi cười vì nếu ngày đó tôi hiểu ra thì chắc là tôi sẽ ít trách hơn về tánh xuê xòa dễ dãi của thầy. Mà nếu có trách, chắc thầy cũng lại cười xuê xòa thôi. Tôi biết không chỉ riêng tôi mới nhận được những năng lượng tươi mát ấy, các thầy, các sư cô đã từng được học và làm việc chung với thầy cũng cảm nhận như tôi. Thầy đi rồi họ khóc nhiều lắm. Họ còn trẻ quá nên có thể họ chưa thấy được hết thầy đã đi vào chính họ như thế nào. Thầy xuê xòa, ít hỏi han ai mà vẫn luôn có mặt bằng nhiều hình thức, chính là đức tánh ưu việt của một người cha như thầy. Nhiều người đã lo ngại cho tôi sẽ vất vả rất nhiều sau khi vắng bóng thầy bên cạnh. Nhưng chỉ có tôi mới hiểu rất rõ là thầy không bao giờ bỏ tôi. Cảm ơn thầy đã làm bạn đồng hành với tôi, đã cho tôi thật nhiều báu vật.

Thầy Thanh ơi! ngày xưa và ngày nay không có gì khác nhau trong con người chân thật của thầy phải không? Thầy đã từng đến đi thông dong, thì sau cuộc phân kỳ tạm bợ này, tôi chắc thầy sẽ có chiếc báo thân đẹp lắm. Thầy không chọn một cõi bình yên để tịnh dưỡng niềm an lạc một mình đâu. Tôi chắc như vậy rồi, tại vì thầy thương tặng ni trẻ lắm. Thầy sẽ tiếp tục có mặt với họ để giúp họ với rất nhiều hoài bão chưa hoàn thành.

Tôi lại đốt nến, xông trầm và rót trà ra. Khi viết về thầy với những dòng tâm sự này, tôi biết thầy cũng cười xòa và trách tôi không chịu nói một lần trước mặt để thầy có thêm năng lượng vì cuộc đời tu của thầy cũng lắm nỗi gian truân, vất vả. Thầy hiểu tánh tôi kín đáo mà, như lần này, tôi cũng không muốn viết về thầy như vậy đâu. Tôi ý thức được ngôn từ không đủ diễn tả hết tình huynh đệ đẹp đẽ của chúng ta. Tôi muốn để tự nó tinh khôi như bản chất thật của nó, nhưng không viết không được, các thầy và các sư cô trẻ rất muốn tôi chia sẻ những tâm tình này để họ hiểu thêm về thầy, về những người mà họ yêu kính.

Có những chuyện bây giờ mới rõ, nhưng mà ngày nay vẫn như là ngày xưa, không hề khuyết giảm như vàng trắng phải không thầy?!

Tách trà thơm này không đắng lắm

Thầy uống đi rồi thử cùng tôi

Kìa chiếc lá mang mùa xuân tới

Bây giờ, ngày ấy vẫn đầy thôi.

TT. Thích Minh Thông

---o0o---

Tình pháp lữ

Ngày 15/02/1965, tôi và thầy Chơn Thanh cũng như các học tăng khác từ các nơi tập trung về Phật Học viện Huệ Nghiêm dự thi tuyển vào khóa II của Phật Học viện. Thầy thi từ Phật học đường Phổ Quang Gia định đến, Tôi thi từ Phật học đường Lương Xuyên- Trà Vinh lên, tất cả cùng một chí hướng, một mục đích và một ước nguyện là thi đậu vào Phật học viện. Kết quả, thầy thi đậu lớp Sơ Trung 2, tôi thi đậu vào lớp Sơ Trung 1.

Thuở ấy, Phật học viện Huệ Nghiêm còn thanh vắng, về cơ sở chỉ có ba dãy nhà tiền chế cấp 1, dãy giữa dùng làm chánh điện, hai dãy hai bên đông, tây dùng làm thư viện, phòng học cho lớp Sơ trung, Cao trung Phật học, chưa xây dựng dãy nhà ba tầng cũng như chánh điện hiện nay. Khu Tăng xá chỉ có hai dãy nhà tole, gọi là khu A và khu B. khu A gồm dãy nhà dài 10m, chia làm hai phòng dành cho chúng Mã Minh và chúng Long Thọ. Dãy nhà B dài 20m, chia làm bốn phòng, dành cho bốn chúng: Vô Trước, Thế Thân, Liễu Quán và Nguyên Thiều. Thầy thuộc chúng Long Thọ, tôi thuộc chúng Thế Thân. Tuy nhiên, hằng ngày đều gặp nhau trong những giờ học tập, thọ trai và hội họp. Tất cả chúng tôi sống chan hòa, hồn nhiên, trong tình đạo bạn ở lứa tuổi mười lăm mười sáu của cuộc đời tu sĩ, học tăng. Chúng tôi lại được sự đùm bọc và giáo dục của quý hòa thượng: hòa thượng Bửu Huệ, hòa thượng Thiên Tâm, hòa thượng Thanh Từ và nhiều chư tôn đức khác trong Ban Giám đốc và Ban Giáo thọ của viện.

Trong chương trình học, hai lớp chúng tôi được học ngoại điển tại viện, Ban giám đốc mời giáo sư trường Bồ Đề Chợ Lớn, Sài Gòn vào dạy xen kẽ chương trình Phật học vào buổi sáng và buổi chiều. Khác với những chúng khác như Vạn Hạnh, Huyền Trang phải đi học ở trường Bồ Đề Chợ Lớn, Sài Gòn.

Đến năm 1968, sau khi hoàn tất chương trình Trung Đẳng IV, tương đương Trung học đệ nhất cấp, để thực hiện chương trình trao đổi tăng sinh của Tổng vụ Giáo dục và Phật học vụ nhằm tạo sự cảm thông và hiểu biết lẫn nhau giữa tăng sinh các Phật Học viện và tăng sinh các tỉnh vì thế tôi tạm xa thầy để theo học tại Phật học viện Trung Phần- chùa Hải Đức Nha Trang. Còn thầy thì tiếp tục theo học chương trình Trung Đẳng chuyên khoa tại viện.

Thình thoảng nhân dịp nghỉ hè, nghỉ tết, về thăm lại Sài Gòn, đến thăm trường xưa, cảnh cũ, thăm thầy, thăm chúng, thầy thường nhắn nhủ: “Có đi đâu thì đi, nhưng rồi cũng về cảnh cũ (tức Huệ Nghiêm), nhất là cần theo học chương trình chuyên khoa Phật học, mới giữ gìn được Phật chất thiện căn sâu dày, bảo đảm được đường tu trong đời này và đời sau như hòa thượng giám đốc hằng mong ước”. Lời nhắc nhở của thầy góp phần tăng thêm sức mạnh, động viên, thôi thúc cho sự trở về nguồn của tôi. Do đó năm 1971, sau khi tốt nghiệp tú tài 2, cũng đúng vào thời gian thành lập Viện Cao Đẳng Phật học và khai giảng khóa đầu tiên, tôi quyết chí trở lại Huệ Nghiêm, theo học chương trình Cao đẳng Phật học thay vì theo học Phân Khoa Phật học thuộc Viện Đại học Vạn Hạnh như những thầy cùng khóa.

Trong thời gian tại viện, dù bận nhiều công tác, học tập của viện, cộng thêm tôi lại theo học chương trình cử nhân tại đại học Văn Khoa Sài Gòn, (nay là trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM). Tuy nhiên, tôi cũng cùng thầy tham gia đoàn giảng sư Trung Ương của Tổng vụ Hoàng pháp – GHPGVNTN, do hòa thượng Thích Huyền Vi lãnh đạo. Hằng tháng chúng tôi đều có đi thuyết pháp, giảng dạy tại một số tỉnh miền Tây, miền Đông ...

Đặc biệt trong những lần họp kiểm điểm về ưu, khuyết điểm trong công tác thuyết giảng, thầy đã chân thành phát biểu, nhận xét về tôi: “Thầy Nhơn có bốn nhược điểm: Một là: khi giảng thường ngó lên trần nhà, không nhìn thính giả. Hai là: giảng nhanh quá, có lúc thính chúng không nghe kịp. Ba là: còn hơi ngượng ngập, cử chỉ chưa được tự nhiên, thiếu điệu bộ. Bốn là: giảng hơi cao, đôi khi không hợp trình độ đại chúng”.

Chính những nhận xét phê bình chân tình của thầy, mà tôi cố gắng khắc phục trong suốt thời gian hơn 30 năm để công tác thuyết pháp, giảng dạy có hiệu quả tốt hơn. Quả thật, như Kinh Pháp Cú nói : “Ai phê bình ta, mà phê bình đúng là bạn ta”. Kỳ thực, thầy không những là bạn mà còn là bậc thầy nữa. Do đó, thời gian sau này, khi tham gia công tác hoàng pháp của GHPHVN, thầy được phân công đặc trách Giảng sư đoàn, phụ trách môn

Phương pháp diễn giảng, và làm giám khảo những kỳ thi diễn giảng, thực tập diễn giảng v.v... góp nhiều công sức cho sự nghiệp đào tạo hàng trăm giảng sư, giảng sinh cho Giáo hội.

Tôi còn nhớ, năm 1971 -1972, trong chương trình đi xây dựng cơ sở hạ tầng của Giáo hội tại Bình Dương và Bình Long, thầy đã tỏ ra lịch thiệp và tinh tế trong khi ứng xử, giải quyết nhiều vấn đề khúc mắc, đặc nhân tâm mà tôi không làm được, dù là cùng trang lứa và trình độ như nhau. Quả thật, như người xưa nói: “Trong ba người cùng đi nhất định là có một người làm thầy mình”. Học là một chuyện, khả năng là một lẽ, nhưng cần phải có phúc tướng, đức độ và những kinh nghiệm trong xử thế, tế nhị trong giao tiếp, nhạy bén khi gặp việc, sống hài hòa, hoan hỷ với nhau... đó chính là những yếu tố góp phần thành công trên đường hóa đạo. Điều này thầy đã đạt được khi còn ở trong chúng, trong trường, cũng như khi công tác tại địa phương và trung ương, đều được chư Tôn đức giáo phẩm, tăng ni phật tử gần xa kính mến.

Sau ngày miền nam giải phóng. Thực hiện chương trình Về Nguồn, nhập thất tịnh tu của hòa thượng viện chủ, với tư cách là Ban lãnh chúng, thư ký của viện, thầy rất thông cảm cho tôi vì còn bận nhiều công tác phật sự Giáo hội, giảng dạy tại các trường phật học, nên đã dành nhiều ưu tiên, sắp xếp chương trình, thương lượng, thay đổi người cho tôi được nhập thất vào những dịp nghỉ hè, nghỉ tết, nhờ vậy mà tôi hoàn thành được hai mặt tịnh tu và công tác phật sự cho Giáo hội trong thập niên đầu của lịch sử mới sang trang, Giáo hội mới thành lập. Có những lúc thầy tâm sự: “Bồng em thì khỏi quét nhà, rửa chén thì khỏi nấu cơm” đó là trách nhiệm của mỗi người để cùng chung lo cho nhau được an tâm tu học, thực hiện chương trình trở về cảnh cũ, mà hòa thượng viện chủ hằng áp ủ, để từ đó tạo cho Huệ Nghiêm có những nét đặc thù, một tu viện nổi tiếng ở miền Nam lúc bấy giờ.

Khi Trường cơ bản Phật học TP.HCM được thành lập năm 1988, dù ở cách xa hơn chục cây số, nhưng hằng tuần, bằng phương tiện xe buýt, xe lam, nhờ người chở hộ... (vì thầy không biết chạy xe gắn máy), thầy vẫn thường xuyên đến trường giảng dạy trong suốt chương trình, hơn ba khóa, gần 15 năm không hề bỏ lớp.

Sáng thứ bảy (21/07/2002), tôi gặp thầy tại Văn phòng 2 TWGH. Thầy đến thăm sau chuyến tôi tháp tùng phái đoàn GHPGVN thăm Hội Phật tử Việt Nam tại Pháp, và Thiền viện Trúc Lâm ở Paris. Tôi đã tặng một bút máy, một tháp Eiffel, một Khai hoàn môn là những biểu tượng của nước Pháp mà

tôi mang về. Thầy nhận quà với vẻ mặt đượm buồn. Tôi thắc mắc không biết trong thời gian mười ngày vắng mặt, ở trong nước có việc gì bất trắc xảy ra với Giáo hội, Thành hội hay cá nhân mà thầy có những biểu hiện không bình thường như vậy? Tôi dự định tìm hiểu, nhưng rồi việc gì đến đã đến....

Chiều thứ bảy cùng ngày, Tôi gặp lại thầy ở Văn phòng Trường Cao trung Phật học TP.HCM – chùa Vĩnh Nghiêm, hôm ấy thầy có vẻ rất mệt vì buổi sáng đã dạy cho trường hạ chùa Phổ Đà, chiều 2 giờ đầu dạy cho trường hạ Vĩnh Nghiêm, 2 giờ sau giảng cho lớp Ni – Cao đẳng Phật học. Do đó, khi nhân chuông vào lớp, Thầy mệt mỏi nói với cô thị giả: “ Thầy mệt quá, nhưng cố gắng dạy cho xong”. Khi tan trường, thầy về, tôi tiễn thầy tại bậc thềm của văn phòng nhà trường, lúc ngồi trên xe Honda do đệ tử chở, khi xe nổ máy và bắt đầu chuyên bánh, thầy còn nói vọng giã từ : “Tôi về nghe thầy Nhơn”. Không ngờ chữ về ấy mang nhiều ý nghĩa. Về chùa Huệ Nghiêm, hay về cảnh cũ quê xưa, Niết Bàn vô tung bất diệt?

Bốn giờ sáng chủ nhật, một cú điện thoại do thầy Thiện Tánh gọi đến báo: “Anh có hay gì không? Anh Chơn Thanh bị tai biến mạch máu não sắp đi rồi, đang ở phòng cấp cứu bệnh viện Triều An”. Tôi buông ống nghe xuống, bàng hoàng đi đến bệnh viện Triều An. Một cảnh tượng đau lòng diễn ra trước mắt: chung quanh là những tăng ni sinh, phật tử với những dòng nước mắt, buồn thương, thất vọng!

Thế rồi đến 00h 20 ngày 13/6 âm (23/07/2002) thầy thu thần viên tịch. Thế là hết! Sự ra đi của thầy quả là một sự tổn thất to lớn đối với Giáo hội và Thành hội Phật giáo TP.HCM với tăng ni phật tử trong và ngoài nước, bây giờ và cả sau này!

Ngày tiễn đưa kim quan thầy đến đài hỏa táng Bình Hưng Hòa, cũng chính là ngày lễ húy kỵ lần thứ 5 cố hòa thượng Thích Thiện Hào, phó chủ tịch thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, Trưởng ban Thành hội Phật Giáo TP.HCM, hòa thượng khi còn sanh tiền rất mến thương thầy và tạo nhiều điều kiện cho thầy thăng tiến. Kinh nghiệm cho thấy gần 15 năm công tác tại Văn phòng Thành hội Phật giáo, hôm nào vắng mặt thầy, hòa thượng đều nói: “Văn phòng ngày nào mà không có Chơn Thanh, xem như thiếu một cái gì đấy ...”. Quả thật, thầy là một hạt nhân thu hút được mọi nguồn năng lực, là ánh sáng chan hòa giữa tất cả mọi người, mọi dị biệt về tư tưởng và thành phần. Thầy là chất keo tạo sự đoàn kết hòa hợp trong Giáo hội và Thành hội Phật giáo. Thầy mất đi khó tìm lại được một người như thầy. Quả thật, như

Trí Bảo Đại sư đã nói : “Quen nhau đầy đầy trong thiên hạ, còn bạn tri âm có mấy người”.

Thế là thắm thoát hai năm đã đi qua. Bao ký ức, tiếc thương vẫn còn đọng lại vẹn nguyên trong tâm tưởng. Nay nhân ngày lễ đại tường của thầy, tôi xin ghi lại đôi dòng chân tình và thắm khấn nguyện như Tổ Quy Sơn đã dạy :

Dù sinh bất cứ nơi đâu

Mối tình Pháp lữ khắc sâu đời đời.

TP.HCM ngày 23 - 04 - 2004.

Pháp hữu Thích Thiện Nhơn

---o0o---

Một hành mai còn mãi

Đành rằng cuộc thế vô thường, thăng trầm luân chuyển. Dòng sinh diệt thay đổi liên tục không ngừng, sinh ly tử biệt là lẽ tức sắc tức không, nhưng hôm nay trước án hương trầm quyện tỏa, chúng con không khỏi thôn thức bàng hoàng.

Kể từ nay giáo hội vắng bóng vị đạo cao đức trọng, hàng tăng ni mất đi một bậc giới đức vẹn toàn, đạo tràng vắng bóng vị cao tăng có đức tánh vô ngã vị tha...

Ngài là vị tứ chúng trung tôn khoan dung đại lượng, đức nhu thuận sáng ngời, đã hy sinh trọn đời vì đạo pháp. Ngài thể hiện tinh thần Bi, Trí, Dũng... luôn luôn quan tâm việc đào tạo thế hệ tăng ni, duy trì mạng mạch Như Lai, giữ vững sức sống tăng đoàn, thấp sáng nguồn tâm, mặt trời trí tuệ...

Năm mươi năm hòa quang đồng trần trên nhơn thế như một cánh nhận bay qua dòng sông, giữa bầu trời xa thẳm. Thượng tọa đã đến và ra đi, âu đó cũng là cái thực tướng so với ảo tướng như cảnh mai đêm qua của Mãn Giác thiền sư vẫn nở trong sân khi xuân tàn hoa rụng.

“Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
đình tiền tạc dạ nhất chi mai”

(Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một nhành mai).

Ni trưởng NHƯ HOA.

---o0o---

Khắp trời sen nở

*Trụ thế năm mươi ba xuân
Độ đời hằng chuyển pháp luân mọi miền
Đến đi tự tại an nhiên
Lìa thân như huyễn cõi thiên thông dong.*

Thâm thoát đã hai mùa trăng tháng tám, những hàng cây chôn tổ Huệ Nghiêm vẫn chưa thôi ủ dột, thương tiếc thầy vội vã ra đi, các giảng đường Phật học như còn vắng vắng âm ba mưa pháp của thầy, bàn làm việc tại các văn phòng giáo hội vẫn như thiếu vắng một bóng người không ai có thể hoàn toàn thay thế được. Ngoài ra nữa, bao hạ trường cùng đạo tràng tu Tập Thiện và Bát Quan trai... tất cả cũng cảm nhận không thể quên thầy - bậc đạo sư thân thương, hiền hòa dung dị.

Vội vã mà thật an nhiên, thầy đã vĩnh viễn ra đi để lại bao nhớ tiếc cho đời, hàng hậu học, thiếu một người thầy anh minh dìu dắt. Cả chúng xuất gia lần tại gia còn đang chơi vơi giữa đôi bờ sanh tử, hướng về ân sư các pháp lữ đều thốt lên nỗi niềm luyến tiếc khôn nguôi.

Ngẩn ngơ trước cảnh vô thường

Hiểu mà vẫn thấy đau thương ngút ngàn

Trong thâm tình linh sơn cốt nhục, ai trong chúng ta không kính thương tưởng nhớ về thầy, bậc chân tu đạo hạnh cao dày, xứng ở ngôi chúng trung tôn của đức Từ Phụ. Cả cuộc đời Thầy là tấm gương tận lòng phụng sự, vì Phật Pháp trường tồn và tặng chúng an hòa, vì nhu cầu giải thoát giác ngộ của kẻ hậu học, thầy đã lăn bánh xe chuyển pháp, với những tháng năm dài không mỏi mệt. Dưới mỗi bước chân thầy đạo đi hoằng hoá, từng cánh sen

hồng nở thắm, tô đẹp mọi miền. Theo mỗi lời thầy tuyên, Phật pháp sâu màu, hương giải thoát nhẹ nhàng lan tỏa, huân ướp niềm an lạc mọi nơi.

Để tỏ lòng kính quý và tiếc nhớ thầy - bậc ân sư khả kính, chúng ta hãy gạt đi mọi sầu thương bi lụy thường tình, giữ trong lòng từng lời, từng ý pháp thâm sâu, tôi luyện thành chất liệu an lạc trạm nhiên, hầu nối gót thầy trên hành trình phổ độ. Hãy tỏa rộng tấm gương đạo hạnh của thầy đến khắp nơi mọi chỗ, cho hoa sen đua nở ngập trời, chuyển Ta Bà thành cõi Tịnh an vui, ấy cũng chính là bản hoài của mười phương chư Phật vậy.

Ni Trưởng Tịnh Thường

---o0o---

Pháp lý không xa

Sự hiện hữu của thầy là một dấu ấn sâu đậm vượt thoát thời gian trong lòng tăng ni Phật tử. Thầy là một nhà mô phạm sống một đời gương mẫu, giản dị tràn trề tình thương và rộng lượng nhân từ. Thầy đã thể hiện tinh thần vị tha, trong sáng. Những lời giảng dạy của thầy đã đi sâu vào tâm thức bao thế hệ học trò, tạo nên một ấn tượng không nhỏ trong đời sống tu tập của họ.

Lần cuối cùng gặp thầy trong sự tĩnh lặng, trong khoảnh khắc của thời gian bất động, trong sự xúc động thầm kín. Giây phút ấy, thầy đang thuyết pháp bằng ngôn ngữ vô thanh, nhưng làm cho mọi người tỉnh ngộ, tiếp xúc được với thầy qua hiện tượng vô thường, vô ngã, cái bất sanh bất diệt của tự tánh Niết bàn muôn thuở.

Trở về ký ức trong giao thoa màu nhiệm, những gì tôi biết và hiểu về thầy, tất cả giờ đây hiện hữu như nắng sớm mùa thu, như cánh hoa vàng của thiền sư Mãn Giác. Tôi không cần phải tìm hình hài thầy nơi quá khứ, vì thầy vẫn luôn đang hiện hữu tồn sinh thì tại sao tôi phải ngậm ngùi thương tiếc? Nhớ nhung thương tiếc là ảo vọng của dòng đời trôi chảy, như dòng suối về gặp đại dương, như bông hoa khoe sắc thắm. Con người sở dĩ đau khổ vì chưa hiểu rõ được bản thể của cái sanh và cái diệt, giác ngộ được tự tánh vô thường là Niết bàn, thì vượt thoát được phiền não khổ đau.

“Túy trúc huỳnh hoa phi ngoại cảnh

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn thân”.

Trúc biếc hoa vàng đầu cảnh khác, trắng trong mây trắng đều là bản thể. Thầy đã trở về với tự tánh bất sanh bất diệt, thầy đã đạt được hạnh phúc tối thượng (tịch diệt vi lạc). Nhưng vì quá thương thầy, nên mọi người đã bao lần nhắc đến chuyện tử sinh. Kỳ thật thầy đang hiện hữu trong lòng mọi người từ vô thi đến vô chung.

Tưởng nhớ thầy, những người còn lại phải thực hiện con đường hoằng pháp, thực hiện ước mơ và hoài bão mà thầy để lại cho sự nghiệp hoằng pháp.

Trong khi viết những dòng hoài niệm này, tôi xin nghiêng mình kính cảm. từ nơi cõi lòng sâu thẳm tôi như thấy thầy đang thông dong nơi cõi Niết bàn.

Pháp đệ : Thích Nguyên Thiện

---o0o---

Hoa xưa vẫn nở

Tôi làm sao có thể quên được bao kỷ niệm trong những ngày đầu xuân. Năm nào cũng vậy, một số anh em trong ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội thường tổ chức đi khánh tuế và chúc tết chư tôn đức. Đến chùa Huệ Nghiêm luôn thầyĩ đón tiếp nồng hậu. Ngoài những lời trao đổi thân mật, tôi còn nhớ một câu thật mộc mạc nhưng chứa đầy tình cảm: “Tôi thì ăn tết đơn giản như thế, nhưng anh em đến tôi cũng có chút gì để mừng tuổi với nhau”. Rồi thầy lì xì cho mọi người và cầu chúc: “Chúc cho quý thầy luôn an lạc và thành tựu mọi Phật sự”. Lời chúc bình thường cũng như mọi lời chúc nhưng tấm lòng của người chúc thì thân ái thiết tha và nhiệt thành khiến người được chúc cảm nhận được sự thân tình. Phong thái cởi mở, đĩnh đạc và cung cách tiếp đón hòa nhã của thầy đã mang lại cho chúng tôi niềm vui tươi tắn của ngày xuân. Vườn hoa kiểng chùa Huệ Nghiêm đẹp hơn trong mắt mọi người cũng nhờ có thầy. Cứ mỗi lần đến chúc tết là mỗi lần thầy đưa đi xem, nói chuyện, giải thích và chụp hình lưu niệm. Ở chùa đa đoan công việc, ngày tết chúng tôi bận nhiều, ít có dịp đi ra ngoài như mọi người, chỉ đến khi đi chúc tết thầy mới có điều kiện thả lòng chiêm ngưỡng hương sắc mùa xuân của trời đất. Thầy đã khéo nhắc chúng tôi quay về với thực tại hồn nhiên sau những giờ đa đoan Phật sự. Tôi bỗng thấm thía hơn lời kinh Mangala Sutta:

Khi xúc chạm việc đời

Tâm không động không sầu

Tự tại và vô nhiễm

Là phúc lành cao thượng.

Vườn hoa Huệ Nghiêm mỗi lần xuân đến vẫn vô tư khoe sắc an nhiên, thầy đã đến và đi cũng an nhiên tự tại, nhưng chúng tôi – những người ở lại – vẫn không thể nào nguôi lòng nhớ tiếc mỗi khi nhắc đến thầy.

TT.THÍCH TẤN ĐẠT

---o0o---

Những đợt sóng

Quyển Thành Thật Luận nằm trên kệ sách lúc nào cũng như một ánh mắt cứ dõi theo tôi. Từ ngày TT. Chơn Thanh viên tịch, tôi được BGH trường phân công dạy thay môn này. Tôi cảm thấy một áp lực nặng nề đè nặng. Mỗi lần cầm đến quyển kinh, tôi thấy lòng nặng trĩu, không biết rồi mình có làm tốt được công việc còn lại này của thầy hay không?. Đối với tăng ni sinh, thầy như một vòm trời bao la tin cậy, sẻ chia và che chở. Thầy để lại cho họ nhiều ấn tượng quá, thầy choáng ngợp lòng họ, bao phủ họ bằng những tình cảm vô bờ. Hơn nữa, giờ đây, lòng tiếc thương của họ dành cho thầy vẫn chưa phai...tất cả đều như mới hôm qua...

Ngày trước, tôi bước lên bục giảng bằng tất cả thành quả của những năm miệt mài đèn sách, tinh tấn tu học; tôi giảng bài cũng bằng tất cả sự thao thức, lòng nhiệt huyết của tuổi trẻ mình. Nhưng qua nhiều năm truyền đạt, tôi chợt giật mình, nhìn lại học trò, họ không như mình tưởng, sự thu thập giáo lý của họ có khác với những suy nghĩ của mình. Từ đó, tôi thường quan tâm nghiên cứu cách giảng của các vị giảng sư khác, hầu có thêm kinh nghiệm cho sự nghiệp giảng dạy của mình.

Thượng tọa là vị thầy tôi thọ giáo đầu tiên khi bước lên bục giảng. Thầy đã ân cần chỉ bảo nhiều điều hay cho tôi: “...Dạy Phật học không phải như thế học, một vị thầy Phật học không cần chờ đợi kết quả của học trò sau 10 năm, 20 năm mà phải thấy kết quả ấy trong từng ngày, từng tháng, từng năm. Vì vậy người thầy phải hoàn thiện mình trong từng giây, từng phút nơi lời nói, hành động và suy nghĩ, nơi thân giáo, khẩu giáo và ý giáo. Có điều tôi muốn nhắc nhở quý thầy, người tu mình cần nhất là ở thân giáo và ý giáo; như vậy sự trao nhận giữa thầy và trò mới sâu sắc, hiệu quả”.

Tôi lắng nghe một cách chân thành, cảm thấy thầy thật gần gũi. Từ lần ấy, tôi hay tư vấn thầy trong việc giảng dạy, hoặc điện thoại, hoặc gặp trực tiếp. Lần nào, tôi cũng cảm thấy mình như được sáng ra, tháo được những gút mắc trong đời sống nội tâm. Bên thầy, tôi cảm nhận sự bình an, nương tựa. Năng lực toát ra từ thầy khiến tôi nhẹ nhàng hơn giữa cuộc đời đầy sự phức tạp, rối rắm.

Tôi lật từng trang giáo án Thành Thật Luận, chợt nghiệm ra rằng mỗi cuộc đời là những trang màu nhiệm. Cuộc đời thầy cũng tựa như một quyển kinh, rất nhiều điều hay mà chư tăng ni và phật tử đã đọc được và đang áp dụng vào cuộc sống tu tập hằng ngày của họ.

Môn Thành Thật Luận tôi đã vinh dự thay thầy truyền đạt cho các tăng ni sinh, tạm xem như đã hoàn tất. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Cám ơn thầy đã gia bị cho tôi và những tăng ni sinh hoàn thành việc dạy việc học..

Tôi thấy mình là lớp sóng sau thầy. Những lớp sóng dập dờn nối đuôi nhau. Thầy như lớp sóng trước, tôi là lớp sóng sau, và những tăng ni sinh mà thầy và tôi dốc lòng truyền trao giáo pháp là những lớp sóng sau nữa. Những đợt sóng cứ như thế nối tiếp nhau trên mặt biển. Tất cả rồi cũng có ngày về đến bến bờ giải thoát an vui.

Thích Hoằng Dự

---o0o---

Pháp thân bất diệt

Vẫn biết tử sanh là cửa ngõ ra vào, là trò chơi cút bắt, là định luật tất nhiên, không một ai trốn tránh được, nhưng sao lòng chúng con vẫn quá ngậm ngùi..

Chúng con hạnh phúc biết bao vì đã có những ngày được tiếp thu lời pháp nhũ ân cần của Thầy. Bây giờ thì đâu còn nữa, thầy đã ra đi, chúng con biết rằng sự đến đi của thầy là tự tại vì nguyện lực độ sanh mà thầy hiện hữu cõi Ta Bà, mãn duyên Thầy trở về bảo sở. Nhưng chúng con còn là phàm phu tu tập làm sao chúng con không đau thương kính tiếc bậc thầy đã ban cho hàng tứ chúng tấm lòng từ bi – hỷ xả, trí tuệ soi đường để cho chúng con khỏi bị sai lầm lạc lối trên con đường tu tập.

Lời nào mà nói cho cùng! Bút mực nào mà diễn tả cho tận nỗi niềm đau thương và tấm lòng tri ân của chúng con đối với thầy. Chúng con nghĩ rằng tuy thầy không còn nữa, nhưng pháp thân thầy vẫn bất diệt với thời gian và hình ảnh thân thương của thầy vẫn còn mãi trong tâm niệm của đại chúng trong các đạo tràng tu tập chánh pháp Thế Tôn.

Xác thân huyền giả tiêu tan

Pháp thân vẫn ở thế gian muôn đời

TN. HẠNH NGỌC

---o0o---

Ân sư

Ngày tôi còn nhỏ ở chùa Minh Đức tại xã Suối Hiệp, Nha Trang, Ni sư có nói sau này lớn lên sẽ gửi cho thầy Chơn Thanh, thế là tôi bắt đầu khởi lên ý niệm có thầy từ thuở ấy. Tôi ao ước cái ngày đó lắm và đã nhiều lần nhắc, xin với Ni sư: “Thầy cho con vào trong nam để theo thầy Chơn Thanh tu học”.

Mùa thu 1983 tôi theo Ni sư vào Sài Gòn để đánh lễ Thầy. Lần đầu tiên gặp thầy nhưng tôi có cảm giác như đã từng gặp thầy ở đâu đó rồi. Thầy đẹp lắm, tướng mạo uy nghi đỉnh đạc, khả kính; giọng nói từ hòa trầm ấm. Thầy mặc bộ đồ vạt khách màu lam, đeo kiếng trắng, ngồi nơi bàn viết với xấp tài liệu Kinh Thập Thiện mà thầy biên soạn để dạy các trường Cơ Bản. Thầy bảo muốn vào học các Phật Học viện thì ít nhất cũng phải học hết những bộ Hán văn như Tam Thiên Tự, Thiên Lâm Bảo Huấn.v.v... Tôi đem quyển sách Tam Thiên Tự về Long Thành và học theo lời chỉ dẫn của thầy.

Lời thầy sách tấn vẫn còn hiển hiện trong tôi như kim chỉ nam định hướng trong cuộc đời tu hành của mình. Thầy thường dạy: “Chỉ sợ mình không đầy đủ tài đức và tu hành giới luật, chứ đừng nghĩ mình không làm được gì để phục vụ chúng sanh”. Thầy hoạt động Phật sự hết lòng, từ công việc Giáo hội, đến công việc giảng dạy các lớp giáo lý cho tăng ni và Phật tử, công việc nào thầy cũng tận tâm.

Công việc bận rộn nên mỗi năm tôi chỉ hai lần vào đánh lễ thầy vào dịp sau khóa An Cư và Tết Nguyên Đán. Mỗi lần gặp thầy tôi luôn có cảm giác là mình có lỗi bởi sự lơ là, “bất hiếu” của mình đối với ân sư. Vậy mà thầy thì

bao giờ cũng bao dung, độ lượng. Thầy luôn từ tốn ôn hòa khuyên bảo, nhắc nhở tôi những điều cần thiết trong đời sống tu tập. Những lời dạy bảo rất nhẹ nhàng, bình dị, nhưng đến khi gặp chướng duyên, vấp ngã trong đời, thì những lời ấy lại như bàn tay từ phụ, có mặt kịp thời nâng tôi đứng lên.

Những ngày đi học xa, mỗi lần về nước, đến thăm thầy, tôi có cảm giác như mình vừa mới gặp thầy hôm qua đây thôi. Thầy bao giờ cũng vậy, vẫn ánh mắt và giọng nói từ hòa không bao giờ thay đổi.

Vẫn biết rằng vô thường lão bệnh là quy luật tất yếu kiếp nhân sinh, nhưng một phàm tăng như tôi thì làm sao tránh khỏi những bi lụy nhân thế. Tôi thấy quá tủi thân và cảm giác mình luôn có lỗi với thầy. Ngày xưa Ngài A Nan dẫu sùi sụt khóc tiễn đưa nhục thân của Đấng Từ Phụ vào cõi Vô dư Niết Bàn nhưng Ngài còn có niềm an ủi là đã bao năm được theo hầu bên đức Phật. Ngày nay tôi vô phước, chưa được chăm sóc thầy bao nhiêu, những giây phút cuối đời của thầy tôi lại không có mặt! Là người đệ tử đầu tiên mà thầy nhận chăm lo sách tấn, thầy đã dành cho tôi biết bao lời dạy bảo ân cần, đặt ở tôi nhiều mong ước mà tôi chưa kịp làm gì để đền đáp công ơn, chưa kịp chứng tỏ điều gì để thầy có chút an tâm về một người đệ tử ... Vậy mà thầy đã ra đi.

Ngôn ngữ trần gian cũng có sự giới hạn của nó nên không thể diễn tả hết được những điều muốn nói. Chỉ biết rằng từ nay trên con đường gian lao trước mặt, hình ảnh, những lời dạy bảo của thầy sẽ luôn có mặt bên tôi, nâng đỡ, chỉ lối và động viên, truyền sức mạnh cho tôi noi tấm gương thầy tu học và hoằng hóa.

Thích Quảng Long

---o0o---

Tình huynh đệ

Tết nào cũng vậy, nhóm tăng ni sinh trường trung cấp Phật học khóa III chúng tôi đi đánh lễ chư vị tôn túc trong ban giám hiệu và ban giảng sư.

Như thường lệ, tết năm Nhâm Ngọ, đúng với câu: “mồng một tết cha, mồng ba tết thầy”, chúng tôi hẹn nhau cùng đến tổ đình Huệ Nghiêm. Ngọn gió mang đầy hương vị tết ủa vào liêu phòng. Chúng tôi quì bên bàn Phật để nghe lời giáo huấn đầu năm mới của thầy, nhẹ nhàng mà sâu sắc.

Tết năm Quý Mùi, chúng tôi lại về nhưng chỉ để thắp hương dâng lời tưởng niệm. Chỉ còn nụ cười trong di ảnh của thầy vẫn ngọt ngào bao dung đón chúng tôi. Thầy mất, chúng tôi không đi mồng ba, mà lại về mồng bốn để thể hiện, kỷ niệm về một sự thay đổi... Ngày trước, con đường tương lai của chúng tôi luôn có đôi bàn tay thầy dìu dắt. Bây giờ thầy không còn nữa, chúng tôi đành gói ghém những lời giảng quý báu ngày xưa làm hành trang cho cuộc đời mình.

Thượng toạ Thiện Pháp kể cho chúng tôi nghe về những kỷ niệm khó quên thời còn là học tăng dưới ngôi trường Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm:

- Thấy mấy đứa bây giờ, thầy nhớ lại hồi đó, gần đến ngày thi, cả nhóm (thầy Chơn Thanh, thầy Thiện Pháp, thầy Minh Thông) xuống chùa Long Khánh huyện Bình Chánh để ôn bài thi. Mọi người hứa với nhau hễ ai không thuộc sẽ bị phạt, rồi phân công người công phu, người nấu cơm, người rửa chén. Sau này, làm việc trong giáo hội, thầy chở ông (thầy Chơn Thanh) trên chiếc xe cánh én. Sáng chở đi, chiều chở về. Lúc thầy về chùa Phước Thành, trưa cũng chở ông về, thầy ngủ giường, ông ngủ võng. Vậy mà bốn mươi năm đã trôi qua, mãi đùm bọc thương yêu, quý trọng nhau, chưa bao giờ giận hờn, nặng lời cho đến ngày ông về Phật...

Thượng toạ kể xong, cười giòn tan, hình như TT. tâm đắc lắm về cái thời ấy. TT. đưa cho chúng tôi tấm hình, sau lưng có ghi dòng chữ nghịch ngợm: “hai nhà lãnh tụ”, trong ảnh: một người cao lớn ốm nhom, một người bệ thế, tròn trịa. Trông dáng vẻ bên ngoài thật so le, nhưng trên hai gương mặt đều cùng toát lên vẻ nhiệt thành đáng kính. Nhóm tăng ni trẻ chúng tôi thường gọi vui một cách kính trọng, thân mật: thầy Chơn Thanh là Ba và thầy Thiện Pháp là Má, bởi cả hai người – dù mỗi người một cách, nhưng đều lo lắng và thương yêu chúng tôi như con. Thầy Chơn Thanh với vẻ uy nghiêm, nhân từ, thân thiết như một người cha; thầy Thiện Pháp với tính xởi lởi gần gũi như một người mẹ. “Má” thường ngày vô tư, tuềch toạc là vậy, nhưng khi nhắc đến “Ba” bỗng trầm ngâm, giọng đầy xúc động:

- Kia, trên chiếc xe đó, mừng bốn tết, họp đầu năm tại thành hội xong, thầy chở ông thẳng về chùa Huệ Nghiêm, chơi cả ngày. Mừng bốn tết năm nay, chiếc xe nhẹ tênh, buồn bã, thầy về lại Huệ Nghiêm, ngồi trên xe một mình, cứ nghe trống vắng phía sau! Ồ, mà không chỉ phía sau, khi bước xuống xe vào Huệ Nghiêm là thấy trống vắng tứ phía! Đi qua phòng ông là thấy... Mà thôi, mấy đứa uống nước đi - TT. lại cười, giả lả lảng sang chuyện khác như muốn tránh nỗi xúc động đang tràn ngập trong lòng.

Vào đánh lễ TT. Minh Thông, vừa đặt chân đến cửa phòng, chúng tôi đã nhìn thấy di ảnh của thầy được đặt ngay bên cạnh chiếc đơn của TT. như một người thân thiết nhất. TT. Minh Thông là người trầm lắng, sâu sắc. Ngày thầy còn sống, hai người như tay mặt tay trái. Mỗi sáng dậy sớm cùng tập thể dục đi bộ quanh chùa. Bây giờ còn lại một mình, buổi sáng là lúc TT. nhớ đến thầy nhiều nhất! Căn phòng nhỏ ở Văn phòng II TUGH mà hai thầy được dành riêng để nghỉ trưa hằng ngày khi lên lớp, kể từ khi thầy mất đi, TT. không bao giờ bước chân vào đó nữa! Không kể gì nhiều với chúng tôi, bởi TT. là người tính tình lặng lẽ, kín đáo, nụ cười điềm đạm vẫn nở nhẹ nhàng trên môi khi trò chuyện với chúng tôi, nhưng trong sâu thẳm ánh mắt TT. tôi thấy rất rõ những giọt sương ẩn chứa... Những giọt sương ấy sẽ lặng lẽ rơi vào những đêm thâu, khi chỉ còn có một mình TT. bên tách trà khuya. TT. vẫn rót cho thầy một tách và vẫn pha thêm nước sôi vào cho tách trà nhạt bớt đúng theo thói quen của thầy khi còn sống. Trong căn phòng trước đây hai người đã từng ngồi, giờ một mình TT. lặng yên với hai tách trà! Uống hết tách của mình, châm thêm vào tách của bạn... tách trà ấy cứ đầy, cứ đầy... như nỗi lòng nhớ tiếc xót xa của người ở lại! Nghĩ đến cảnh đó, tôi không sao kềm được nước mắt!

Cổ nhân từng nói: “Trên đường có bạn đồng hành, niềm vui được nhân đôi và nỗi buồn vui đi một nửa”. Tình huynh đệ cao cả thiêng liêng của quý thầy là bài học thân giáo vô cùng sâu sắc mà quý thầy dành cho chúng tôi.

Chư Phật giáng sinh đã cứu khổ ban vui cho thế giới, con người từ đó có bậc đạo sư chỉ ra con đường tìm về chân lý giải thoát. Quý thầy không những đã dạy cho chúng tôi hiểu được Giáo Pháp cao minh mà còn là những tấm gương sống về mối quan hệ Tăng Già hòa hợp. Mong rằng với kho tàng vô giá ấy, Tứ Chúng đồng tu sẽ mang lại hạnh phúc, giải thoát cho tất cả muôn loài.

TN. Thánh Tâm

---o0o---

Còn mãi bóng hình

Cũng như mọi ngày, mỗi khi chiều xuống, tôi lại một mình dạo bước giữa vườn hoa trong khuôn viên chùa, nhìn ngắm những đóa hoa trong ánh hoàng hôn và cảm thấy lòng mình nao nao kỳ lạ...

Những đóa hoa màu trắng, màu vàng, màu tím... thiết tha, lặng thầm dâng hết sắc hương làm đẹp cho đời, lúc nào cũng hồn nhiên nở hết mình, vắt hết sức dâng đời mà không cần biết có ai người đang cảm nhận hay không. Thật là cao quý biết bao! Lời của một bài nhạc tôi nghe tự lúc nào, giờ bỗng trở dậy bên tai: "...Thầy là bóng cây che mát chúng con, thầy là ánh sáng dắt dìu lòng son, thầy là con thuyền thanh lương đưa chúng con đến bờ thơm hương..." làm tôi da diết nhớ về thầy...

Cũng như những bông hoa sân chùa này. Thầy đã một đời hy sinh cho sứ mệnh hoằng pháp, nhất là cho thế hệ tăng ni trẻ chúng con.

Con nhớ thầy mỗi khi lên bục giảng, lời pháp đầu tiên là nụ cười thật nồng ấm, đã tạo cho chúng con một nghị lực để vươn lên trong cuộc sống. Những pháp âm chân thật đầy tình thương vẫn còn văng vẳng đâu đây, nào là kinh Di Giáo, kinh Di Đà, kinh Tứ Thập Nhị Chương... những bài kinh dẫu ngắn gọn nhưng thầy đã khéo léo triển khai đưa vào cuộc sống thực tiễn cho chúng con làm kim chỉ nam tu tập. Những lời vàng ngọc ấy đến hôm nay con mới thấy quý giá làm sao!

Thầy ơi! hơn bao giờ hết, lúc này con rất muốn được thầy gõ nhẹ trên đầu, gõ nhẹ vào trí não cho con bừng tỉnh cơn mê. Mỗi khi thầy rảo bước xuống lớp, thấy thầy gần đến con đã chuẩn bị tinh thần để nói lên những câu tình nghịch đại khái như: "Su phụ hôm nay mặc áo đẹp quá", vậy là bị gõ lên đầu một cái; "Su phụ mang dép mới kìa"... cứ như thế, mỗi lần nói lại được thầy xoa đánh thọ ký. Những cử chỉ thân thiện ấy khiến cho con cảm thấy tình cảm thầy trò thật thiêng liêng mà gần gũi biết bao!

Nhớ những lần chúng con đến thăm thầy, không lúc nào thầy quên dặn dò chúng con phải cố gắng tu học cho xứng đáng là vị tu sĩ. Nhất là tăng ni trẻ, trước những phiền toái, phải có sự nỗ lực tự thân, đừng để những chuyện không hay xảy ra sẽ ảnh hưởng đến đời sống tu tập của mình.

Còn và còn rất nhiều những lời dạy, những kỷ niệm giữa thầy trò thật cao đẹp, chúng con không sao kể hết được. Trong lòng chúng con từng ngày từng giờ vẫn thì thầm nhắc đền thầy, đến một con người mang tâm nguyện hoằng pháp lợi tha thật sâu nặng. Cuộc đời của thầy sống là để cho thế hệ tăng ni, phật tử chúng con mà không một lời than trách. Thầy luôn hướng cho chúng con một tương lai tươi sáng vì đạo pháp và dân tộc. Thầy luôn dõi theo bước chúng con. Mỗi khi vấp ngã đều có thầy nâng bước cho chúng con đứng dậy. Cuộc đời thầy sống là thế đó, chúng con chưa kịp đền trả thâm ân,

vậy mà thầy vội bước ra đi. Thầy có hay ở nơi này đôi cánh chúng con vẫn còn yếu mềm lắm, chưa thể tự nâng được thân mình.

Thế là hết, còn đâu nữa hình bóng người thầy khả kính! Thầy có biết mỗi lần ban hồng pháp tổ chức lễ, chúng con đứng làm hàng rào đón rước chư tôn đức, con lại lặng nhìn từng hình bóng chư tôn đi qua, rồi con lại hụt hẫng khi đã hết người qua mà lại thiếu bóng hình thầy. Nghe những lời giới thiệu, dẫn chương trình vang lên con lại ngỡ là thầy...

Hôm nay những hình ảnh, pháp âm của thầy tuy không còn hiện hữu trên thế gian này nhưng con vẫn tin rằng pháp thân thầy vẫn tỏa rạng muôn nơi, vẫn còn dõi theo bước chúng con đi.

Hướng vọng về thầy, chúng con chỉ biết tự xem mình là những kiến trúc sư tự xây dựng đời mình, giữ gìn giới luật, giữ gìn tam nghiệp, sống đời phạm hạnh, thao thức việc tu học trong từng sát na. Ngưỡng mong giác linh thầy được mỉm cười nơi miền lạc cảnh.

Lạy Thầy! Cho chúng con lần cuối gọi lên hai tiếng “ Sư Phụ” và xin hướng vọng về thầy bằng tất cả tấm lòng thành kính trọng ân. Dầu không gian có đổi đời, thời gian như gió thoảng nhưng bóng hình thầy trong chúng con vẫn mãi đượm hương.

Chúc Hiếu

---o0o---

Lời thầy không quên

Nhớ lại ngày đầu đi học có biết bao điều mới lạ. Một dấu ấn sâu đậm nhất trong đời, con không bao giờ quên được, đó là lần đầu con gặp Thầy. Buổi trưa hôm ấy, dưới ánh nắng chói chang, con đạp xe chen chúc trong dòng người đông đúc của đất Sài thành, trên những con đường chưa quen thuộc. Con đã đến cổng trường Phật học Vĩnh Nghiêm, áo ướt đầm mồ hôi và mệt nhoài trong không khí ngột ngạt giữa khí trời nóng bức, chợt con gặp được ánh mắt dịu hòa, trìu mến nhìn con của một vị thầy đáng người cao cao thanh thoát, khả kính. Con khẽ cúi chào, Thầy với nụ cười hoan hỉ nở tự bao giờ, khẽ bảo: “ Đi học trưa nắng mệt quá con hả? Vô lớp nghỉ chút cho khoẻ rồi học, ráng cố gắng học đi nha.” Rồi Thầy khoan thai đi vào văn phòng, con cũng vào lớp với câu hỏi trong đầu thầy là ai? Con chưa từng gặp thầy, sao thầy đã đỡ con với sự thương yêu triền miên như mẹ hiền? Thầy có dạy

con học không? Ước gì con sẽ được thầy dạy bảo. Với câu nói thương yêu thân thiện ấy, thầy đã làm tan biến cái mệt nhọc giữa trưa của con lúc nào con không hay, mà còn nghe mát dịu cả lòng.

Đang ngồi suy nghĩ băng quơ và cố nhìn ra ngoài, cố tìm lại hình ảnh khả kính ấy. Ba hồi chuông vào lớp, đang thấp thỏm xem thầy có vào lớp dạy con không. Cầu được ước thấy, con sung sướng muốn reo lên khi nhìn thấy thầy cùng thầy chánh văn phòng bước vào lớp, thầy chánh văn phòng đã giới thiệu với lớp đây là Thượng toạ Thích Chơn Thanh - trưởng Ban Hoằng Pháp Thành Hội - sẽ đảm nhiệm dạy lớp suốt trong bốn năm...

Đúng là tên hợp với người, nhìn thầy thật thanh thoát khoan dung, giản dị thân thương và tràn đầy đạo vị. Bài học đầu tiên, Mười điều thiện thầy đã dạy con luôn ghi nhớ. Suốt buổi học, con chăm chú lắng nghe và thỉnh thoảng len lén nhìn thầy với lòng đầy cảm kích. Với giọng trầm bổng thiết tha, nhiệt thành thân ái, những bài Pháp thầy giảng nghe thật dễ hiểu và sáng rõ. Sau mỗi giờ học, thầy luôn dõ dành sách tấn truyền trao những kinh nghiệm cho chúng con. Mỗi tuần thầy đến lớp một lần, bao giờ cũng từ tốn, nhã nhặn, khoan dung, nhẹ nhàng mà sâu sắc. Con nhớ có lần đã vào giờ học mà lớp chưa ổn định, chia thành năm, bảy nhóm bàn tán nói chuyện rồi cả lên như cảnh hát xả giàn. Vậy mà thầy vẫn kiên nhẫn, hiền từ, bao dung ngồi đó lặng yên chẳng nói chẳng rằng, mặc cho đàn con tha hồ rúi rít. Sau một lúc, Thầy mới điềm đạm, nhẹ nhàng hỏi: “ Các chị hai của tôi đã nói xong chưa, nếu nói xong rồi thì để cho thầy nói.” Thế là cả lớp im phăng phắc. Ai cũng xúc động hối hận thấy lỗi của mình. Rồi thầy an nhiên, từ bi, bắt đầu bài giảng mới. Con vô cùng cảm kính và thấy lòng tràn ngập sự kính ngưỡng. Lời thầy sao nhẹ nhàng quá! Lòng thầy mênh mông, bao dung quá! Con thâm tâm niệm hương về thầy sám hối thay cho lớp, có lẽ tâm truyền tâm, dường như thầy thấu hiểu, ánh mắt hiền hòa thầy nhìn xuống con cùng với nụ cười thân thuộc, nhân hậu. Con nghe lòng ấm áp lạ kỳ. Buổi học hôm ấy trôi qua thật mau, chẳng ai muốn kết thúc, chỉ muốn được nghe, được nhìn, được thầy dạy mãi...

Thầy - với thân giáo, khẩu giáo, ý giáo, cùng với ánh mắt nghiêm từ và nụ cười khoan dung - đã như một ngọn đèn soi sáng chúng con, giúp cho bước chân chúng con vững vàng hơn trên con đường tu học.

Con cứ tưởng những tháng ngày được thầy dạy dỗ còn được dài lâu, ngờ đâu con bạc phước vụng tu để trang giáo án thầy ngưng lại giữa chừng không lật nữa! Thầy ơi!

Thời gian được học nơi thầy không lâu lắm, nhưng cũng đủ để con học được bao điều đáng học. Tất cả những gì thầy đã dạy vẫn vang vọng hiển hiện trong con. Con đã khắc cốt ghi tâm cố gắng thực hành những gì thầy dạy, để con vẫn thấy thầy ung dung tự tại, đại Phật tuyên dương chánh pháp.

“Cố gắng học” – Lời dạy của thầy trong phút gặp gỡ đầu tiên, con sẽ luôn ghi nhớ. Không chỉ trong những năm ngồi ghế trường Phật học, mà mãi mãi sau này trong suốt cuộc đời tu.

Huệ Nghiêm

---o0o---

Tâm gương tinh tấn

Bốn năm trôi qua dưới mái trường Phật học Vĩnh Nghiêm, chúng con được núp dưới bóng từ bi của thầy che chở. Thầy đã cho chúng con những dòng sữa Pháp, cơm Thiền.

Chúng con được hiểu thêm những ẩn dụ của Phật từ những bộ kinh mà thầy đã giảng dạy như là: Hai thời công phu (Lăng Nghiêm; Di Đà). Di Giáo, Thập Thiện, Giáo Nghĩa 10 Tông ... qua những phương cách tu tập thiết thực nhất mà thầy đã rút ra từ kinh nghiệm bản thân và nhiệt tâm truyền dạy để chúng con nghiên cứu, học hỏi, áp dụng vào sự tu học hằng ngày. Ân ấy, đức ấy của thầy rộng lớn vô biên, tấm lòng từ bi, bao dung, hòa ái của thầy đã như những hạt mưa ngọt ngào mỗi ngày tưới mát, thấm sâu, vun bón cho tâm hồn chúng con để cây xanh đạo pháp ngày một đâm chồi cắm rễ xanh tươi vững chắc.

Thầy dạy kinh điển thật nhiều, nhưng thầy vẫn khuyên nhủ chúng con về pháp môn niệm Lục Tự Di Đà rằng:

Nhất cú Di Đà vô biệt niệm

Bất lao đàn chỉ đao Tây phương.

Bây giờ, thầy đã đi về miền Tây phương lạc cảnh, bỏ lại đàn hậu học chúng con, trong bộ Thành Thật Luận còn dang dở.

Nhớ lại chiều ngày thứ bảy 20-7-2002. Đó là ngày thầy đã dạy chúng con lần cuối trong cuộc đời hoằng pháp lợi sinh của thầy, phẩm Thập Lục về mười trí lực đầy đủ của Phật. Thầy hay nhắc chúng con: ráng học nha, thầy sẽ ra đề thi phẩm này... Chúng con lắng lòng thật thanh tịnh để tỏ ngộ những lời pháp ấy. Giờ đây, phẩm Thập Lục đã kết thúc thật rồi! Thầy đã trở về bốn quốc, nhưng những pháp âm của thầy vẫn còn vang vọng, từng ngày, từng giờ khuyên nhủ, sách tấn chúng con trên bước đường tìm về bến giác:

Vô minh là áng mây mù

Khiêu đèn trí huệ phải nhờ sách kinh

Thầy hay dạy cho chúng con phải thường xem kinh điển vì kinh điển là người thầy cứu trụ lâu dài nhất trong suốt cuộc đời tu tập của mỗi chúng con.

Giờ đây, thầy đã đi xa, bảng đen còn đó, phấn trắng còn đây, muốn thấy bút tích của thầy, muốn nghe pháp âm đều đã trở thành hoài niệm. Chúng con vẫn biết rằng sự đến hay đi của thầy đều là sự thông dong tự tại, nhưng trong lòng mỗi chúng con vẫn tràn ngập một niềm tiếc thương vô hạn.

Nơi gương Người, chúng con xin cố gắng hết sức nỗ lực thực tu thực học, giống như tấm gương của thầy: dù bận trăm công ngàn việc, nhưng hầu như không bao giờ thầy bỏ tiết dạy chúng con.

Bây giờ, mỗi khi mệt mỏi, có việc, muốn nghỉ một buổi học, con bỗng nhớ về thầy và lại tự động viên mình phải cố gắng đến trường, không được giải đãi. Thầy đã dạy chúng con bài học về sự tinh tấn rất sâu sắc, hiệu quả. Bài học ấy vô cùng quan trọng, quyết định đường tu lâu dài cho cả đời của chúng con.

Thánh Nhã

---o0o---

Thầy vẫn quanh đây

Đứng dưới sân chùa làm hàng rào vinh dự nhân ngày lễ Phật Đản, con ngược nhìn lên lễ đài, lòng mong tìm lại hình dáng thầy thân thương: Cái dáng cao cao, lưng khom khom như dáng một người cha hiền hòa cúi xuống

đàn con thơ đại ... và giọng nói sang sảng vang khắp vùng trời Vĩnh Nghiêm. Nhưng con không còn tìm thấy được nữa. Con nghe tràn ngập sự trống vắng, hụt hẫng! Có muốn khóc đâu mà mắt cứ nhòa dần...

Cũng tại nơi này, những mùa Phật Đản trước, thầy là vị xướng ngôn viên, đọc lời giới thiệu chương trình, từ niệm Phật cầu gia bị, hướng dẫn toàn thể đạo tràng một phút nhập Từ Bi Quán, cho đến thả chim bồ câu và bong bóng hòa bình – giọng nói thầy thật trang trọng, uy nghi mà đầm ấm, con nghe lòng mình lâng lâng bay cao cùng với chim bồ câu, cùng với những chiếc bong bóng rực rỡ sắc màu, tự hào về vị thầy mà mình có cơ duyên được học hỏi.

Ngày ấy, mỗi buổi chiều thứ tư, thầy lên bục giảng trong tiếng vỗ tay hoan của 270 ni sinh từ dưới lớp như đón bước chân thầy. Thầy cười tươi đáp trả. Chúng con không ai nói ra, nhưng đều cảm thấy lòng mình tràn ngập niềm vui. Có bao nhiêu ngày thứ tư trong đời được học thầy là chúng con đã có bao nhiêu niềm pháp lạc. Con còn nhớ như in dáng thầy đi vòng xuống lớp, tay chấp sau lưng, xoa đầu hỏi thăm tụi con có khoẻ không? Chúng con thường đùa với nhau là đã được thầy thọ ký...

Rồi một ngày tin dữ đến, chúng con ngỡ ngác, buồn đau, lòng tự hỏi rằng: Sao vô thường quá vô tình, bất ngờ, vội vã? Trú xứ Huệ Nghiêm lâu nay vắng vẻ, nay bỗng dòn dập, thồn thức những bước chân người. Hàng ngàn tăng ni đau lặng trở về đây khi nhận được tin thầy vừa viên tịch!!!

Vì lòng kính mến vô biên đối với vị thầy khả kính, tăng ni sinh chúng con đã tổ chức buổi tụng kinh Địa Tạng vào cái đêm cuối cùng tiễn đưa linh cữu. Tiếng tụng kinh âm vang cả vùng trời. Lần đầu tiên con nghe trong tiếng niệm Phật thành khẩn lại xen những tiếng nấc nghẹn ngào, tức tưởi... con mới thấm thía pháp Vô Thường, Thầy ơi!

Mùa Phật Đản năm nay, lễ đài buồn tênh bởi thiếu dáng thầy, thiếu chất giọng xướng ngôn viên trầm hùng chắc nịch, thiếu đoá sen thiêng đầu hạ dâng cúng dường ngày kỷ niệm Đức Phật đản sinh...

Dõi mắt nhìn theo chùm bong bóng ngũ sắc bay lên cao giữa khoảng trời xanh mênh mông, con như thấy thấp thoáng dáng thầy! Rồi những chiếc bong bóng sẽ vỡ ra, không khí từ đó tan loãng vào hư vô, hòa mình vào không khí của đất trời, cũng như hơi thở của thầy đã hòa vào hơi thở chung của nhân loại, thân tứ đại của Người tan ra là để hoà nhập với đất trời.

Hiểu được điều này, con thấy lòng mình như nhẹ nhõm. Thầy như không khí bàng bạc khắp cõi hư không, hiện hữu quanh con, quanh mọi người đau khổ.

Vĩnh Tâm

---o0o---

Khóc và cười

Trước di ảnh thầy, con nhìn thấy nụ cười ẩn hiện theo làn hương khói nhẹ bay. Nụ cười thầy mờ trong làn nước mắt, nhưng hiện lên rất rõ trong tâm hồn chúng con ánh nhìn hòa ái, nhân hậu, bao dung và thân thương biết mấy!

Suốt bốn năm được thầy dạy dỗ trong mái trường Trung cấp Phật học thầy đã dạy chúng con không chỉ qua khẩu giáo, ý giáo mà quan trọng nhất là thân giáo, qua những phạm hạnh trong đời sống của thầy. Đó là bài học sâu sắc mà chúng con không thể nào quên được.

Con còn nhớ cứ mỗi lần ra hạ và ngày tết, huynh đệ chúng con đi đánh lễ thầy và luôn được thầy nhắc nhở rằng: “Tuổi các con còn nhỏ, trước mắt nên cố gắng học, trước nhất là để tạo dựng nền tảng vững chắc về kiến thức Phật pháp để tu tập bản thân, sau nữa là làm hành trang trên con đường phục vụ cho đạo pháp, cho chúng sinh. Điều cần nhớ nhất là các con còn non nớt, chưa từng trải qua các chướng duyên nhiều, cần phải biết né tránh bớt các trần cảnh, để bớt buông lung ý”. Những lời dạy ấy, chúng con hằng ghi khắc trong tim, để làm kim chỉ nam trên bước đường tu học.

Con còn nhớ rất rõ là trong đám tang của HT. Viện chủ chùa Vĩnh Nghiêm, thầy làm xướng ngôn viên, hôm ấy thầy đã nói với con rằng: “Ta nên biết, ta phải sống sao để khi ta xuôi tay nhắm mắt, mọi người đều thương tiếc khóc, còn ta thì an lạc cười...”

Bây giờ đúng thật! Hàng ngàn đôi mắt đỏ hoe đang nhìn lên di ảnh thầy, thầy như vẫn đứng đó với nụ cười an lạc và ánh mắt hiền hòa, nhân hậu gửi lại cho tất cả mọi người tình yêu thương bao la vô tận.

Diệu Liên

---o0o---

Người thầy thân thiết, bao dung

Lần đầu tiên học chữ Hán tôi rất sợ vì ám ảnh bởi câu nói của những người già: “mắc như chữ Nho”. Đến giờ Phật học giáo khoa thư, tôi lo lắng nhìn ra cửa lớp để xem vị nào phụ trách môn học này.

Từ xa tôi nhìn thấy vị thầy cao lớn phong thái đĩnh đạc bước vào. Sau khi cả lớp niệm phật cầu gia bị xong, thầy gọi từng người lên đọc bài. Thầy cảm cây thước đến trước mặt tôi bảo đọc bài mới. Tôi ấp úng trả lời :

- Thưa thầy con chưa biết đọc.

Thầy hỏi:

- Con mới vào học phải không?

- Thưa phải.

- Vậy con phải ráng phấn đấu nhiều hơn nữa để theo kịp các huynh đệ.

Thầy bảo tôi ngồi xuống. Lúc đó mặt tôi nóng bừng vì hổ thẹn. Nhưng cảm giác đó qua rất nhanh bởi khi nhìn dáng dấp hiền từ và nghe và giọng nói hòa ái của thầy, tôi cảm thấy như được khích lệ, thấy an tâm và tự nhủ rằng mình sẽ học tốt để không làm thầy buồn.

Từ lúc ấy tôi nỗ lực trau dồi Hán ngữ . Chẳng bao lâu, tôi đã đọc và viết được chữ Hán như huynh đệ trong lớp. Mỗi lần đến giờ Phật học giáo khoa thư là tôi rất mong được thầy gọi lên đọc.

- Đức Châu lên đọc bài mới.

Thầy gọi, và tôi đã lên đọc rất trôi chảy. Đọc xong tôi hoan hỷ nhìn thầy, đợi lời nhận xét. Thầy không nói gì, chỉ mỉm cười. Nụ cười ấy đã làm cho tôi cảm nhận được tất cả tình thương yêu trìu mến của thầy dành cho đứa học trò mới như tôi. Tôi cảm thấy vô cùng sung sướng khi đã làm thầy vui dù chỉ vài giây phút nhỏ nhoi.

Tiết học của thầy lúc nào cũng có tiếng cười. Chúng tôi luôn dành cho thầy những tình cảm thương mến kính trọng nhất. Thỉnh thoảng thầy đi đến chỗ từng đứa, thăm hỏi, trò chuyện đôi câu thân thiện như một người cha. Sau những câu trả lời chơn chất, hồn nhiên của chúng tôi, thầy thường bật cười

rồi ký yêu lên đầu mỗi đứa một cái. Cứ chỉ thân mật ấy chúng tôi không sao quên được.

Ở thầy có một tình thương bao la bất tận, nhất là tấm lòng đối với thế hệ sau. Thầy không bao giờ la rầy nặng lời với học trò, thầy chỉ dùng ái ngữ và tình thương để dạy dỗ. Có nhiều lúc chúng tôi còn lơ là việc học, thầy không giận mà chỉ ân cần khuyên bảo nhẹ nhàng. Thầy luôn sống bình dị, khiêm tốn, gần gũi với tất cả mọi người.

Đức Châu

---o0o---

Thầy chánh chủ khảo

Ở thầy có rất nhiều điều để học tập, nhưng có lẽ con chỉ nói một điều mà con khó quên nhất. Đó là sự ứng xử của thầy khi đóng vai trò là một vị chánh chủ khảo của những kỳ thực tập diễn giảng.

Trong cuộc đời ai cũng có những lúc lo âu sợ sệt. Đứng trước đám đông mà tuyên thuyết, diễn giảng là một công việc làm cho đa số chúng ta lo ngại rất nhiều, mà nhất là trong những trường hợp tập sự ban đầu, sự lo lắng khẩn trương càng tăng gấp bội. Tâm trạng bồi hồi, lo âu, hồi hộp khi lần đầu tiên đứng trước thính chúng sao mà khó tả quá. Tâm trạng ấy đã làm cho biết bao thí sinh khốn đốn vì bị quên đi những điều mình đã học thuộc lòng, phần vì lúng túng nên nói lắp, nói sai, phần lại lo sợ chúng bạn chê cười mình nói không sâu, không hay hoặc giọng nói khó nghe v.v... Đó là những tâm trạng mà bất cứ thí sinh nào cũng trải qua. Những lo âu về thuyết giảng rồi cũng qua khi thí sinh hoàn tất thời lượng trình bày. Thế rồi, sự lo âu kế tiếp lại nảy sinh: đó là sự đánh giá của ban giám khảo. Đánh rằng mục đích thực tập là nhằm luyện cho mình dạn dĩ và tự tin khi đứng trước đám đông, luyện cách ứng xử, cách nói năng, trình bày... nhưng kết quả đánh giá của ban giám khảo là nguồn động viên rất quan trọng. Kết quả cao làm cho ta phấn khởi, kết quả thấp làm ta thất vọng, buồn phiền. Có lẽ giờ phút đánh giá là quan trọng nhất đối với những thí sinh thực tập.

Là những người mới bước vào con đường tập sự thì làm sao tránh khỏi những thiếu sót. Có điều là làm thế nào để tạo cho họ thấy chúng và chỉ cho họ cách khắc phục có hiệu quả. Con còn nhớ những lời khuyên của thầy đối với những tăng ni sinh. Thầy không bao giờ phê bình ai hay ai dở mà chỉ nói những điểm cần lưu ý để tránh hoặc phát huy. Điều đó làm nhẹ nhõm cho

biết bao thí sinh đang lo âu. Những điều thầy nhắc nhở nhiều nhất là tác phong của một tăng ni khi lên thực tập giảng. Đó là oai nghi, là những lời thưa chào ngắn gọn nhưng trang trọng và đủ ý nghĩa. Rồi thầy nhắc về điệu bộ, giọng nói. Không cần phải bắt chước giọng của miền này miền nọ mà chỉ nên trung thành với chất giọng vốn có của mình vì mỗi nơi đều có cái hay riêng của nó. Chỉ cần trình bày rõ ràng và phát âm đúng là tốt. Như thế sẽ tránh được sự tế nhị và khó chịu đối với thính giả. Chỉ vài lời đó cũng đủ làm cho chúng con khó quên.

Thời gian trôi qua, chúng con mỗi ngày lớn lên và học được nhiều điều mới lạ nhưng những lời thầy vẫn còn nguyên giá trị. Cách ứng xử của thầy lúc ấy vẫn là hình ảnh tuyệt diệu để cho chúng con noi theo trên vạn nẻo đường đời. Thầy không còn trực tiếp giảng dạy nhưng những pháp âm vi diệu ngày nào vẫn còn vang vọng. Nó không mất theo thời gian bởi vì nó đã thấm sâu vào tâm hồn của mỗi chúng con.

Hạnh Chơn.

---o0o---

Hạnh nguyện lợi tha

Chúng con còn nhớ mỗi khi lên lớp thầy hay nói: “Học trò ba ngày không đọc sách, trên mặt đóng rết khó coi, nói năng thì nhạt nhẽo khó nghe...” giờ đây ngồi một mình bên giá sách, nhìn lên di ảnh của thầy, con mới thấm thía lời dạy năm xưa.

Có lần thấy lớp mệt mỏi, làm biếng học, thầy không la mắng mà chỉ nói nhẹ nhàng: “tụi bây thiệt là...” lời nói chơn chất, mộc mạc, bình dị, hiền hòa, thể hiện sự bao dung triu mến khiến cả lớp cảm thấy thật vui và thích thú, một tràng vỗ tay thật giòn vang lên, xua tan sự uể oải, lớp trở lại không khí sinh động. Thầy hay đọc mấy câu thơ nhắc nhở chúng con:

Trên đường đạo không gì bằng tinh tấn

Không gì bằng trí tuệ của đời ta

Sống điều linh trong kiếp sống ta bà

Chỉ tinh tấn là vượt qua tất cả.

Thầy ơi! những pháp âm này sẽ theo chúng con đi suốt cuộc đời.

Thầy đến với cuộc đời và tận tụy bao năm hoạt động rồi cuối cùng cũng đã ra đi, chỉ còn lưu lại những tiếc thương, những lời tâm huyết, những công việc còn dang dở, những ước mơ chưa kịp thực hiện.

Nhìn những chiếc lá rơi ta thử ngẫm nghĩ rồi sẽ thấy thương và khâm phục cuộc đời lặng lẽ chỉ biết hiến dâng của lá. Lá luôn làm hết nhiệm vụ của mình là giúp cây quang hợp, cung cấp dưỡng chất nuôi cây, không bao giờ nghĩ đến một ngày thân vàng úa phải rời xa công trình mà mình đang xây đắp. Một làn gió thổi qua, chiếc lá nhỏ bé sẽ rời thân cây, chấm dứt cuộc đời ngắn ngủi. Giây phút cuối cùng ấy, trong không gian lơ lửng, lá vẫn hồn nhiên đong đưa theo gió như giang tay chào vẫy cảm ơn đất trời.

Tôi còn nhớ lời thầy dạy: “Mọi con sông đều có nước lớn nước ròng, có lúc đục lúc trong, lúc sóng dữ lúc êm đềm... nhưng chẳng con sông nào có thể chảy ngược. Đời người hệ lụy với dòng chảy thời gian được biểu hiện qua bốn tướng sanh – già – bệnh – chết. Rồi thì chúng ta phải thuận theo quy luật đó, chúng ta phải sống cho ra sống, sống đúng với nghĩa của một con người”.

Vào ngày trước lúc xả bỏ nhục thân, thầy hết lời khuyên nhắc chúng con về hạnh thiếu dục tri túc, mà cũng chính là bài pháp cuối cùng của thầy với lớp chúng con tại giảng đường Vĩnh Nghiêm: “Với người xuất gia, ít muốn – biết đủ chính là tự giải thoát cho mình. Xưa nay oán thù, hơn thua, ganh ghét cũng tại thiếu tri túc mà ra. Người tu mất hạnh thanh tịnh cũng vì không biết tri túc. Nên biết: Tửu bất túy nhơn, nhơn tự túy; sắc bất mê nhơn, nhơn tự mê...tụi con nên biết kèm lòng. Một người biết điều khiển được cảm xúc của mình, người đó sẽ mạnh hơn...”

Tôi chỉ mong mình sống được theo tấm gương lợi tha của thầy: Vì đời vì đạo, âm thầm phục vụ, làm hết sức mình...

Và chỉ cần có thể.

Thích Trí Tài

---o0o---

Hành trang để lại

Trong phật học viện Huệ Nghiêm những năm ấy, thầy là tăng sinh nhỏ tuổi nhất nhưng sức tu và lực học không kém các huynh đệ đồng môn. Ngoài những giờ chấp tác, hầu hết thời gian thầy đều dành cho việc tu học. Những khi nhàn rỗi, thầy thường bách bộ trong khuôn viên chùa với phong thái thanh thản nhẹ nhàng. Khi nghe hỏi :

- Thầy khỏe không?

Thầy đáp:

- Trong sanh tử, khỏe sao được.

- Sao thầy vui vậy?

- Được xuất gia học đạo, không vui sao được.

- Thầy có buồn không?

- Ta bà không buồn sao được.

Những câu trả lời vui vui của thầy đã thể hiện một cuộc sống thông dong, phóng khoáng của một con người con Phật.

Mỗi lần gặp chướng duyên, thầy tôi sâu nã, thầy nhắc nhở: “Bộ con tưởng thật hả? Cứ thấy cảnh là chạy theo”. Thế là, tôi được thầy anh minh gỡ giúp ra khỏi vòng vây triền phược ấy. Những lời nhắc nhở chân tình và sâu sắc của thầy thể hiện một nội tâm vững chãi, tự tại và an lạc của một bậc chân tu đầy bi trí.

Tôi nhớ mãi câu nói lập đi lập lại của thầy khi gặp tôi bất cứ nơi đâu: “Ni tu khó lắm, con tu được không? Quý sư bà có thương con không? Có ai ăn hiếp con không? Con phải cố gắng thật nhiều!”. Lời khuyên mộc mạc nhưng đầy ắp đạo tình sâu lắng của một bậc huynh trưởng đối với đàn em trên đường tìm về nơi cội nguồn đầy hoa thơm cỏ lạ nhưng cũng lắm chông gai và thử thách.

Những tình cảm thiên liêng cao đẹp của quý thầy đã giúp tôi thêm ý chí phấn đấu trên đường tu học và tự thấy mình luôn phải có phần nào trách nhiệm đối với Tổ Đình Huệ Nghiêm. Mỗi năm vào ngày giỗ tôn sư, tôi được về

cúng dường và phục vụ, thầy thường ghé ngang qua khu nhà trù, thăm hỏi và dặn dò chúng tôi cố gắng tu học.

Với tánh thái nhẹ nhàng, ung dung, tự tại, trải qua mấy mươi năm cho đến khi thầy viên tịch, tôi chưa một lần nghe thầy bực bội than thở điều gì dù công việc của thầy cũng gặp biết bao phiền não. Thầy đã hiến dâng cả đời mình cho đạo pháp, cho con người. Tình thương và trí tuệ thầy đã ban rải cho tất cả. Những gì làm được thầy đã làm, những điều đáng nói thầy đã đem vào lòng hết thảy chúng hữu duyên.

Kể từ đây, ngôi nhà Phật pháp thế gian đã vắng bóng thành viên ưu tú. Giáo hội thiếu một cánh tay đắc lực, tăng ni mất một sư huynh, một pháp đệ, một người bạn đồng hành, một bậc thầy khả kính; hàng Phật tử tại gia bất hạnh không còn được một vị thầy đầy từ bi đạo hạnh dìu dắt. Nhưng với tất cả những gì thầy đã để lại cho chúng ta, cũng đủ làm thành một hành trang vô cùng thiết thực trên con đường tìm về Chánh Pháp.

Tịnh Nghiêm

---o0o---

Một phong thái ung dung

Tôi đã gặp thầy trong kỳ thi diễn giảng, mùa An Cư PL.2535 tại giảng đường Ân Quang. Lúc bấy giờ, thầy vừa là người trong ban giám khảo, vừa là xướng ngôn viên của hội thi. Ngoài hạnh tướng xứng ngôi long tượng đạo pháp, điều làm tôi không thể nào quên là giọng nói âm áp đầy sức thuyết phục và phong thái ung dung chững chạc của thầy khi đứng vai trò một vị xướng ngôn viên.

Rồi sau đó, may mắn hội đủ duyên lành, tôi được học với thầy, được nghe dòng pháp âm vi diệu nơi thầy. Tôi chợt nhận ra rằng để trở thành một vị giảng sư không những phải nhờ vào sức tu học của tự thân mà còn nhờ vào những kinh nghiệm quý báu được truyền lại từ những bậc tôn đức và từ trong những thực tiễn hành trình hoằng pháp của chính bản thân mình. Không phải ngẫu nhiên mà thầy luôn được hòa thượng trưởng ban hoằng pháp trung ương GHPGVN giao nhiệm vụ giảng dạy “Những kinh nghiệm hoằng pháp” trong các khóa bồi dưỡng giảng sư ở ba miền Bắc - Trung - Nam. Bởi vì ngoài sự tu học miên mật trong suốt những năm dài ở Phật học viện cao đẳng Huệ Nghiêm, thầy đã có những kinh nghiệm phong phú trong những

tháng ngày hồng pháp khắp các tỉnh thành và đặc biệt là phong thái ung dung tự tại mà bất cứ ai dù gặp thầy một lần cũng khó có thể quên được

Không phải đợi đến lúc xa thầy vĩnh viễn rồi, tăng ni chúng tôi mới cảm nhận được tài đức của thầy. Chúng tôi đã cảm thụ được cái tâm trong sáng, đạo hạnh cao cả ấy ngay từ những ngày được ngồi học dưới sự dạy bảo của thầy.

Tướng tùng tâm hiện, phải chăng tâm an nhiên tự tại giữa cuộc thế dời đổi chuyển xoay đã làm cho thầy có được một phong độ thanh thản, bình an như những vị thiền sư ngày xưa trải thân giúp nước giúp dân nhưng không hề bị lợi quyền, danh tiếng làm khuấy động.

Chúng tôi đã được học nhiều điều tốt đẹp, những kinh nghiệm quý báu trên bước đường hồng pháp ở thầy. Nhưng điều mà chúng tôi chưa học được chính là phong thái ung dung, không ngăn ngại nơi thầy. Thầy đi giữa hội chúng đông đảo mà dáng tôn nghiêm đặc biệt không hề bị lẫn mất. Thầy tuyên thuyết pháp âm, dù đứng trước mặt bất cứ ai cũng vẫn thông thả từ hòa. Không quá nghiêm nghị để học chúng phải sợ hãi cách xa, không quá dễ dãi để tăng ni sinh dễ duôi, xao lãng việc tu học. Ôu nơi thầy luôn ẩn chứa thái độ từ bi, khiêm hạ, không bao giờ tăng ni nghe thầy quở trách rầy la, ấy thế mà không ai dám để mất oai nghi trong khi đối diện trước thầy. Thế mới hiểu như thế nào là từ quang phổ chiếu.

Giờ đây thầy đã vắng đi rồi, nhưng phong thái ung dung ấy mãi là bài học thân giáo sâu sắc nhất để chúng con noi theo, trao dồi, giữ vững uy nghi của người tu sĩ, xứng đáng với Tăng Già, làm sáng ba ngôi Tam Bảo.

TN. Nhựt Bửu

---o0o---

Đời người & tâm nguyện

Thượng tọa Thích Chơn Thanh viên tịch vào thời điểm chín muồi của tài năng và trí tuệ. Nguồn tinh ba ấy vốn đã được trui rèn, phát triển suốt ba thập niên dưới mái trường Phật học viện Huệ Nghiêm – một đại tông lâm đào tạo tăng tài nổi tiếng nhất miền Nam vào giữa thế kỷ thứ XX. Vậy mà hôm nay, khi mà trung ương giáo hội đang đặt nhiều kỳ vọng vào thầy, vậy mà trong thoáng chốc người đã ra đi...

Mới hôm trước, vừa gặp tôi tại lễ ra mắt Ban đại diện PG quận Bình Thạnh, thầy liền hỏi: “Lúc này con còn ở chùa không?”. Sau khi nghe tôi bạch, thầy ân cần khuyên bảo: “Con thấy đó, như tượng Bồ Tát Quan Thế Âm bằng đá nặng mấy chục tấn ở chùa, vững chắc, uy nghi, được chăm sóc giữ gìn kỹ thể mà vẫn “ bị tai nạn” gãy tay, sứt mẻ... huống hồ chi con người. Do vậy, ở đời, dù có gặp chuyện phiền não, thì cũng ráng tập nhẫn nhục để vượt qua, rồi mọi việc sẽ đâu vào đó”. Sau đó mấy hôm, tôi lại gặp thầy tại Văn phòng II để thực hiện bài phỏng vấn về và công tác của Ban Hoàng pháp thành hội và vấn đề tu chỉnh hiến chương của GHPGVN trong nhiệm kỳ V sắp tới. Bài phỏng vấn ấy đã được ban biên tập duyệt, chưa kịp đăng thì thầy đã rẽ sang cuộc hành trình mới. Trong buổi gặp mặt lần cuối cùng ấy vào sáng ngày thứ tư 17 – 7 – 2002, thầy đã nói ra suy nghĩ của mình về đại hội PG toàn quốc nhiệm kỳ V. Theo thầy thì vấn đề quan trọng là phải chú trọng nhiều đến việc kiện toàn tổ chức.

Thầy bảo rằng việc tu chỉnh hiến chương sẽ làm ảnh hưởng không ít đến tính nhất quán của GH, vì thế, nếu có dự hướng tu chỉnh hiến chương, ban thường trực HĐTS cần phải chuẩn bị nội dung cho thật kỹ, để việc tu chỉnh đáp ứng được nguyện vọng tâm tư của tăng ni, Phật tử toàn quốc, và nhất là phải phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội. Song song đó, việc sửa đổi các điều trong nội qui hoạt động của các ban, ngành, viện, trung ương cũng là điều mà GH phải quan tâm. Đối với vấn đề cơ cấu nhân sự vào các ban ngành phải đặc biệt chú trọng đến những vị đầy đủ năng lực và phẩm hạnh. Ví dụ, Ban Giáo dục tăng ni cần phải phát hiện và cơ cấu vào những nhà giáo dục Phật giáo mô phạm, thực tài; Ban Hoàng pháp cần phải có những vị giảng sư uyên bác về Phật học lẫn thế học; Ban Tăng sự cần có những vị chân tu đạo đức để tăng ni trẻ nường nhờ tu học, hành đạo đúng phạm hạnh. Riêng Ban Tăng sự trung ương thì thầy có đưa ra nhận định là trong nhiệm kỳ IV chưa có những qui định khế hợp về việc xuất gia, do đó, đã từng xảy ra tình trạng nhiều tăng ni từ nơi khác đến TP. HCM tu học, khi có Phật sự trở lại địa phương của mình nhờ chính quyền xác nhận giấy tờ còn nhiều khó khăn, chưa thực sự được cảm thông, hỗ trợ.

Một công tác khác của Ban Tăng sự đó là việc cho phép các Ban trị sự tổ chức đại giới đàn nhưng lại thiếu sự giám sát chặt chẽ. Thầy đưa ra ý kiến đề xuất rằng, các Ban trị sự nên chăng phối hợp cùng nhau tổ chức đại giới đàn liên tỉnh hoặc cụm, khu vực sẽ tiết kiệm rất nhiều kinh phí và quan trọng hơn hết là việc tuyển chọn tu sĩ thọ giới chắc chắn sẽ được sàng lọc kỹ càng, chất lượng hơn là mỗi tỉnh tự đứng ra tổ chức như lâu nay.

Khi đề cập đến công tác hoằng pháp tại TP. HCM, với tư cách là trưởng ban, thầy nhận định: Sau một thời gian thử nghiệm, sắp tới Ban Hoằng pháp thành hội sẽ họp bàn đưa ra định hướng cụ thể cho từng giảng đường và các lớp giáo lý. Trong nhiệm kỳ qua, Ban Hoằng pháp thành hội đã phần nào thành công trong việc tạo điều kiện cho các đạo tràng chuyên tu phát triển song song với các lớp giáo lý. Điều mà thầy mong muốn nhất từ những đạo tràng đã định hình như: Phật thất, Pháp Hoa, Thiền... trong tương lai cần có thêm những bậc thầy chuyên tu của từng pháp môn ấy để hướng dẫn cho tăng ni, Phật tử hành trì đến nơi đến chốn.

Một tâm nguyện lớn nhất của thầy đối với việc giáo dục tăng ni là xây dựng lại Phật học viện nội trú Huệ Nghiêm với qui mô ngang tầm, phù hợp với thời đại.

Hôm nay, ngồi đọc lại những lời thầy bày tỏ, có việc thầy đã làm tròn, đồng thời cũng có việc đang còn dở dang. Cả đời mình, thầy đã vì Đạo Pháp mà có biết bao ưu tư trăn trở. Mong rằng những tâm nguyện của người sẽ được thực hiện rất ráo và hoàn mãn trong một tương lai gần.

Phổ Tâm

---o0o---

Áo nâu còn mãi

Con xếp vội những chiếc áo cũ, để lướt qua cái cảm giác nghèn nghẹn, cay xé đến tận mắt. Những chiếc áo ngày xưa, đơn sơ mộc mạc, nhưng chứa đựng biết bao tình cảm thầy trò, đơn sơ mà chất đầy những nỗi niềm kính tiếc không nguôi.

“Thầy là đỉnh núi cô liêu ngàn đời tịnh mặc. Trò là sông dài cuộn cuộn bỏ núi ra đi. Còn đây áo cũ ngậm ngùi. Còn đây dáng núi nụ cười an nhiên”. Con nhớ những ngày đầu bước chân lên đất Sài thành nhộn nhịp, thầy thường khuyên: “Trong cuộc sống hiện đại, chúng ta - nhất là tu sĩ trẻ - phải biết tỉnh thức tu tập, phải biết cảm thông và chia sẻ với mọi người xung quanh, rồi từ đó mới có thể hiểu được chính mình con ạ!”. Giọng nói trầm và sâu cũng như chính nhân cách sống của thầy vậy: thanh cao mà bình dị, trang nghiêm mà dễ gần. Mỗi lần về Huệ Nghiêm viếng thầy, con thường nghe câu nói: “Ông thầy, học hành đến đâu rồi? Phải cố gắng nhen, con đường tu tập còn dài và nhiều gian nan lắm đó!”. Nói xong, Thầy lại xoa đầu con, rồi cười, rồi lắng nghe con thưa việc. Nhìn ánh mắt nghiêm từ cộng

với sự cảm thông và khích lệ của thầy, con cảm thấy bình tâm và tự tin hơn đối với những hoài bão cao đẹp mà mình hằng ấp ủ và đó cũng là kỳ vọng của thầy đối với con - đứa học trò nhỏ mà thầy đã dành cho nhiều mối quan tâm.

Nếp sống giản đơn, đậm chất Nam bộ của Người, luôn nhắc con nhớ về một góc quê nhà, nơi có những người thân và ngôi chùa thời thơ bé. Từ nơi ấy con đi, như từ nguồn cội bước đi tìm lại cội nguồn, cũng như từ nơi thầy con trưởng thành để trở lại tìm thấy chính mình.

Có lần con ra thăm thầy, thấy con mặc chiếc áo cũ bạc màu sờn rách, thầy không nói gì, nhưng âm thầm nhờ người may cho con áo mới. Cầm chiếc áo trên tay, con lặng người xúc động. Thầy không chỉ dõi theo từng bước tu học của con như một người thầy, người cha, mà còn chăm chút cho con với tình thương ngọt ngào ấm áp bao la như một người mẹ. Không ồn ào thể hiện ra, nhưng tấm lòng từ ái mênh mông của thầy, tất cả chúng con đều cảm nhận được.

Giờ đây ngòi xếp lại những chiếc áo cũ của thầy, không phải “xếp tàn y lại để dành hương” mà là muốn giữ hoài cho những chiếc áo ấy mãi còn nguyên vẹn, hóa thạch để lưu giữ mãi tình thương của thầy đã dành cho con. Để rồi, mỗi lần khoác chiếc áo màu nâu lên người, bước ra đường đời xuôi ngược, nhiệt thành góp chút công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh, con vẫn cảm thấy thầy luôn ở quanh con, vẫn mãi có bàn tay, ánh mắt của thầy nghiêm từ dõi theo, nâng dắt con đi.

Thích minh thuận

---o0o---

Pháp lữ đạo tình

Trần Quê Hương

Tăng già pháp lữ khắp gần xa

Ni giới thọ ân... kết lục hòa

Phật pháp nhiệm màu, công đức hóa

Turu tôn tương hội cảm ma ha.

Voà lượng vô biên vi diệu đạo
Cùng bi - dũng - trí mặt ba la
Thương sao một “đóa tài hoa” khếp
Tiếc ngũ thập niên... sớm ngự tòa!
Thượng phẩm thượng sanh siêu thượng giới
Tọa Tây phương tỏa rạng Pháp thân
Chơn tâm tịnh lạc chơn như hiện
Thanh thân trạm nhiên trú Niết Bàn.

---o0o---

Còn mãi

Tịnh Hạnh

Thầy về cõi tịnh an nhiên
Tặng ni phật tử mọi miền tiếc thương.
Thầy vì tứ chúng muôn phương
Năm lăm trụ thế tình thương đại đồng.
Pháp âm vi diệu khai thông
Thầy đem chánh pháp soi lòng khắp nơi.
Hôm nay thầy vắng đi rồi
Nhưng lời thầy mãi bên đời chúng con.

---o0o---

Vẫn rất gần

Huệ Hoàn

Thứ bảy chiều nay vắng bóng thầy
Sân trường sao lấm lá vàng bay
Phấn rơi còn trắng trên bục giảng
Mà đã về đâu tiếng giảng bài?!

Thứ bảy tuần qua hãy còn vương
Lời thầy trầm bổng vọng du dương
Sữa pháp men theo từng hơi thở
Giáo lý từng trang thấm đượm nhuần.

Thầy chẳng còn nhưng mỗi cuối tuần
Con vẫn mong hoài những bước chân...
Thành Thật Luận môn còn dang dở
Thầy dấu đi xa vẫn rất gần.

---o0o---

Còn đâu!

Tâm Phúc

Trên bục giảng dáng thầy thân thiết
Tay dịu dàng với phấn trắng bảng đen
Nhân hậu cười nhìn chúng con vùi vãnh:
“Nghỉ Phụ ơi! chúng con muốn ra về”

Người đỡ dành: “Ráng chút nữa các con ơi!”

Thành Thật Luận chiều nay ngày thứ bảy

Thầy đã ra đi rồi mãi mãi

Lớp còn đây bục giảng vẫn còn đây

Mà biết tìm đâu chiều thứ bảy...

những ngày.....

---o0o---

Lời thầy vang mãi

Huệ Liên

Vẳng bên con những lời vàng

Nghe trong sâu thẳm còn vang tiếng thầy

Chiều nay trời phủ khói mây

Mịt mờ giảng kín lớp đầy khoảng không

Còn đây biển pháp mênh mông

Mà vầng dương đã khuất trong xa vời

Ngậm ngùi nhìn cánh hoa rơi

Trời đêm mùa hạ chơi vơi nỗi niềm

Trải bao sanh tử triền miên

Thầy ra vào giữa vô biên phép mầu

Cuộc đời thật chẳng bền lâu

Giờ con mới hiểu rõ câu vô thường

Mà lòng vẫn thấy vấn vương
Nhớ hoài hình dáng thân thương ngày nào
Bài kinh thầy đã truyền trao
Vẫn còn in đến ngày sau vẹn tròn.

---o0o---

Nét buồn

Minh Nhẫn

Thầy ơi! Diệu pháp vô nghi
Thầy chưa thuyết trọn đã đi vội vàng.
Chùa buồn khói quấn chân nhang
Lối mòn cỏ úa, rêu lan góc thềm.
Ngậm ngùi trú xứ Huệ Nghiêm
Đèn thiên chợt tắt, trăng đêm chuyển màu.
Kiếp người như gió qua mau
Thanh hơi thầy hướng lối vào chân như.
Chuông chiều vọng tiếng thanh ưu
Người đi vượt mặt còn lưu nét buồn.

---o0o---

Nhớ nắng ngày xưa

Thích Huyền Lan

Con đứng lặng giữa khung trời học viện

Cố tìm trên lối cũ dấu chân thầy
Chiều Huệ Nghiêm mưa cuối hạ buồn thay
Chỉ còn thấy đáng thầy trong di ảnh.

Những năm tháng gian nan vất vả
Thầy giang tay như mẹ dắt con đi
Mở lớp học dù chỉ vài ba đứa
Vì chúng con thầy nào có quản gì.
Chúng con lớn như chim rời khỏi tổ
Đến mọi vùng góp sức chung tay
Lòng vẫn luôn thương nhớ mãi nơi này
Ân giáo dưỡng tình thầy bao la quá!
Con đứng lặng trong sân chùa cuối hạ
Cây liễu già ủ rũ đứng buồn tênh
Đầu xuân ấy thầy cho con nắng ấm
Chớm thu nay con trước gió một mình!

---o0o---

Tang phần

Tâm Huệ

Con thờ thân lật hoài từng trang vở
Mong nhặt được dù một hạt phần ngày nao

Con nâng niu nâng từng viên phấn gãy
Nhớ giọng thầy xưa và bài giảng hôm nào.
Nghe trống vắng cả góc này bụi giảng
Viên phấn buồn nhớ hơi ấm bàn tay
Nước mắt rớt vo tròn trong bụi phấn
Trắng chiều nay tang phấn khóc thương thầy.

---o0o---

Hương chân thầy

Thu Nguyệt

Con nhìn lên phía bảng đen
Tưởng như hình bóng thân quen vẫn còn...
Thầy như viên phấn hao mòn
Khuyết thân mình để chúng con sáng lòng
Biết rồi “sắc tức thị không”
Mà sao mắt vẫn tuôn giòng tiếc thương!
Lối đi quen trước giảng đường
Cỏ cây như vẫn còn vương tiếng thầy
Áo nâu vừa thoáng đầu đây
Mà thân cát bụi một ngày thoát xa.
Tâm thành dâng vụn đài hoa
Nâng chân thầy bước hương tòa Như Lai.

---o0o---

**Kỷ niệm húy nhật lần thứ 6 (2002-2008)
ngày TT Thích Chơn Thanh viên tịch: Tinh pháp lữ**

Ngày 15/02/1965, tôi và thầy Chơn Thanh cũng như các học Tăng khác từ các nơi tập trung về Phật học viện Huệ Nghiêm dự thi tuyển vào khóa II của Phật học viện. Thầy thì từ Phật học đường Phổ Quang Gia Định đến, tôi thì từ Phật học đường Lương Xuyên- Trà Vinh lên, tất cả cùng một chí hướng, một mục đích và một ước nguyện là thi đậu vào Phật học viện. Kết quả, thầy thi đậu lớp Sơ trung 2, tôi thi đậu vào lớp Sơ trung 1.

Thuở ấy, Phật học viện Huệ Nghiêm còn thanh vắng, về cơ sở chỉ có ba dãy nhà tiền chế cấp 1, dãy giữa dùng làm chánh điện, hai dãy hai bên đông, tây dùng làm thư viện, phòng học cho lớp sơ trung, cao trung Phật học, chưa xây dựng dãy nhà ba tầng cũng như chánh điện hiện nay.

Khu tầng xá chỉ có hai dãy nhà tole, gọi là khu A và khu B. khu A gồm dãy nhà dài 10m, chia làm hai phòng dành cho chúng Mã Minh và chúng Long Thọ. Dãy nhà B dài 20m, chia làm bốn phòng, dành cho bốn chúng: Vô Trước, Thế Thân, Liễu Quán và Nguyên Thiều. Thầy thuộc chúng Long Thọ, tôi thuộc chúng Thế Thân.

Tuy nhiên, hàng ngày đều gặp nhau trong những giờ học tập, thọ trai và hội họp. Tất cả chúng tôi sống chan hòa, hồn nhiên, trong tình đạo bạn ở lứa tuổi mười lăm, mười sáu của cuộc đời tu sĩ, học Tăng.

Chúng tôi lại được sự đùm bọc và giáo dục của quý Hòa thượng: hòa thượng Bửu Huệ, Hòa thượng Thiện Tâm, Hòa thượng Thanh Từ và nhiều chư tôn đức khác trong Ban Giám đốc và Ban Giáo thọ của viện.

Trong chương trình học, hai lớp chúng tôi được học ngoại điển tại viện, Ban Giám đốc mời giáo sư Trường Bồ Đề Chợ Lớn, Sài Gòn vào dạy xen kẽ chương trình Phật học vào buổi sáng và buổi chiều. Khác với những chúng khác như Vạn Hạnh, Huyền Trang phải đi học ở Trường Bồ Đề Chợ Lớn, Sài Gòn.

Đến năm 1968, sau khi hoàn tất chương trình trung đẳng IV, tương đương trung học đệ nhất cấp, để thực hiện chương trình trao đổi Tăng sinh của Tổng vụ Giáo dục và Phật học vụ nhằm tạo sự cảm thông và hiểu biết lẫn nhau giữa Tăng sinh các Phật học viện và Tăng sinh các tỉnh vì thế tôi tạm

xa thầy để theo học tại Phật học viện Trung Phần- chùa Hải Đức Nha Trang. Còn thầy thì tiếp tục theo học chương trình trung đẳng chuyên khoa tại viện.

Thỉnh thoảng nhân dịp nghỉ hè, nghỉ tết, về thăm lại Sài Gòn, đến thăm trường xưa, cảnh cũ, thăm thầy, thăm chúng, thầy thường nhắn nhủ: “Có đi đâu thì đi, nhưng rồi cũng về cảnh cũ (tức Huệ Nghiêm), nhất là cần theo học chương trình chuyên khoa Phật học, mới giữ gìn được Phật chất thiện căn sâu dày, bảo đảm được đường tu trong đời này và đời sau như Hòa thượng Giám đốc hàng mong ước”.

Lời nhắc nhở của thầy góp phần tăng thêm sức mạnh, động viên, thôi thúc cho sự trở về nguồn của tôi. Do đó năm 1971, sau khi tốt nghiệp tú tài 2, cũng đúng vào thời gian thành lập Viện Cao đẳng Phật học và khai giảng khóa đầu tiên, tôi quyết chí trở lại Huệ Nghiêm, theo học chương trình cao đẳng Phật học thay vì theo học Phân khoa Phật học thuộc Viện Đại học Vạn Hạnh như những thầy cùng khóa.

Trong thời gian tại viện, dù bận nhiều công tác, học tập của viện, cộng thêm tôi lại theo học chương trình cử nhân tại Đại học Văn khoa Sài Gòn, (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM).

Tuy nhiên, tôi cũng cùng thầy tham gia Đoàn Giảng sư Trung ương của Tổng vụ Hoàng pháp – GHPGVNTN, do Hòa thượng Thích Huyền Vi lãnh đạo. Hàng tháng chúng tôi đều có đi thuyết pháp, giảng dạy tại một số tỉnh miền Tây, miền Đông ...

Đặc biệt trong những lần họp kiểm điểm về ưu, khuyết điểm trong công tác thuyết giảng, thầy đã chân thành phát biểu, nhận xét về tôi: “Thầy Nhơn có bốn nhược điểm: Một là khi giảng thường ngó lên trần nhà, không nhìn thính giả; hai là giảng nhanh quá, có lúc thính chúng không nghe kịp; ba là còn hơi ngưng ngập, cử chỉ chưa được tự nhiên, thiếu điệu bộ; bốn là giảng hơi cao, đôi khi không hợp trình độ đại chúng”.

Chính những nhận xét phê bình chân tình của thầy, mà tôi cố gắng khắc phục trong suốt thời gian hơn 30 năm để công tác thuyết pháp, giảng dạy có hiệu quả tốt hơn. Quả thật, như kinh Pháp Cú nói : “Ai phê bình ta, mà phê bình đúng là thầy ta”.

Kỳ thực, thầy không những là bạn mà còn là bậc thầy nữa. Do đó, thời gian sau này, khi tham gia công tác hoàng pháp của GHPGVN, thầy được phân công đặc trách Giảng sư đoàn, phụ trách môn Phương pháp diễn giảng, và

làm giám khảo những kỳ thi diễn giảng, thực tập diễn giảng v.v... góp nhiều công sức cho sự nghiệp đào tạo hàng trăm giảng sư, giảng sinh cho Giáo hội.

Tôi còn nhớ, năm 1971-1972, trong chương trình đi xây dựng cơ sở hạ tầng của Giáo hội tại Bình Dương và Bình Long, thầy đã tỏ ra lịch thiệp và tinh tế trong khi ứng xử, giải quyết nhiều vấn đề khúc mắc, đặc nhân tâm mà tôi không làm được, dù là cùng trang lứa và trình độ như nhau.

Quả thật, như người xưa nói: “Trong ba người cùng đi nhất định là có một người làm thầy mình”. Học là một chuyện, khả năng là một lẽ, nhưng cần phải có phúc tướng, đức độ và những kinh nghiệm trong xử thế, tế nhị trong giao tiếp, nhạy bén khi gặp việc, sống hài hòa, hoan hỷ với nhau... đó chính là những yếu tố góp phần thành công trên đường hóa đạo.

Điều này thầy đã đạt được khi còn ở trong chúng, trong trường, cũng như khi công tác tại địa phương và trung ương, đều được chư tôn đức giáo phẩm, Tăng Ni, Phật tử gần xa kính mến.

Sau năm 1975, thực hiện chương trình Về nguồn, nhập thất tịnh tu của Hòa thượng viện chủ, với tư cách là Ban lãnh chúng, thư ký của viện, thầy rất thông cảm cho tôi vì còn bận nhiều công tác Phật sự Giáo hội, giảng dạy tại các trường Phật học, nên đã dành nhiều ưu tiên, sắp xếp chương trình, thương lượng, thay đổi người cho tôi được nhập thất vào những dịp nghỉ hè, nghỉ tết, nhờ vậy mà tôi hoàn thành được hai mặt tịnh tu và công tác Phật sự cho Giáo hội trong thập niên đầu của lịch sử mới sang trang, Giáo hội mới thành lập.

Có những lúc thầy tâm sự: “Bồng em thì khỏi quét nhà, rửa chén thì khỏi nấu cơm” đó là trách nhiệm của mỗi người để cùng chung lo cho nhau được an tâm tu học, thực hiện chương trình trở về cảnh cũ, mà Hòa thượng viện chủ hằng ấp ủ, để từ đó tạo cho Huệ Nghiêm có những nét đặc thù, một tu viện nổi tiếng ở miền Nam lúc bấy giờ.

Khi Trường Cơ bản Phật học TP.HCM được thành lập năm 1988, dù ở cách xa hơn chục cây số, nhưng hàng tuần, bằng phương tiện xe buýt, xe lam, nhờ người chở hộ... (vì thầy không biết chạy xe gắn máy), thầy vẫn thường xuyên đến trường giảng dạy trong suốt chương trình, hơn ba khóa, gần 15 năm không hề bỏ lớp.

Sáng thứ Bảy (21-7-2002), tôi gặp thầy tại Văn phòng 2 TUGH. Thầy đến thăm sau chuyến tôi tháp tùng phái đoàn GHPGVN thăm Hội Phật tử Việt

Nam tại Pháp, và Thiền viện Trúc Lâm ở Paris. Tôi đã tặng một bút máy, một tháp Eiffel, một Khải hoàn môn là những biểu tượng của nước Pháp mà tôi mang về. Thầy nhận quà với vẻ mặt đượm buồn.

Tôi thắc mắc không biết trong thời gian mười ngày vắng mặt, ở trong nước có việc gì bất trắc xảy ra với Giáo hội, Thành hội hay cá nhân mà thầy có những biểu hiện không bình thường như vậy? Tôi dự định tìm hiểu, nhưng rồi việc gì đến đã đến....

Chiều thứ Bảy cùng ngày, tôi gặp lại thầy ở Văn phòng Trường Cao trung Phật học TP.HCM – chùa Vĩnh Nghiêm, hôm ấy thầy có vẻ rất mệt vì buổi sáng đã dạy cho trường hạ chùa Phổ Đà, chiều 2 giờ đầu dạy cho trường hạ Vĩnh Nghiêm, 2 giờ sau giảng cho lớp Ni – Cao đẳng Phật học.

Do đó, khi nhân chuông vào lớp, thầy mệt mỏi nói với cô thị giả: “Thầy mệt quá, nhưng cố gắng dạy cho xong”. Khi tan trường, thầy về, tôi tiễn thầy tại bậc thềm của văn phòng nhà trường, lúc ngồi trên xe honda do đệ tử chở, khi xe nổ máy và bắt đầu chuyển bánh, thầy còn nói vọng giả từ: “Tôi về nghe thầy Nhơn”.

Không ngờ chữ về ấy mang nhiều ý nghĩa. Về chùa Huệ Nghiêm, hay về cảnh cũ quê xưa, Niết bàn vô tung bất diệt?

Bốn giờ sáng Chủ nhật, một cú điện thoại do thầy Thiện Tánh gọi đến báo: “Anh có hay gì không? Anh Chơn Thanh bị tai biến mạch máu não sắp đi rồi, đang ở phòng cấp cứu bệnh viện Triều An”.

Tôi buông ống nghe xuống, bàng hoàng đi đến bệnh viện Triều An. Một cảnh tượng đau lòng diễn ra trước mắt: chung quanh là những Tăng Ni sinh, Phật tử với những dòng nước mắt, buồn thương, thất vọng!

Thế rồi đến 00 giờ 20 ngày 13-6 Âl (23-7-2002) thầy thu thần viên tịch. Thế là hết! Sự ra đi của thầy quả là một sự tổn thất to lớn đối với Giáo hội và Thành hội Phật giáo TP.HCM với Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước, bây giờ và cả sau này!

Ngày tiễn đưa kim quan thầy đến đài hỏa táng Bình Hưng Hòa, cũng chính là ngày lễ húy kỵ lần thứ 5 cô Hòa thượng Thích Thiện Hòa, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, Trưởng ban Thành hội Phật giáo TP.HCM, Hòa thượng khi còn sinh tiền rất mến thương thầy và tạo nhiều điều kiện cho thầy thăng tiến.

Kinh nghiệm cho thấy gần 15 năm công tác tại Văn phòng Thành hội Phật giáo, hôm nào vắng mặt thầy, Hòa thượng đều nói: “Văn phòng ngày nào mà không có Chơn Thanh, xem như thiếu một cái gì đấy ...”.

Quả thật, thầy là một hạt nhân thu hút được mọi nguồn năng lực, là ánh sáng chan hòa giữa tất cả mọi người, mọi dị biệt về tư tưởng và thành phần. Thầy là chất keo tạo sự đoàn kết hòa hợp trong Giáo hội và Thành hội Phật giáo. Thầy mất đi khó tìm lại được một người như thầy. Quả thật, như Trí Bảo Đại sư đã nói : “Quen nhau đầy dẫy trong thiên hạ, còn bạn tri âm có mấy người”.

HT. Thích Thiện Nhơn (Theo Giác Ngộ online)

---o0o---

Hết